

THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NAM TÔNG VIỆT NAM

VỊ DIỆU PHÁP

TOÁT YẾU

TẬP I

CITTA --- TÂM

(TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT)

TƯỜNG NHÂN SƯ
biên soạn



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
PL. 2567 – DL. 2023

TƯỜNG NHÂN SƯ biên soạn

VỊ DIỆU PHÁP

TOÁT YẾU

TẬP I

PL. 2567 – DL. 2023



VỊ DIỆU PHÁP

TOÁT YẾU

Xính dâng:

- Cố Tăng thống: Đại Trưởng lão Hộ Tông
- Cố Tăng thống: Đại Trưởng lão Giới Nghiêm
- Cố Tăng trưởng: Đại Trưởng lão Hộ Nhân
- Cố Viện trưởng: Đại Trưởng lão Sumont Nandiko

THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NAM TÔNG VIỆT NAM

VỊ DIỆU PHÁP TOÁT YẾU

TẬP I

CITTA --- TÂM

(TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT)

TƯỜNG NHÂN SƯ
biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
PL. 2567 – DL. 2023

LỜI NÓI ĐẦU

(Cho lần tái bản thứ nhất)

Gần 9 năm trôi qua, kể từ ngày cuốn Vi Diệu Pháp Toát Yếu, Tập I, Citta – Tâm được xuất bản làm giáo trình để giảng dạy bộ môn Abhidhamma – Vi Diệu Pháp cho chư Phật tử tại Hà Nội và Huế, cuốn sách này đã được nhiều lớp học viên lấy làm nền tảng cho việc bước đầu học tập những giáo lý cao siêu và thâm diệu mà Đức Thế Tôn đã truyền trao đến các hàng đệ tử từ hơn 2600 năm qua.

Với những ai tu tập trong giáo pháp của Đức Phật nói chung, nhất là với những ai quan tâm đến pháp hành thiền Chỉ tịnh (Samathakammaṭṭhāna) và thiền Minh sát (Vipassanākammatṭhāna) thì không thể thiếu hoặc bỏ qua Vi Diệu Pháp được, bởi lẽ bộ môn này đóng một vai trò quan trọng trong Tam Tạng Kinh điển mà Đức Đạo Sư đã truyền lại cho chúng đệ tử của mình. Thật vậy, trong số 84.000 Pháp uẩn (Dhammakkhanda) được kết tập qua 6 thời kỳ thì riêng Tạng Vi Diệu Pháp chiếm đến một nửa, tức là 42.000 Pháp uẩn. Chưa kể, nội dung của Tạng này chỉ nói đến những vấn đề chủ yếu là Chân nghĩa pháp (Paramatthadhamma) chẳng hạn như Uẩn (Khandha), Xứ (Āyatana), Giới (Dhātu), Đế (Sacca), v.v..., và không đề cập các Chế định pháp (Paññattidhamma). Khi đã có căn bản về bộ môn này, người con Phật có nguyện vọng tiến tu thiền Minh sát để mong giác ngộ chân lý, thoát ly khổ não, phiền ưu thì như đã có tấm bản đồ trong tay, đã biết cách đọc bản đồ ấy và tự mình phải “lên đường” nhằm đạt đến cứu cánh tối hậu là giải thoát tử sinh luân hồi, không lo sợ phải lầm đường lạc lối nữa.

Do nhu cầu học tập bộ môn này ngày càng mở rộng và sách cũ cũng đã phát hết, nên chúng tôi nhận thấy cần tái bản cuốn giáo trình này. Trong lần tái bản này, chúng tôi đã có chỉnh sửa và bổ sung một số nội dung cần thiết. Mong rằng khi đến tay độc giả, ấn bản này sẽ giúp cho quý vị dễ đọc và dễ hiểu hơn. Bên cạnh đó, chúng tôi biên soạn lại một vài chỗ sao cho phù hợp hơn và tinh gọn hơn, đặc biệt là quy ước lại cách canh dòng, canh lề, đánh số thứ tự, và phân bố chương mục, v.v...

Những ai lần đầu tiếp cận với bộ môn Vi Diệu Pháp ắt hẳn đều sẽ ngỡ ngàng, bởi vì trong lối sống lẫn trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta thường sử dụng ngôn từ và tư duy theo lề lối quen thuộc của cộng đồng mình đang sinh sống. Đó là kiểu nói năng và suy nghĩ theo các pháp Chế định, là sự quy ước của con người trong một cộng đồng nào đó với nhau. Nhưng Vi Diệu Pháp còn có thêm pháp Chân đế, hay

còn gọi là Chân nghĩa pháp, là những thực tính pháp, có bản chất và tự tánh của nó, nên sẽ tạo ra không ít khó khăn cho người mới nhập môn trên con đường học và hành theo Chánh pháp của Đức Đạo Sư.

Trong quá trình biên soạn tất nhiên không tránh khỏi những sơ suất, lầm lỗi trên tất cả mọi mặt, cầu mong các bậc thức giả lượng tình chỉ dạy cho.

Phần phước thiện này chúng con xin hồi hướng đến tất cả chúng sinh, nhất là thầy tổ, ông bà, cha mẹ, bà con quyến thuộc, bạn bè, cùng tất cả chư thiên và nhân loại. Cầu mong tất cả quý vị nhận lãnh phần thiện phước thanh cao này rồi được thoát khỏi khổ ách và an lạc lâu dài.

Huế, mùa Đông 2023

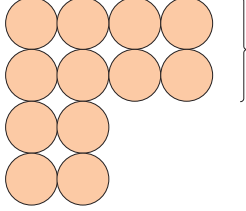
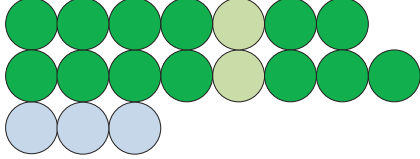
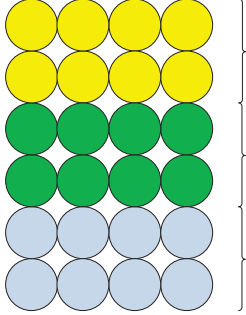
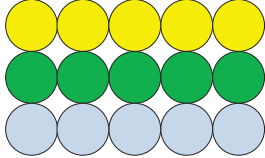
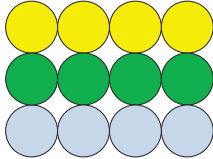
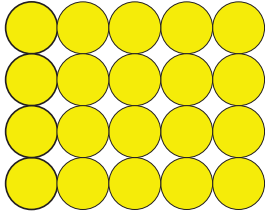
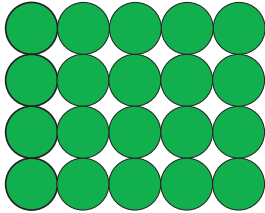
Tường Nhân Sư

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
Phụ lục	1
Pubbabhāga – Phần Mở Đầu	21
KĀMĀVACARACITTA – DỤC GIỚI TÂM	28
AKUSALACITTA – BẤT THIỆN TÂM.....	28
I. Lobhamūlacitta – Tham căn tâm.....	29
II. Dosamūlacitta – Sân căn tâm	33
III. Mohamūlacitta – Si căn tâm	34
IV. Akusalakammapatha – Bất thiện nghiệp đạo.....	35
V. Quả của Tham, Sân, Si.....	36
VI. Bất thiện tâm là pháp cần dứt bỏ.....	37
AHETUKACITTA – VÔ NHÂN TÂM.....	39
I. Akusalavipākacitta – Bất thiện quả tâm.....	41
II. Ahetukakusalavipākacitta – Vô nhân thiện quả tâm.....	43
III. Ahetukakiriyācitta – Vô nhân duy tác tâm	44
IV. Phận sự của Vô nhân tâm.....	49
SOBHAṆACITTA – TỊNH HẢO TÂM.....	51
I. Mahākusalacitta – Đại thiện tâm.....	52
II. Mahāvipākacitta – Đại quả tâm.....	60
III. Mahākiriyācitta – Đại duy tác tâm.....	62
RŪPĀVACARACITTA – SẮC GIỚI TÂM.....	64
I. Nghĩa của thiền	65
II. Thiền đoạn trừ Triền cái	66
III. Phận sự của các thiền chi.....	67
IV. Ba loại Định	69
V. Cấp hạng của thiền	69
VI. Đề mục (đối tượng) phát sinh thiền	71
VII. Phân biệt Bốn thiền với Năm thiền	72
VIII. Các cõi trời Sắc giới.....	73

RŪPĀVACARAKUSALACITTA – SẮC GIỚI THIỀN TÂM.....	74
RŪPĀVACARAVIPĀKACITTA – SẮC GIỚI QUẢ TÂM	77
RŪPĀVACARAKIRIYĀCITTA – SẮC GIỚI DUY TÁC TÂM	78
ARŪPĀVACARACITTA – VÔ SẮC GIỚI TÂM.....	80
ARŪPĀVACARAKUSALACITTA – VÔ SẮC GIỚI THIỀN TÂM.....	83
ARŪPĀVACARAVIPĀKACITTA – VÔ SẮC GIỚI QUẢ TÂM.....	83
ARŪPĀVACARAKIRIYĀCITTA – VÔ SẮC GIỚI DUY TÁC TÂM	84
I. Nghĩa của các thiền Vô sắc	84
II. Nơi sinh khởi của Vô sắc giới tâm.....	89
LOKUTTARACITTA – SIÊU THỂ TÂM	90
MAGGACITTA – ĐẠO TÂM	92
I. Liệt kê các Đạo tâm.....	92
II. Ý nghĩa của các Đạo tâm.....	96
III. Tính chất của việc đoạn trừ phiền não.....	97
IV. Đạo tâm đoạn tận các Bất thiện pháp.....	98
V. Sự đoạn tận Bất thiện nghiệp đạo theo tuần tự của Đạo tâm.....	99
PHALACITTA – QUẢ TÂM	100
I. Liệt kê các Quả tâm	100
II. Các hạng Thánh nhân.....	104
TEVIJĀ – TAM MINH	107
CHA ABHIÑÑĀ – LỤC THÔNG.....	107
PAṬISAMBHIDĀÑÑANA – TUỆ PHÂN TÍCH	107
BA LOẠI THÁNH A-RA-HÁN	108
Tài liệu tham khảo.....	110

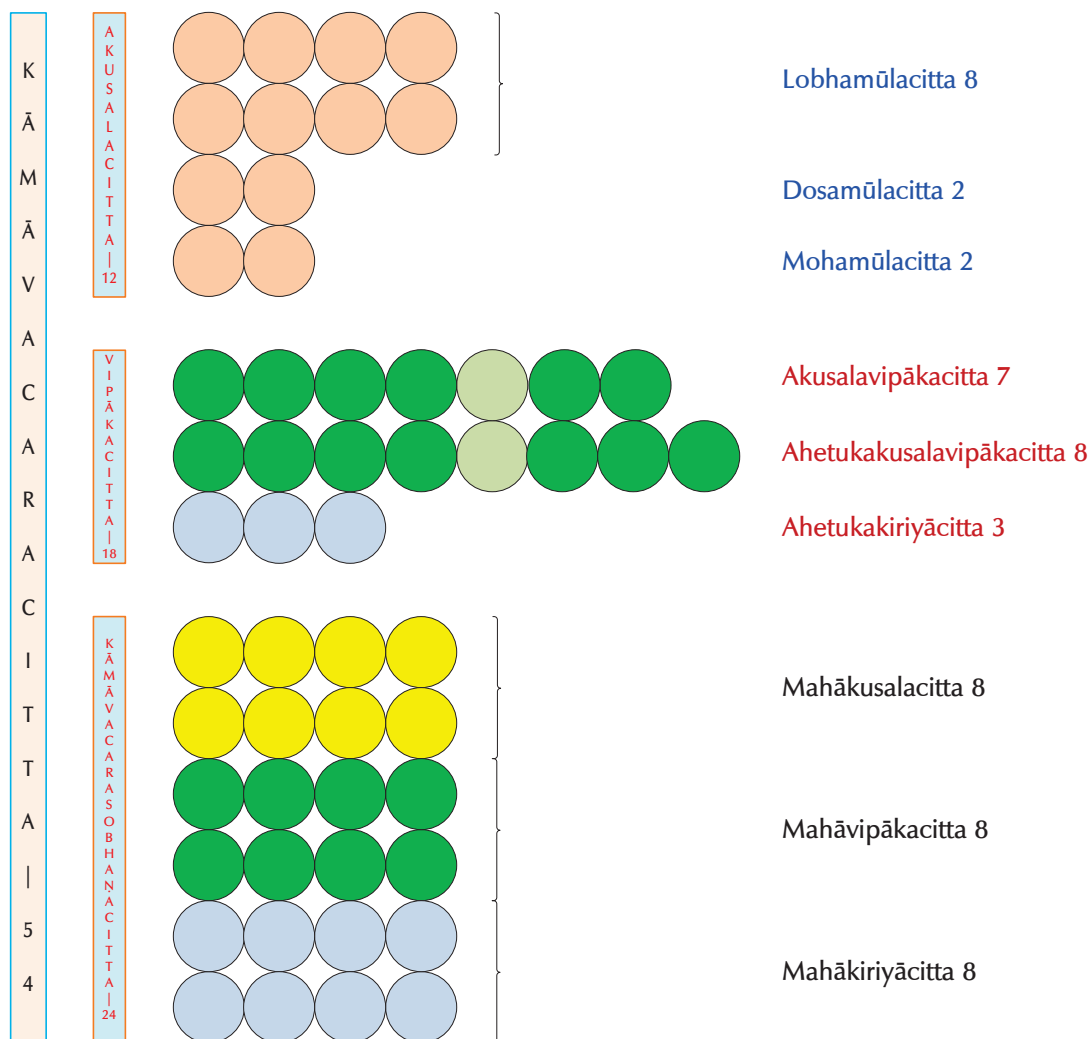
CITTA - TÂM 89 / 121

L O K T I Y A C I T T A 8 1	A J H Ā N A C I T T A 5 4	K Ā M Ā V A C A R A C I T T A 5 4	A K U S A L A C I T T A 12		Lobhamūlacitta 8	A S O B H A N A C I T T A 3 0
			V I P Ā K A C I T T A 18		Dosamūlacitta 2 Mohamūlacitta 2 Akusalavipākacitta 7 Ahetukakusalavipākacitta 8 Ahetukakiriyācitta 3	
			K Ā M Ā V A C A R A S O B H A N A C I T T A 24		Mahākusalacitta 8 Mahāvīpākacitta 8 Mahākiriyañcitta 8	
		M A H A G A T A C I T T A 2 7	R Ū P Ā V A C A R A 15		Rūpāvacarakusalacitta 5 Rūpāvacaravipākacitta 5 Rūpāvacarakiriyācitta 5	
			A R Ū P Ā V A C A R A 12		Arūpāvacarakusalacitta 4 Arūpāvacaravipākacitta 4 Arūpāvacarakiriyācitta 4	
			M A G G A C I T T A 4 20		Sotāpattimaggacitta 1/5 Sakadāgāmimaggacitta 1/5 Anāgāmimaggacitta 1/5 Arahattamaggacitta 1/5	
L O K U T T A R A C I T T A 8 40	I T T A 6 7		P H A L A C I T T A 4 20		Sotāpattiphalacitta 1/5 Sakadāgāmiphalacitta 1/5 Anāgāmiphalacitta 1/5 Arahattaphalacitta 1/5	

KĀMĀVACARACITTA

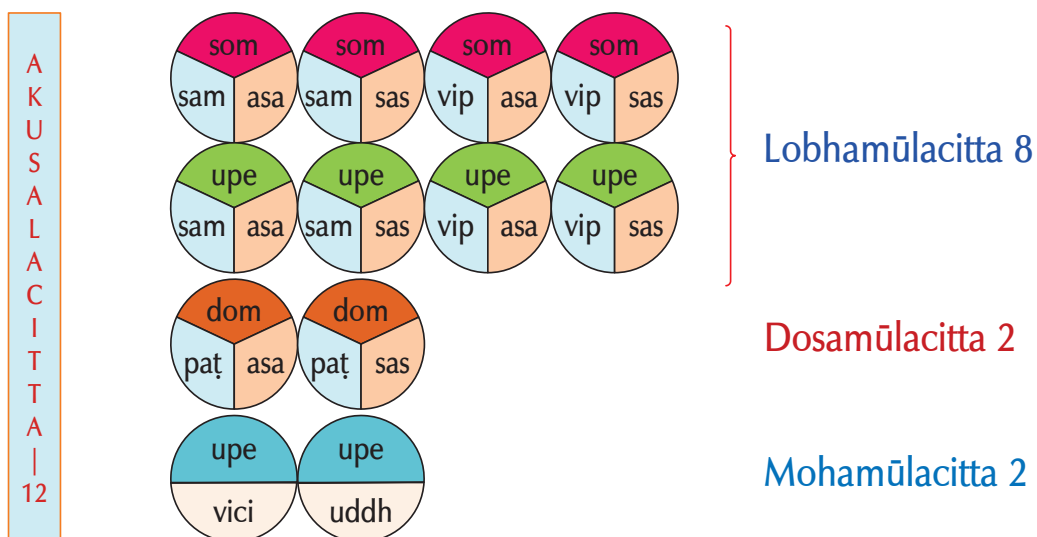
54 TÂM DỤC GIỚI

Loại tâm này phần nhiều lưu hành trong các cõi Dục giới



AKUSALACITTA**12 BẤT THIỆN TÂM**

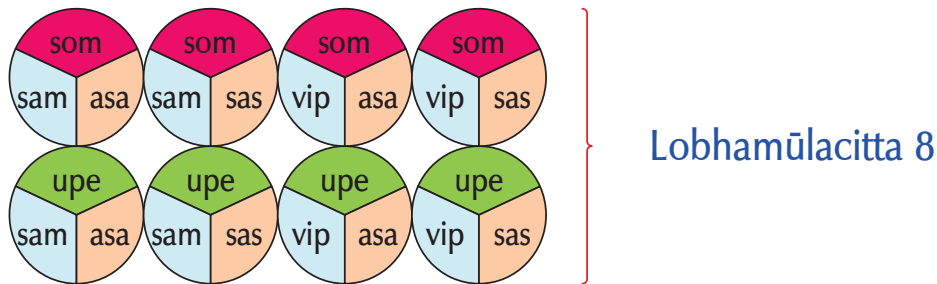
Loại tâm này đồng sinh với các tâm sở Bất thiện, cho quả khổ đau, đối nghịch với các Thiện tâm



Tổng cộng Akusalacitta 12 Bất thiện tâm

LOBHAMŪLACITTA 8 THAM CĂN TÂM

Loại tâm này đồng sinh với tâm sở Tham,
có tham là căn để, là pháp dẫn đầu



1. Somanassasahagatam ditṭhigatasampayuttam asaṅkhārikam

Tham tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà kiến, không cần tác động

2. Somanassasahagatam ditṭhigatasampayuttam sasaṅkhārikam

Tham tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà kiến, cần có tác động

3. Somanassasahagatam ditṭhigatavippayuttam asaṅkhārikam

Tham tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà kiến, không cần tác động

4. Somanassasahagatam ditṭhigatavippayuttam sasaṅkhārikam

Tham tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà kiến, cần có tác động

5. Upekkhāsahagatam ditṭhigatasampayuttam asaṅkhārikam

Tham tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với tà kiến, không cần tác động

6. Upekkhāsahagatam ditṭhigatasampayuttam sasaṅkhārikam

Tham tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với tà kiến, cần có tác động

7. Upekkhāsahagatam ditṭhigatavippayuttam asaṅkhārikam

Tham tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà kiến, không cần tác động

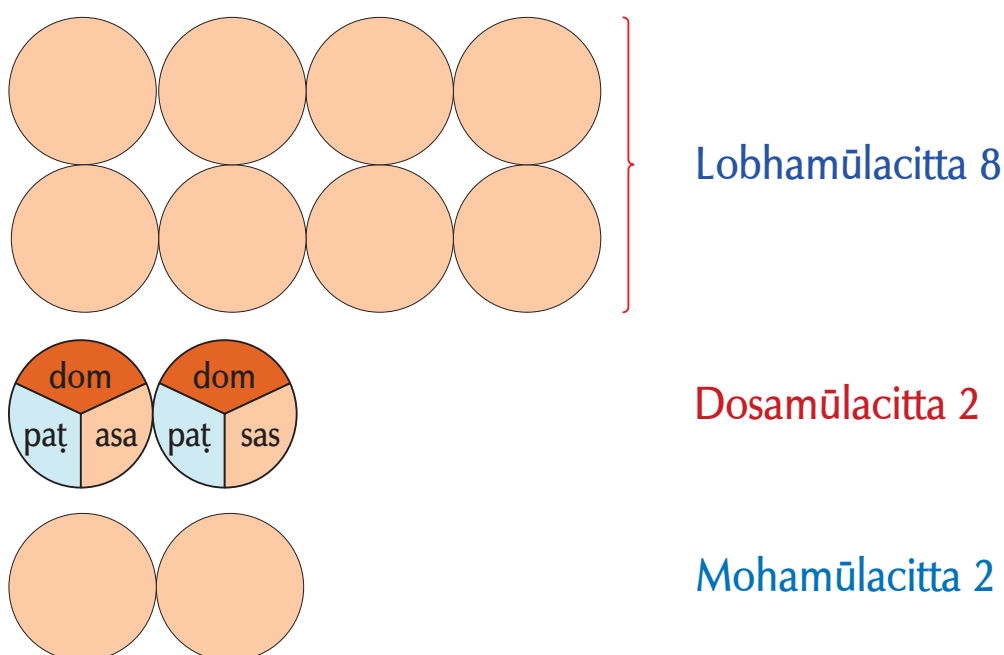
8. Upekkhāsahagatam ditṭhigatavippayuttam sasaṅkhārikam

Tham tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà kiến, cần có tác động

Tổng cộng Lobhamūlacitta 8 Tham căn tâm

DOSAMŪLACITTA 2 SÂN CĂN TÂM

Loại tâm này đồng sinh với tâm sở Sân,
có sân là căn để, là pháp dẫn đầu



1. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ

Sân tâm thứ nhất đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác động

2. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ sasāṅkhārikaṃ

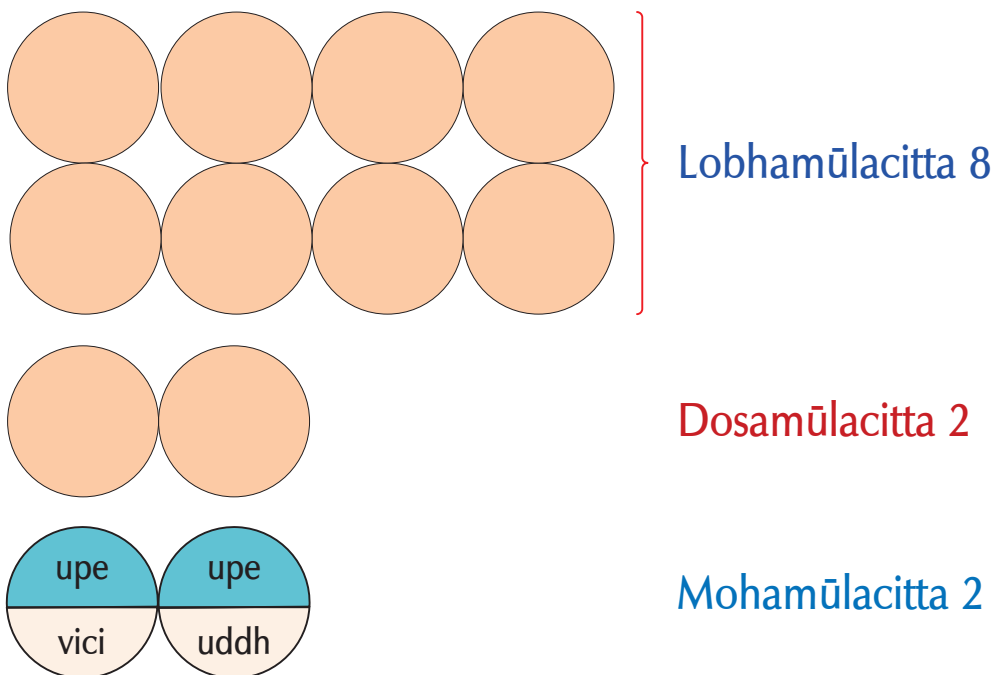
Sân tâm thứ nhì đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần có tác động

Tổng cộng Dosamūlacitta 2 Sân căn tâm

MOHAMŪLACITTA

2 SI CĂN TÂM

Loại tâm này đồng sinh với tâm sở Si,
có si là căn để, là pháp dẫn đầu



1. Upekkhāsahagatam vicikicchāsampayuttam

Si tâm thứ nhất đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài nghi

2. Upekkhāsahagatam uddhaccasampayuttam

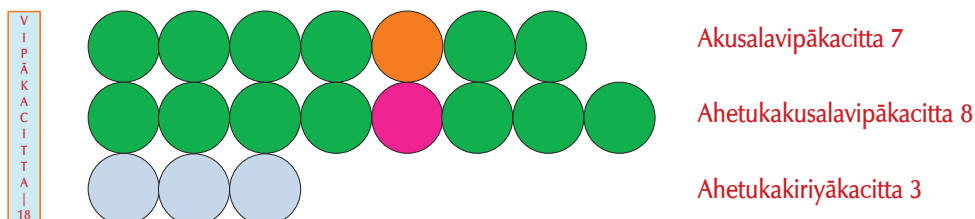
Si tâm thứ nhì đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng tâm

Tổng cộng Mohamūlacitta 2 Si căn tâm

AHETUKACITTA

18 VÔ NHÂN TÂM

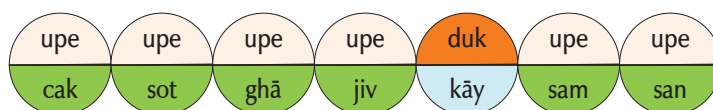
Loại tâm này không kết hợp với nhân nào trong 6 nhân là Nhân tham, Nhân sân, Nhân si, Nhân vô tham, Nhân vô sân và Nhân vô si cả.



AKUSALAVIPĀKACITTA

7 BẤT THIỆN QUẢ TÂM

Là quả tâm phát sinh từ các tâm Bất thiện, làm cho thấy những cảnh xấu ác, nghe tiếng không hay ho, ...



1. Upekkhāsahagatam cakkhaviññāṇam

Nhãn thức tâm đồng sinh với thọ xả, thấy sắc trần không tốt đẹp

2. Upekkhāsahagatam sotaviññāṇam

Nhĩ thức tâm đồng sinh với thọ xả, nghe thanh trần không tốt đẹp

3. Upekkhāsahagatam ghānaviññāṇam

Tỷ thức tâm đồng sinh với thọ xả, ngửi hương trần không tốt đẹp

4. Upekkhāsahagatam jivhāviññāṇam

Thiệt thức tâm đồng sinh với thọ xả, nếm vị trần không tốt đẹp

5. Dukkhasahagatam kāyaviññāṇam

Thân thức tâm đồng sinh với thọ khổ, chạm xúc trần không tốt đẹp

6. Upekkhāsahagatam sampañchanacittam

Tiếp thọ tâm đồng sinh với thọ xả, nhận ngũ trần không tốt đẹp

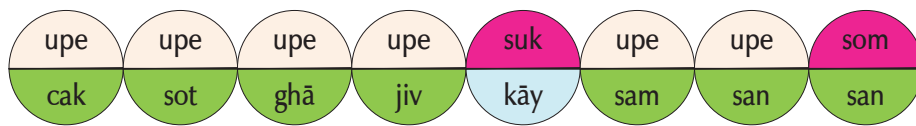
7. Upekkhāsahagatam santīraṇacittam

Suy đặc tâm đồng sinh với thọ xả, quán sát ngũ trần không tốt đẹp

Tổng cộng Akusalavipākacitta 7 Bất thiện quả tâm

AHETUKAKUSALAVIPĀKACITTA 8 VÔ NHÂN THIỆN QUẢ TÂM

Là quả tâm phát sinh từ các tâm Đại thiện, làm cho mắt thấy
những cảnh đẹp đẽ, tai nghe tiếng hay ho, ...



1. Upekkhāsahagatam cakkhaviññāṇam

Nhãn thức tâm đồng sinh với thọ xả, thấy sắc trần tốt đẹp

2. Upekkhāsahagatam sotaviññāṇam

Nhĩ thức tâm đồng sinh với thọ xả, nghe thanh trần tốt đẹp

3. Upekkhāsahagatam ghānaviññāṇam

Tỷ thức tâm đồng sinh với thọ xả, ngửi hương trần tốt đẹp

4. Upekkhāsahagatam jivhāviññāṇam

Thiệt thức tâm đồng sinh với thọ xả, nếm vị trần tốt đẹp

5. Sukhasahagatam kāyaviññāṇam

Thân thức tâm đồng sinh với thọ lạc, chạm xúc trần tốt đẹp

6. Upekkhāsahagatam sampaticchanacittam

Tiếp thọ tâm đồng sinh với thọ xả, tiếp nhận ngũ trần tốt đẹp

7. Upekkhāsahagatam santīraṇacittam

Suy đặc tâm đồng sinh với thọ xả, quán sát ngũ trần tốt đẹp

8. Somanassasahagatam santīraṇacittam

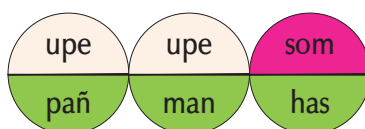
Suy đặc tâm đồng sinh với thọ hỷ, quán sát ngũ trần tốt đẹp

Tổng cộng Ahetukakusalavipākacitta 8 Vô nhân thiện quả tâm

AHETUKAKIRIYĀCITTA

3 VÔ NHÂN DUY TÁC TÂM

Là tâm chỉ có hành động, không do một nhân nào tạo tác trong quá khứ, sau khi diệt cũng không để lại quả nào



1. Upekkhāsahagatam pañcadvārāvajjanacittam

Ngũ môn hướng tâm đồng sinh với thọ xả, xem xét đối tượng qua ngũ căn

2. Upekkhāsahagatam manodvārāvajjanacittam

Ý môn hướng tâm đồng sinh với thọ xả, xem xét đối tượng qua ý căn

3. Somanassasahagatam hasituppādacittam

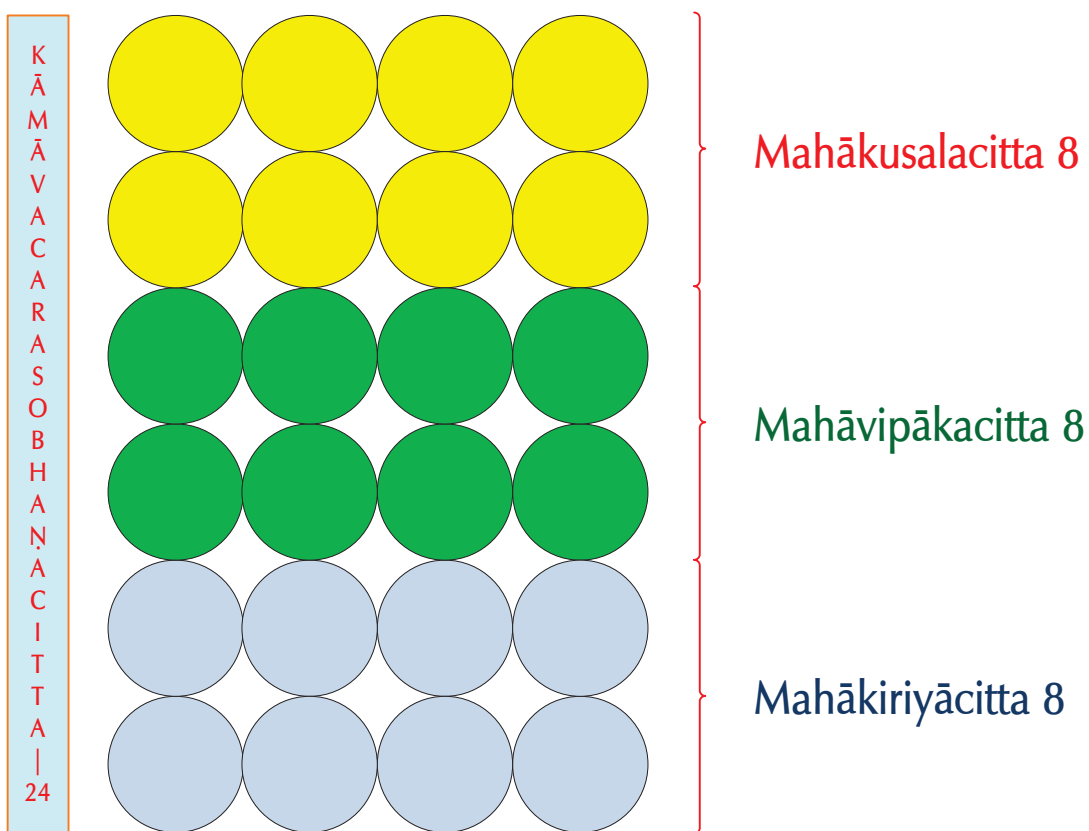
Tiểu sanh tâm đồng sinh với thọ hỷ, làm phát khởi sự mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán

Tổng cộng Ahetukakiriyācitta 3 Vô nhân duy tác tâm

KĀMĀVACARASOBHĀṄACITTA

24 DỤC GIỚI TỊNH HẢO TÂM

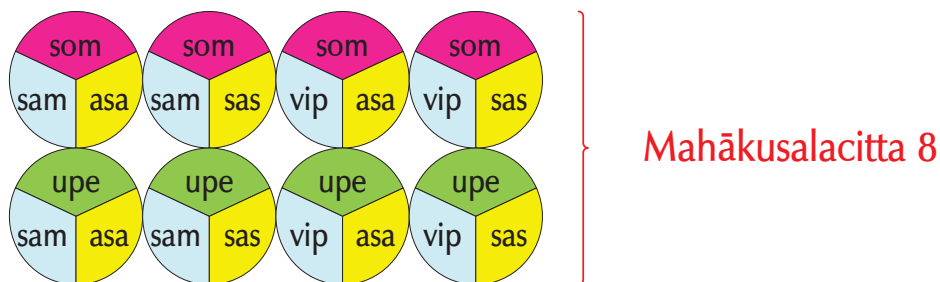
Là tâm tốt đẹp, tịnh hảo thuộc về Dục giới, đồng sinh
với các tâm sở Tịnh hảo



MAHĀKUSALACITTA

8 ĐẠI THIỆN TÂM

Là tâm thiện, không có tội lỗi, tạo quả an lạc, làm nền tảng cho thiền, thần thông và đạo quả.



1. Somanassasahagatam ñāṇasampayuttam asaṅkhārikam

Đại thiện tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, không cần tác động

2. Somanassasahagatam ñāṇasampayuttam asaṅkhārikam

Đại thiện tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, cần có tác động

3. Somanassasahagatam ñāṇavippayuttam asaṅkhārikam

Đại thiện tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, không cần tác động

4. Somanassasahagatam ñāṇavippayuttam asaṅkhārikam

Đại thiện tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, cần có tác động

5. Upekkhāsahagatam ñāṇasampayuttam asaṅkhārikam

Đại thiện tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, không cần tác động

6. Upekkhāsahagatam ñāṇasampayuttam asaṅkhārikam

Đại thiện tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, cần có tác động

7. Upekkhāsahagatam ñāṇavippayuttam asaṅkhārikam

Đại thiện tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, không cần tác động

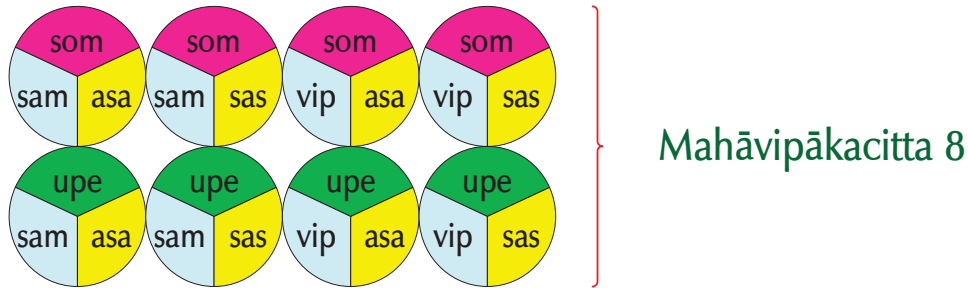
8. Upekkhāsahagatam ñāṇavippayuttam asaṅkhārikam

Đại thiện tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, cần có tác động

Tổng cộng Mahākusalacitta 8 Đại thiện tâm

MAHĀVIPĀKACITTA 8 ĐẠI QUẢ TÂM

Là quả của các Đại thiện tâm, làm nhiệm vụ Tục sinh tâm,
Hộ kiếp tâm và Tử tâm của chư thiên và loài người



1. Somanassasahagataṃ nāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ

Đại quả tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, không cần tác động

2. Somanassasahagataṃ nāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ

Đại quả tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, cần có tác động

3. Somanassasahagataṃ nāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ

Đại quả tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, không cần tác động

4. Somanassasahagataṃ nāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ

Đại quả tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, cần có tác động

5. Upekkhāsahagataṃ nāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ

Đại quả tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, không cần tác động

6. Upekkhāsahagataṃ nāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ

Đại quả tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, cần có tác động

7. Upekkhāsahagataṃ nāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ

Đại quả tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, không cần tác động

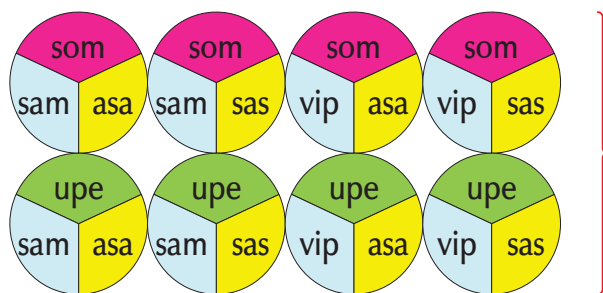
8. Upekkhāsahagataṃ nāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ

Đại quả tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, cần có tác động

Tổng cộng Mahāvīpākacitta 8 Đại quả tâm

MAHĀKIRIYĀCITTA 8 ĐẠI DUY TÁC TÂM

Là tâm giống các Đại thiện tâm, phát sinh với
bậc Thánh A-ra-hán



Mahākiriyācitta 8

1. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikam

Đại duy tác tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, không cần tác động

2. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikam

Đại duy tác tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, cần có tác động

3. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikam

Đại duy tác tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, không cần tác động

4. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikam

Đại duy tác tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, cần có tác động

5. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikam

Đại duy tác tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, không cần tác động

6. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikam

Đại duy tác tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, cần có tác động

7. Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikam

Đại duy tác tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, không cần tác động

8. Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikam

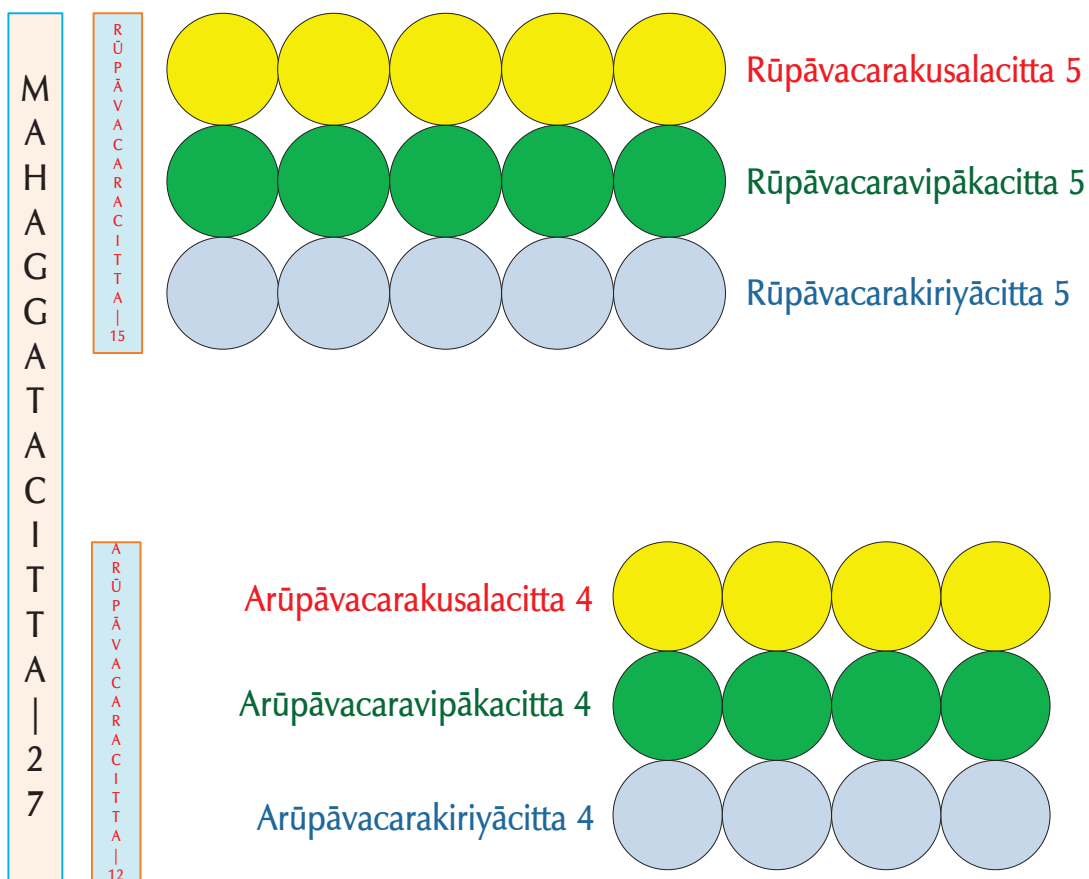
Đại duy tác tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, cần có tác động

Tổng cộng Mahākiriyācitta 8 Đại duy tác tâm

MAHAGGATACITTA

27 ĐẠI HÀNH TÂM

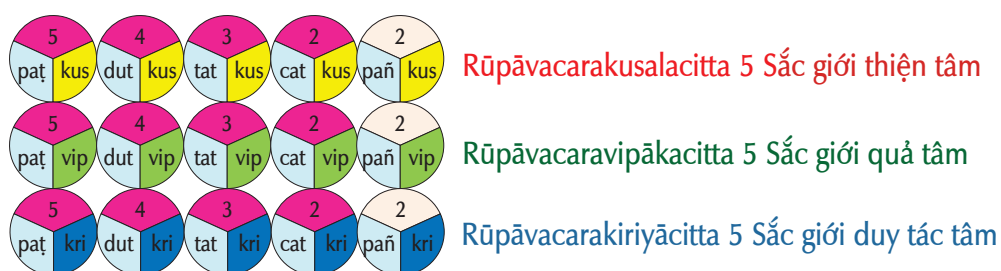
Là những tâm đạt đến trạng thái cao thượng quý báu



RŪPĀVACARACITTA

15 SẮC GIỚI TÂM

Các tâm này phát sinh và lưu hành phần nhiều trong cõi Sắc giới



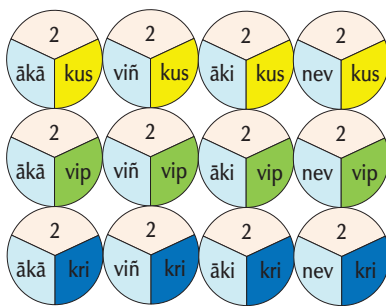
- | | | |
|----|---|---|
| 1. | Vitakkavicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna | |
| 2. | Vicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ dutiyaṃ | } |
| 3. | Pīṭisukhekaggatāsahitaṃ tatiyaṃ | |
| 4. | Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna | |
| 5. | Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna | |
| | | kusalacittaṃ
vipākacittaṃ
kiriyaṇacittaṃ |

- | | | | | |
|---|---|-----------|---|---|
| 1. Đệ nhất thiền | } | thiện tâm | } | sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm |
| 2. Đệ nhị thiền | | | | sinh với bốn thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm |
| 3. Đệ tam thiền | | | | sinh với ba thiền chi là phi, lạc và nhất tâm |
| 4. Đệ tứ thiền | | | | sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm |
| 5. Đệ ngũ thiền | | | | sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm |

Tổng cộng Rūpāvacaracitta 15 Sắc giới tâm

ARŪPĀVACARACITTA 12 VÔ SẮC GIỚI TÂM

Các tâm này phát sinh và lưu hành phần nhiều trong cảnh giới Vô sắc



Arūpāvacarakusalacitta 4 Vô sắc giới thiện tâm

Arūpāvacaravipākacitta 4 Vô sắc giới quả tâm

Arūpāvacarakiriyācitta 4 Vô sắc giới duy tác tâm

- | | | | |
|----|-----------------------|------------------------|---|
| 1. | Upekkhekaggatāsahitaṃ | ākāsānañcāyatana | } kusalacittaṃ
vipākacittaṃ
kiriyaṃ |
| 2. | Upekkhekaggatāsahitaṃ | viññāṇañcāyatana | |
| 3. | Upekkhekaggatāsahitaṃ | ākīñcaññāyatana | |
| 4. | Upekkhekaggatāsahitaṃ | nevasaññānāsaññāyatana | |

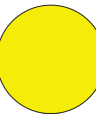
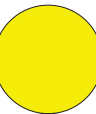
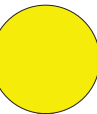
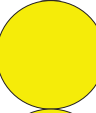
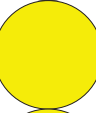
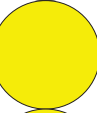
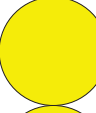
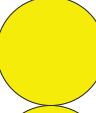
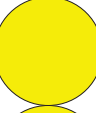
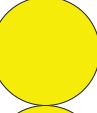
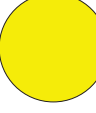
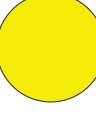
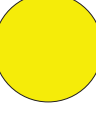
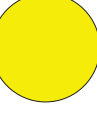
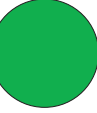
- | | | |
|-------------------------------------|---------------------------------------|--|
| 1. Không vô biên xứ thiền | } thiện tâm
quả tâm
duy tác tâm | } sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm
sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm
sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm
sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm |
| 2. Thức vô biên xứ thiền | | |
| 3. Vô sở hữu xứ thiền | | |
| 4. Phi tướng phi phi tướng xứ thiền | | |

Tổng cộng Arūpāvacaracitta 12 Vô sắc giới tâm

LOKUTTARACITTA 8/40

8/40 SIÊU THỂ TÂM

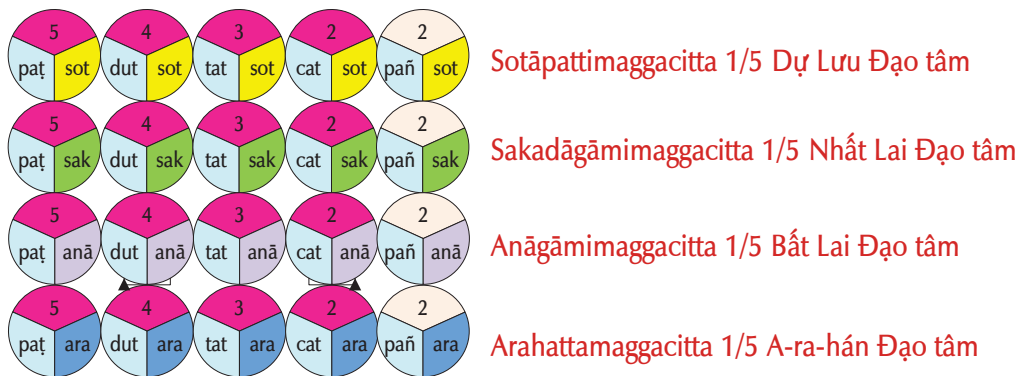
Là tâm vượt ra khỏi Tam giới (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới)

L O K U T T A R A C I T T A 8 40	M A G G A C I T T A 4 20						Sotāpattimaggacitta 1/5
							Sakadāgāmimaggacitta 1/5
							Anāgāmimaggacitta 1/5
							Arahattamaggacitta 1/5
	P H A L A C I T T A 4 20						Sotāpattiphalacitta 1/5
							Sakadāgāmiphalacitta 1/5
							Anāgāmiphalacitta 1/5
							Arahattaphalacitta 1/5

MAGGACITTA

4/20 ĐẠO TÂM

Là tâm các bậc Thánh đang đoạn trừ phiền não, cấu uế của nội tâm



- | | | | |
|----|--------------------------------------|----------------|--|
| 1. | Vitakkavicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ | paṭhamajjhāna | } sotāpattimaggacittaṃ
sakadāgāmicattāṃ
anāgāmicattāṃ
arahattamaggacittaṃ |
| 2. | Vicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ | dutiyajjhāna | |
| 3. | Pīṭisukhekaggatāsahitaṃ | tatiyajjhāna | |
| 4. | Sukhekaggatāsahitaṃ | catutthajjhāna | |
| 5. | Upekkhekaggatāsahitaṃ | pañcamajjhāna | |

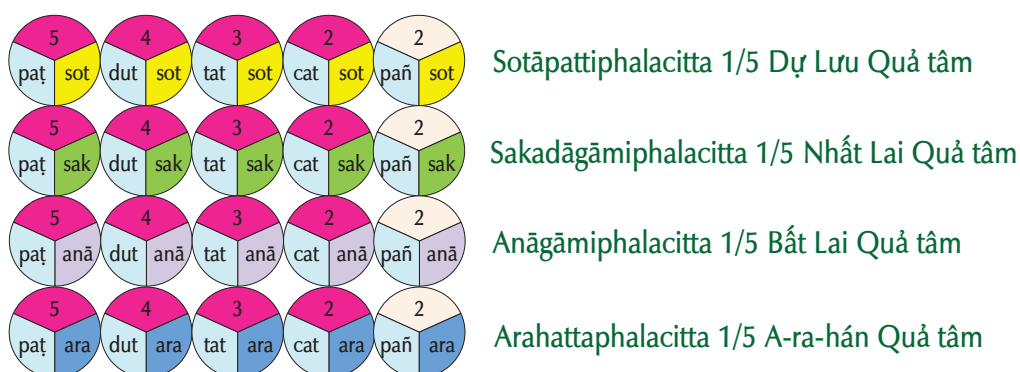
- | | | |
|------------------|---|---|
| 1. Độ nhất thiền | } dự lưu đạo tâm
nhất lai đạo tâm
bất lai đạo tâm
a-ra-hán đạo tâm | } sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm
sinh với bốn thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm
sinh với ba thiền chi là phi, lạc và nhất tâm
sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm
sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm |
| 2. Độ nhị thiền | | |
| 3. Độ tam thiền | | |
| 4. Độ tứ thiền | | |
| 5. Độ ngũ thiền | | |

Tổng cộng Maggacitta 4/20 Đạo tâm

PHALACITTA

4/20 QUẢ TÂM

Là tâm các bậc Thánh đã đoạn trừ phiền não, cấu uế của nội tâm



1.	Vitakkavicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ	paṭhamajjhāna	} sotāpatti phalacittaṃ sakadāgāmi phalacittaṃ anāgāmi phalacittaṃ arahatta phalacittaṃ
2.	Vicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ	dutiyajjhāna	
3.	Pīṭisukhekaggatāsahitaṃ	tatiyajjhāna	
4.	Sukhekaggatāsahitaṃ	catutthajjhāna	
5.	Upekkhekaggatāsahitaṃ	pañcamajjhāna	

1. Độ nhất thiền	} dự lưu quả tâm nhất lai quả tâm bất lai quả tâm a-ra-hán quả tâm	sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm
2. Độ nhị thiền		sinh với bốn thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm
3. Độ tam thiền		sinh với ba thiền chi là phi, lạc và nhất tâm
4. Độ tứ thiền		sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm
5. Độ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm

Tổng cộng Phalacitta 4/20 Quả tâm

YASSA CITTAM UPPAJJATI NA NIRUJJHATI
TASSA CITTAM NIRUJJHISSATI NA UPPAJJISSATĪ'TI ?

Tâm của người nào đang sinh không phải đang diệt
Tâm của người đó sẽ diệt sẽ không sinh phải không?

YASSA VĀ PANA CITTAM NIRUJJHISSATI NA UPPAJJISSATI
TASSA CITTAM UPPAJJATI NA NIRUJJHATĪ'TI ?

Hoặc là: Tâm của người nào sẽ diệt sẽ không sinh
Tâm của người đó đang sinh không phải đang diệt phải không?

(Abhidhammapiṭaka, Yamaka)

Trong *Chú giải bộ Pháp Tụ (Dhammasaṅgani)* có tên là *Aṭṭhasālinī aṭṭhakathā* có ghi:

Karuṇā viya sattesu Paññā yassa mahesino
Ñeyyadhammesu sabbesu Pavattittha yathārucci
Trí tuệ của Đức Phật, bậc đại công đức, biến mãn trong khắp cả
Pháp cần liễu tri tùy tâm nguyện; giống như Đức Đại Bi mà Ngài
truyền rải cho chúng sinh

ÑEYYADHAMMA là pháp mà Bậc Chánh Đẳng Giác cần thấu hiểu, liễu tri, gồm 5 chi:

1, *Saṅkhāra*: Bao gồm 53 Danh pháp (Nāmadhamma) là 1 Tâm (Citta) + 52 Tâm sở (Cetasika) và 18 Sắc thật (Nipphannarūpa).

2, *Vikāra*: 5 Sắc biến chuyển (Vikārarūpa), bao gồm 2 Sắc cử động (Viññattirūpa) và Sắc nhẹ nhàng (Lahutā), Sắc mềm mại (Mudutā), Sắc uyển chuyển (Kammaññatā).

3, *Lakkhaṇa*: Bao gồm 4 Sắc trạng thái (Lakkhaṇarūpa), đó là: Sanh sắc (Upacayarūpa), Tiến sắc (Santatirūpa), Lão sắc (Jaratārūpa), Diệt sắc (Aniccatārūpa).

4, *Nibbāna*: Trạng thái diệt tận Phiền não (Kilesa) và Khổ đau (Dukkha).

5, *Paññatti*: Chế định, khái niệm, thi thiết,... mà người ta dùng để gọi, đặt tên, ví dụ: nhà cửa, núi non, đất nước, v.v...

PAÑÑATTI – CHẾ ĐỊNH

1. Ngôn ngữ chế định:

Có 2 loại ngôn ngữ chế định là:

- Ngôn ngữ Pāli
- Ngôn ngữ địa phương

Ví dụ:

<i>Tiếng Pāli</i>	<i>Tiếng Anh</i>	<i>Tiếng Hoa</i>	<i>Tiếng Việt</i>
Manussa	Humanity	Rén lei	Nhân loại
Purisa	Man	Nán rén	Đàn ông
Itthī	Women	Nữ rén	Đàn bà

2. Pháp chế định:

a, *Atthapaññatti* – *Nghĩa chế định*: Chế định, quy ước về ý nghĩa, hình dạng, chủng loại, v.v....:

- *Santānapaññatti*: Chế định về hình khối, mặt phẳng của đất, chiều cao của núi
- *Samūhapaññatti*: Chế định về tổng hợp, lắp ráp các bộ phận thành xe, nhà
- *Sattapaññatti*: Chế định về chúng sinh, đàn ông, đàn bà, chư thiên, súc vật
- *Disāpaññatti*: Chế định về phương hướng, đông tây nam bắc
- *Kālapaññatti*: Chế định về thời gian, sáng trưa chiều tối
- *Akāsapaññatti*: Chế định về không gian, hang động hầm hố
- *Kasiṇapaññatti*: Chế định về đề mục (hành thiền)
- *Nimittapaññatti*: Chế định về ấn tượng (trong thiền định)

b, *Saddapaññatti* – *Ngữ chế định*: Chế định, quy ước về ngôn ngữ

– *Avijjamānapaññatti*: Từ ngữ chế định ra không có thực tính pháp (abhāva-dhamma) hiện hữu làm nền tảng, ví dụ: con người, chư thiên, nhà cửa, sông núi, v.v....

– *Vijjamānapaññatti*: từ ngữ chế định ra có thực tính pháp hiện hữu (sabhāvadhamma) làm nền tảng, ví dụ: Tâm, Tâm sở, Sắc, Niết-bàn, Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Uẩn, Xứ, Giới, v.v....

*Sinh con rồi mới sinh cha,
Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông.*

MẪU TỰ PĀLI

1, Nguyên âm (Sara):

Tiếng Pāli có tất cả 8 Nguyên âm, phân thành 2 loại là:

a, *Đoản âm (Rassasara)*: Là nguyên âm đọc giọng ngắn lại, gồm có:

A I U a i u

b, *Trường âm (Dīghasara)*: Là nguyên âm đọc giọng dài ra, gồm có:

$\bar{A}$ $\bar{I}$ $\bar{U}$ E O
 $\bar{a}$ $\bar{i}$ $\bar{u}$ e o

2, *Phụ âm (Byañjana)*:

Tiếng Pāli có tất cả 33 Phụ âm, phân thành 2 loại là:

a, *Phụ âm đoàn (Vagga)*: Gồm có 25 Phụ âm, chia thành 5 đoàn:

K	KH	G	GH	Ṅ	k	kh	g	gh	ṅ
C	CH	J	JH	Ñ	c	ch	j	jh	ñ
Ṭ	ṬH	Ḍ	ḌH	Ṇ	ṭ	ṭh	ḍ	ḍh	ṇ
T	TH	D	DH	N	t	th	d	dh	n
P	PH	B	BH	M	p	ph	b	bh	m

b, *Phụ âm vô đoàn (Avagga)*: Gồm có 8 Phụ âm là:

Y R L V S H L M y r l v s h l m



ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA

THẮNG PHÁP TẬP YẾU NGHĨA

Gāthāsaṅgaha:

1. SAMMĀSAMBUDDHAMATULAM
SASADDHAMMAGAṆUTTAMAM
ABHIVĀDIYA BHĀSISSAM
ABHIDHAMMATTHASAṄGAHAM

1. *Sammāsambuddha*: Đức Chánh Đẳng Giác, bậc liễu tri *Ñeyyadhamma*, gồm 5 chi như đã nêu.

2. *Atulam*: Vô tỷ, không thể so sánh được.

3. *Sasaddhammagāṇuttamam*: Cùng với Chánh Pháp (Saddhamma) và Chư Thánh Tăng, là bậc đại đức tối thượng.

SADDHAMMA: Gồm 10 chi pháp là:

- 4 Đạo (Magga)
- 4 Quả (Phala)
- 1 Niết-bàn (Nibbāna)
- 1 Pháp học (Pariyattidhamma)

Hoặc phân thành 3 pháp là:

- *Pariyattisaddhamma* (Pháp học): Pāli (Tam tạng) và Aṭṭhakathā (Chú giải)
- *Paṭipattisaddhamma* (Pháp hành): Giữ giới, thọ đầu đà, hành thiền Chỉ tịnh và hành thiền Minh sát
- *Paṭivedhasaddhamma* (Pháp thành): Đạo, Quả, Niết-bàn, Thiền (Jhāna) và Thần thông (Abhiññā)

4. *Abhivādiya*: Thành kính đánh lễ ... rồi, sau khi thành kính đánh lễ...

5. *Bhāsisam*: Nói, thuyết, viết, trước tác, v.v....

6. *Abhidhammatthasaṅgaha* (*abhi + dhamma + attha + saṅgaha*): Thắng Pháp Tập Yếu Nghĩa

PARAMATTHADHAMMA

CHÂN NGHĨA PHÁP

Gāthāsaṅgaha:

1. TATTHA VUTTĀBHIDHAMMATTHĀ
CATUDHĀ PARAMATTHATO
CITTAM CETASIKAṀ RŪPAM
NIBBĀNAMĪTI SABBATHĀ

Theo Chân Nghĩa Pháp, có tất cả 4 pháp thuộc về Vi
Diệu Pháp là: Tâm, Tâm sở, Sắc và Niết-bàn.

- *tattha*: ở đây,
- *vuttā*: được nói đến
- *abhidhammatthā*: các vật, các pháp thuộc về Abhidhamma
- *catudhā*: có 4 loại
- *paramattha*: đệ nhất nghĩa đế, chân đế, chân nghĩa pháp
- *sabbathā*: tất cả

1, *Paramattha* = *parama* + *attha*

- *parama*: không bị biến động, không thay đổi, là pháp đứng đầu trong các pháp Chế định (Paññatti)

- *attha*: nội dung, ý nghĩa, vật thể

2, *Sacca*: Sự thật, chân thật pháp, đế.

Có 2 Sự thật là:

- *Sammutti sacca*: Tục đế, sự thật ngoài mặt, sự thật thế tình

- *Paramattha sacca*: Chân đế, đệ nhất nghĩa đế, sự thật tuyệt đối

Có 4 Sự thật tuyệt đối là:

Citta – Tâm

Cetasika – Tâm sở

Rūpa – Sắc

Nibbāna – Niết-bàn



CITTA --- TÂM

I. TÂM LÀ GÌ ?

* Tâm là pháp nhận biết đối tượng, tâm là cái biết, sự vật bị nhận biết gọi là đối tượng.

* Tâm là pháp nhận, ghi nhớ, suy nghĩ và biết đối tượng.

* Tâm phải nhận đối tượng xong mới biết và nhớ rồi mới suy nghĩ.

* Tâm có nhiều tên gọi, chẳng hạn:

- *Manāyatana*: Ý xứ
- *Manindriya*: Ý căn
- *Viññāṇa*: Thức
- *Viññāṇakkhandha*: Thức uẩn
- *Manoviññāṇadhātu*: Ý thức giới

II. TÍNH CHẤT CỦA TÂM

Tất cả các Chân Nghĩa Pháp (Paramatthadhamma) đều có 2 loại tính chất, đó là:

- *Sāmaññalakkhaṇa* – Tính chung
- *Visesalakkhaṇa* – Tính riêng

1. Tính chung của tâm (*Cittasāmaññalakkhaṇa*):

- a, *Aniccaṃ* – Vô thường: Biến động, thay đổi, không ở trạng thái cũ được
- b, *Dukkhaṃ* – Khổ: Chịu đựng không được
- c, *Anattā* – Vô ngã: Không phải là ta, không phải của ta, điều khiển hay ra lệnh đều không được

2. Tính riêng của tâm (*Cittavisesalakkhaṇa*):

- a, *Lakkhaṇa* – Đặc tính: Nhận biết đối tượng
- b, *Kicca* – Phận sự: Đứng đầu các pháp đồng sinh
- c, *Paccupaṭṭhāna* – Quả hiện hữu: Sinh diệt liên tục không gián đoạn
- d, *Padaṭṭhāna* – Nhân gần: Danh và Sắc là nhân gần làm tâm sinh khởi

III. NĂNG LỰC CỦA TÂM

1. *Tạo tác*: Làm cho đẹp đẽ, lạ mắt, đáng sợ, tác phong đáng kính, đáng yêu, hoặc nghĩ suy để chế tạo đồ vật như nhà cửa, xe cộ, máy móc v.v...

2. **Với bản thân:** Tự bản thân của tâm có cả thiện, bất thiện, quả, duy tác, tội, phước, có trí, vô trí, v.v...

3. **Tích lũy nghiệp và phiền não:** Tâm là nhân tố tạo nên nghiệp ác, nghiệp thiện, nghiệp bất động, khi đã tạo tác rồi thì giữ lấy điều tốt, cái xấu ấy.

4. **Trở quả:** Quả của tất cả các nghiệp thiện hay bất thiện mà tâm đã làm rồi không bị biến mất đi đâu cả, đến thời phải lẽ, có cơ hội thì sẽ cho quả.

5. **Tập quán:** Nếu tâm suy nghĩ, hành động điều gì thường xuyên thì những điều đó sẽ được tích lũy trong nội tâm tạo thành thói quen và sẽ thích nghĩ, thích làm như thế hoài mãi.

6. **Với đối tượng:** Tâm nhận đối tượng đủ các loại, không giới hạn và quan trọng nhất là tâm người xấu sẽ dễ dàng nhận các đối tượng xấu ác còn tâm người tốt thì nhận các điều tốt cũng dễ dàng hơn.

IV. PHÂN LOẠI TÂM

TATTHA CITTAM TAVĀ CATUBBIDHAM HOTI

KĀMĀVACARAM RŪPĀVACARAM ARŪPĀVACARAM LOKUTTARAÑCETI

Trong các loại Chân Nghĩa Pháp ấy, sẽ nói đến Tâm trước nhất, có 4 loại tâm là: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế.

1. **Kāmāvacaracitta – Dục giới tâm:** Loại tâm dính mắc, chấp thủ, say đắm, trộn lẫn trong ái dục (kāmatanā), là những tâm mà đa số lưu hành quanh trong cõi Dục giới, có tất cả 54 tâm.

2. **Rūpāvacaracitta – Sắc giới tâm:** Là những tâm đã đạt đến cảnh thiền Sắc giới, vừa lòng với cảnh giới của các phạm thiên hữu sắc. Các tâm này phần nhiều lưu hành trong cõi Sắc giới, có tất cả 15 tâm.

3. **Arūpāvacaracitta – Vô sắc giới tâm:** Là những tâm đã đạt đến cảnh thiền Vô sắc, vừa lòng với cảnh giới của các phạm thiên Vô sắc. Các tâm này phần nhiều lưu hành trong cõi Vô sắc giới, có tất cả 12 tâm.

4. **Lokuttaracitta – Siêu thế tâm:** Là những tâm đang vượt và đã vượt khỏi Tam giới, tức là khỏi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Siêu thế tâm có 8 tâm, nếu phân theo cấp độ của các Thiền tâm (jhānacitta) thì có tất cả 40 tâm.

KĀMĀVACARACITTA

DỤC GIỚI TÂM

Kāmāvacaracitta – Dục giới tâm gồm có 54 tâm, được chia thành 3 nhóm là:

- Akusalacitta – Bất thiện tâm
- Ahetukacitta – Vô nhân tâm
- Kāmāvacarasobhanacitta – Dục giới tịnh hảo tâm

1. Akusalacitta – Bất thiện tâm: Là những tâm không minh mẫn, không tốt, không đẹp, tồi tệ, xấu xa, nặng nề, thô thiển, tội lỗi và đem lại kết quả khổ đau.

2. Ahetukacitta – Vô nhân tâm: Là những tâm không phải là tội hay là phước, vì không có nhân tạo tội hay tạo phước kết hợp. Vô nhân tâm thường luôn phát sinh và hiện hữu ở mỗi một chúng sinh.

3. Kāmāvacarasobhanacitta – Dục giới tịnh hảo tâm: Là những tâm tịnh hảo, tốt đẹp, minh mẫn, không tạo khổ não cho mình và cho người, là những tâm rời xa tội lỗi và cho quả an lạc.

AKUSALACITTA

BẤT THIỆN TÂM

Mặc dầu là loại tâm không tốt, tội lỗi, cho quả khổ đau, nhưng các Bất thiện tâm rất dễ sinh khởi và thường phát sinh luôn khi. Cũng bởi vì, lúc tiếp nhận một đối tượng nào đó rồi thì phần nhiều tâm không suy tính, dẫn đo thật kỹ đúng như chân như thật của thực tính pháp (sabhāvadhamma) nên các Bất thiện tâm dễ dàng khởi sinh. Việc không lưu tâm, suy xét thật đúng với thực tính pháp của đối tượng đó gọi là *Ayonisomanasikāra – Phi như lý tác ý*. Một khi Phi như lý tác ý hiện hữu thì Bất thiện tâm cũng được sinh ra.

Phi như lý tác ý phát sinh dựa trên 5 yếu tố là:

- Đã không tạo thiện phước trong đời trước
- Ở trú xứ không thích hợp
- Không thân cận bậc thiện hữu tri thức

- Không nghe pháp từ các bậc chân nhân
- Buông thả mình theo hạnh xấu

Bất thiện tâm gồm có 12 tâm, chia thành 3 loại như sau:

- Lobhamūlacitta – Tham căn tâm: 8 tâm
- Dosamūlacitta – Sân căn tâm: 2 tâm
- Mohamūlacitta – Si căn tâm: 2 tâm

1, Lobhamūlacitta – Tham căn tâm: Loại tâm có tham là căn để, là gốc gác, xuất phát từ:

- Sự tham muốn
- Lòng thích thú
- Sự ưa thích
- Dục vọng
- Tính đam mê
- Sự say đắm đối tượng

2, Dosamūlacitta – Sân căn tâm: Loại tâm có sân là căn để, là gốc gác, xuất phát từ:

- Không ưa thích
- Tính độc địa, độc ác
- Muộn phiền
- Ghét bỏ, ganh ghét
- Tức giận
- Bực bội
- Buồn bã
- Bất toại nguyện
- Oán hận
- Nóng nảy

3, Mohamūlacitta – Si căn tâm: Loại tâm có si là căn để, là gốc gác, xuất phát từ:

- Si mê
- Hoài nghi
- Mê tín
- Phóng tâm

I. LOBHAMŪLACITTA – THAM CĂN TÂM

Tham căn tâm là những tâm có gốc xuất phát từ lòng ham muốn, tham lam, do tính tham dẫn đầu, còn được gọi là *Lobhasahagatacitta – Tâm đồng sinh với tham*. Trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*, Đức trưởng lão *Anuruddha* đã nêu ra 8 Tham căn tâm như sau:

***“Somanassasahagataṃ ditṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ.***

“Một tâm đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà kiến, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

***Somanassasahagataṃ ditṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ.***

Một tâm đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà kiến, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

*Upekkhāsahagatam diṭṭhigatasampayuttam asaṅkhārikamekam
sasāṅkhārikamekam.*

Một tâm đồng sinh với thọ xả, hợp với tà kiến, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

*Upekkhāsahagatam diṭṭhigatavippayuttam asaṅkhārikamekam
sasāṅkhārikamekam”.*

Một tâm đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà kiến, không cần tác động, một tâm cần có tác động”.

1, Lakkhaṇādicatuka – Bốn tính chất của Tham căn tâm:

- a, *Ārammaṇagahaṇalakkhaṇo*: Có đặc tính bám víu đối tượng
- b, *Abhisāṅgaraso*: Có phận sự giữ chặt vào đối tượng
- c, *Aparicāgapaccupatṭhāno*: Có quả hiện hữu là không rời bỏ đối tượng
- d, *Samyojanīyadhammesu assādadassanapadaṭṭhāno*: Có nhân gần là thấy các pháp tương hợp đáng ưa thích, vừa lòng

2, Nguyên nhân phát sinh Lobha – Tham:

- a, *Lobhaparivārakammaṇḍikatā*: Tục sinh bởi nghiệp có tham là tùy từng
- b, *Lobhaussannabhavato cavanatā*: Chết đi từ cảnh giới có nhiều tham
- c, *līṭhārammaṇasamāyogo*: Thường xuyên tiếp xúc toàn là những đối tượng tốt đẹp
- d, *Assādadassanam*: Thấy sự vật thích mắt, ưa nhìn

3, Nguyên nhân phát sinh Lobhamūlasomanassa – Tham căn thọ hỷ:

- a, *Somanassapaṇḍikatā*: Tục sinh bằng tâm đồng sinh với thọ hỷ
- b, *Agambhīrapakatitā*: Thường thường không có suy nghĩ tỉ mỉ, tinh tế, sâu sắc
- c, *līṭhārammaṇasamāyogo*: Thường xuyên tiếp xúc toàn là đối tượng tốt đẹp
- d, *Byasanamutti*: Thường được thoát khỏi 5 điều suy hại:
 - *Ñātibyasana*: Mất mát bà con, người thân hoặc bị chối bỏ
 - *Bhogabyasana*: Suy hại về tài sản, của cải
 - *Rogabyasana*: Suy hại do bệnh tật, ốm đau
 - *Sīlabyasana*: Suy hại về giới hạnh
 - *Diṭṭhibyasana*: Suy hại do tà kiến

4, Nguyên nhân phát sinh Lobhamūlūpekkhā – Tham căn thọ xả:

- a, *Upekkhāpaṭisandhikatā*: Tục sinh bằng tâm đồng sinh với thọ xả
- b, *Gambhīrapakatitā*: Thường thường có suy nghĩ tỉ mỉ, tinh tế, sâu sắc
- c, *Majjhāttārammaṇasamāyogo*: Thường xuyên tiếp xúc toàn là đối tượng trung bình
- d, *Byasanamutti*: Thoát khỏi 5 điều suy hại (nêu trên)
- e, *Mūgadhātukatā*: Là người có nội tâm cam lạng

5, Nguyên nhân phát sinh Diṭṭhigatasampayutta – Hợp với tà kiến:

- a, *Diṭṭhajjhāsayatā*: Là người có tà kiến trong thói quen suy nghĩ
- b, *Diṭṭhavippannapuggalasevanatā*: Thích gần gũi với người có tà kiến
- c, *Saddhammavimukhatā*: Không được học tập Chánh pháp
- d, *Micchāvitakkabahulatā*: Thích suy nghĩ về những điều sai lạc
- e, *Ayoniso ummujjanam*: Chìm đắm trong những suy tưởng không đúng với sự thật

6, Nguyên nhân phát sinh Diṭṭhigatavippayutta – Không hợp với tà kiến:

- a, *Sassataucchedadiṭṭhianajjhāsayatā*: Là người không có thường kiến và đoạn kiến trong thói quen suy nghĩ
- b, *Diṭṭhavippannapuggalāsevanatā*: Không gần gũi với người có tà kiến
- c, *Saddhammasammukhatā*: Hướng tâm đến học tập Chánh pháp
- d, *Sammāvitakkabahulatā*: Thích suy nghĩ về những điều đúng đắn
- e, *Ayoniso na ummujjanam*: Không chìm đắm trong những suy tưởng không đúng với sự thật

7, Nguyên nhân phát sinh Akusalāsaṅkhārika – Bất thiện không cần tác động:

- a, *Asaṅkhārikakammajānikapaṭisandhikatā*: Tục sinh bởi nghiệp không cần tác động (asaṅkhārika)
- b, *Kallakāyacittatā*: Thân và tâm mạnh mẽ
- c, *Sīṭaṇhādīnaṃ khamanabahulatā*: Có nhiều nhẫn nại trước nóng, lạnh v.v...
- d, *Katṭabbakammesu diṭṭhānisamsatā*: Thấy rõ ích lợi trong công việc nên làm
- e, *Kammesu cīṇavasitā*: Thuần thực trong các công việc đang làm
- f, *Utubhojanādisappāyalabho*: Nhận được các điều kiện thuận lợi như thời tiết, vật thực chẳng hạn

8, Nguyên nhân phát sinh *Akusalasasaṅkhārika* – Bất thiện cần có tác động:

a, *Sasaṅkhārikakammajanikapāṭisandhikatā*: Tục sinh bởi nghiệp cần có tác động (*sasaṅkhārika*)

b, *Akallakāyacittatā*: Thân và tâm không được mạnh mẽ

c, *Sītaṇhādīnaṃ khamanābahulatā*: Không nhiều nhẫn nại trước thời tiết, gió mưa, nóng lạnh v.v...

d, *Katṭabbakammesu adīṭṭhānisamṣatā*: Không thấy rõ ích lợi trong công việc nên làm

e, *Kammesu aciṇṇavasitā*: Không thuần thục trong các công việc đang làm

f, *Utubhojanādisappāyālabho*: Không nhận được các điều kiện thuận lợi như thời tiết, vật thực chẳng hạn

AKUSALASASAṅKHĀRIKA – BẤT THIỆN CẦN CÓ TÁC ĐỘNG

Loại tâm này phát sinh dựa trên 2 yếu tố là người khác tác động và tự mình tác động.

(1). **Người khác tác động**: Tâm này phát sinh dựa vào sự tác động của người khác do 2 nỗ lực (*payoga*) là:

- *Kāyapayoga* – *Thân nỗ lực*: Là sự tác động dựa vào hành động của thân như kéo tay, chỉ tay, nháy mắt, quay đầu, đánh, v.v...

- *Vacīpayoga* – *Khẩu nỗ lực*: Là sự tác động dựa vào lời nói như câu từ có nội dung lôi kéo, đưa đẩy; hoặc lời nói thô tục, lời nói khen thưởng, tán thán.

(2). **Tự mình tác động**: Tâm này phát sinh dựa vào sự tác động của chính mình do 3 nỗ lực (*payoga*) là:

- *Kāyapayoga* – *Thân nỗ lực*: Là sự tác động của chính mình dựa trên hành động của thân ví dụ như cố trang sức cho đẹp, khi đã đẹp rồi thì phát sinh sự hài lòng; hoặc là cố gắng làm việc cho thân thể mệt nhọc, đói bụng và khi bụng đói rồi thì thêm ăn khát uống, khiến cho Tham căn tâm sinh khởi.

- *Vacīpayoga* – *Khẩu nỗ lực*: Là tự mình tác động bằng lời nói của bản thân, như tự động viên, an ủi mình, tự tôn mình lên nhằm phát sinh ngã mạn, Tham căn tâm sẽ tự khởi chính lúc này.

- *Manopayoga* – *Ý nỗ lực*: Là tự mình tác động dựa trên sự suy nghĩ, ví dụ: nghĩ đến chuyện vui cười làm cho thích thú, hài lòng, lúc đó Tham căn tâm khởi sinh.

DIṬṬHIGATASAMPAYUTTA – HỢP VỚI TÀ KIẾN

Loại tâm này sinh khởi chỉ trong 4 Tham căn tâm, gồm 2 loại:

(1). **Tà kiến thông thường:** Còn gọi là *Sakkāyadiṭṭhi* (Thân kiến), là loại tà kiến cho rằng năm uẩn ở trong thân hay ngoài thân là ta, là tự ngã của ta, là người, là đàn ông, đàn bà v.v...

(2). **Tà kiến đặc biệt:** Còn gọi là *Niyatamicchādiṭṭhi* (Tà kiến cố định) có 3 loại:

- *Ahetukadiṭṭhi* – Vô nhân tà kiến: Phủ định nhân, không tin vào nhân (đại biểu là *Makkaligosāla*).

- *Natthikadiṭṭhi* – Vô quả tà kiến: Phủ nhận quả, không tin vào quả (đại biểu là *Pūraṇakassapa*).

- *Akiriyadiṭṭhi* – Vô hành tà kiến: Phủ định cả nhân lẫn quả, không tin vào nhân và quả (đại biểu là *Ajītaśākambala*).

Ngoài ra, Tà kiến đặc biệt còn phân chia làm 2 loại lớn là:

- *Sassatadiṭṭhi* – Thường kiến: Tà kiến cho rằng mọi sự vật đều thường hằng, không biến đổi.

- *Ucchedadiṭṭhi* – Đoạn kiến: Tà kiến cho rằng chết là hết, rỗng không.

II. DOSAMŪLACITTA – SÂN CĂN TÂM

Sân căn tâm là những tâm có căn để, gốc gác từ sự sân hận, ghen ghét; do sân dẫn đầu, còn được gọi là *Paṭigha* – Hận, tâm tiếp xúc với đối tượng không vừa lòng. Có tất cả 2 Sân căn tâm như Đức trưởng lão *Anuruddha* đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

**“Domanassasahagatam paṭighasampayuttam asaṅkhārikamekam
sasaṅkhārikamekam”.**

“Một tâm đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác động, một tâm cần có tác động”.

1, Lakkhaṇādicatuka – Bốn tính chất của Sân căn tâm:

a, *Caṇḍikalakkhaṇo*: Có đặc tính cứng cỏi, thô tháo

b, *Nissayādāhanaraso*: Có phận sự làm cho tâm mình và tâm người khác sầu não

c, *Dūsanapaccupaṭṭhāno*: Có quả hiện hữu là gây thiệt hại đối tượng

d, *Āghātavatthupadaṭṭhāno*: Có nhân gần là do 10 sự việc gây lòng thù hận

2, Nguyên nhân phát sinh của Sân hay Hận:

- a, *Dosajjhāsayatā*: Là người có thói quen hay giận hờn
- b, *Agambhīrapakatitā*: Là người suy nghĩ không sâu sắc
- c, *Appasuttā*: Học hành ít ỏi, thấp kém
- d, *Aniṭṭhārammaṇasamāyogo*: Thường tiếp xúc với những đối tượng không tốt đẹp, không như ý
- e, *Āghātavatthusamāyogo*: Gặp phải những sự việc gây lòng thù hận, oán giận

ĀGHĀTAVATTHU – 10 SỰ VIỆC GÂY LÒNG THÙ HẬN

- (1). Thù hận vì nghĩ rằng đã tạo sự thiệt hại cho ta
- (2). Thù hận vì nghĩ rằng đang tạo sự thiệt hại cho ta
- (3). Thù hận vì nghĩ rằng sẽ tạo sự thiệt hại cho ta
- (4). Thù hận vì nghĩ rằng đã tạo sự thiệt hại cho người mà ta yêu mến
- (5). Thù hận vì nghĩ rằng đang tạo sự thiệt hại cho người mà ta yêu mến
- (6). Thù hận vì nghĩ rằng sẽ tạo sự thiệt hại cho người mà ta yêu mến
- (7). Thù hận vì nghĩ rằng đã làm điều lợi ích cho người mà ta ghét
- (8). Thù hận vì nghĩ rằng đang làm điều lợi ích cho người mà ta ghét
- (9). Thù hận vì nghĩ rằng sẽ làm điều lợi ích cho người mà ta ghét
- (10). Thù hận một cách vô cớ, không đáng (Ví dụ: đang đi vấp phải cái cọc trên đường, hay đạp nhầm gai rồi sinh lòng thù hận, oán giận vô cớ)

III. MOHAMŪLACITTA – SI CĂN TÂM

Si căn tâm là tâm có căn để, gốc gác từ sự si mê, u minh, mê mờ, không thấy đúng với sự thật của thực tính pháp. Có tất cả 2 *Si căn tâm* như Đức trưởng lão *Anuruddha* đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

“Upekkhāsahagatam vicikicchāsampayuttamekam, upekkhāsahagatam uddhaccasampayuttamekam”.

Một tâm đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài nghi; một tâm đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng tâm.

1, *Lakkhaṇādicatuka* – Bốn tính chất của Si căn tâm:

- a, *Añānalakkhaṇo*: Có đặc tính là không biết rõ các Thánh Đế (Ariyasacca)
- b, *Ārammaṇasabhāvacchādanaraso*: Có phạm sự che lấp thực tính pháp của đối tượng
- c, *Andhakārapaccupaṭṭhāno*: Có quả hiện hữu là sự si mê, u tối

d, *Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno*: Có nhân gần là sự không quán xét đối tượng thật tốt theo đúng như chân như thật

2, *Vicikicchā – Hoài nghi*: Hoài nghi gồm có 2 loại:

a, *Nivāraṇavicikicchā – Hoài nghi thật*: Đây chính là pháp che chắn, ngăn cản các thiện pháp

b, *Paṭirūpakavicikicchā – Hoài nghi giả*: Hoài nghi về kiến thức học tập, những điều chưa biết, v.v...

Ở đây, Hoài nghi kết hợp với Si căn tâm thứ nhất chính là Hoài nghi thật (*Nivāraṇavicikicchā*), là pháp ngăn ngại Đạo, Quả, Niết-bàn. Hoài nghi thật này có 8 loại tất cả, ấy là:

- (1). *Buddhe kaṅkheti*: Nghi ngờ nơi ân đức Phật
- (2). *Dhamme kaṅkheti*: Nghi ngờ nơi ân đức Pháp
- (3). *Saṅghe kaṅkheti*: Nghi ngờ nơi ân đức Tăng
- (4). *Sikkhāya kaṅkheti*: Nghi ngờ nơi Tam học (Giới, Định, Tuệ)
- (5). *Pubbante kaṅkheti*: Nghi ngờ quá khứ
- (6). *Aparante kaṅkheti*: Nghi ngờ vị lai
- (7). *Pubbantāparante kaṅkheti*: Nghi ngờ cả quá khứ lẫn vị lai
- (8). *Patīccasamuppāde kaṅkheti*: Nghi ngờ vào Duyên khởi (*Paṭīccasamuppāda*)

3, *Uddhacca – Phóng tâm*: Tâm phóng dật, trạo cử, không ổn định trên một đối tượng, suy nghĩ miên man, lang thang từ đối tượng này qua đối tượng khác, bất nhất.

IV. AKUSALAKAMMAPATHA – BẤT THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Akusalakammapatha – Bất thiện nghiệp đạo là con đường của Bất thiện nghiệp, là ác đạo, ác hạnh, có tất cả 10 loại:

- (1). *Pānātipāta*: Sát sinh
- (2). *Adinnādāna*: Trộm cắp
- (3). *Kāmesumicchācāra*: Tà dâm
- (4). *Musāvāda*: Nói dối
- (5). *Pisūṇavācā*: Nói đâm thọc
- (6). *Pharusavācā*: Nói độc ác
- (7). *Samphappalāpa*: Nói vô ích
- (8). *Abhiṭṭhā*: Tham lam
- (9). *Byāpāda*: Thù hận
- (10). *Micchādiṭṭhi*: Tà kiến

PHÂN LOẠI BẤT THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Sát sinh Nói độc ác Thù hận	}	sinh khởi do Sân căn tâm, có Sân làm gốc, là pháp dẫn dắt
Tà dâm Tham lam Tà kiến	}	sinh khởi do Tham căn tâm, có Tham làm gốc, là pháp dẫn dắt
Trộm cắp Nói dối Nói đâm thọc Nói vô ích	}	đôi khi sinh khởi do Tham căn tâm, có Tham là gốc, là pháp dẫn dắt đôi khi sinh khởi do Sân căn tâm, có Sân là gốc, là pháp dẫn dắt

Nhận thấy rằng *Bất thiện nghiệp đạo* không sinh khởi do Si căn tâm, tuy nhiên một khi Tham căn tâm hoặc Sân căn tâm khởi sinh thì *Mohacetasika (Si tâm sở)* cũng đồng sinh theo. Và chính Si tâm sở này cũng là một nhân làm cho Bất thiện nghiệp đạo khởi sinh.

V. QUẢ CỦA THAM, SÂN, SI

Bất thiện tâm là loại tâm mà phần nhiều gây nên tội lỗi, xấu ác và là ***nhân*** để phải nhận ***quả*** như sau:

1. Lobha – Tham: Là tâm có nhân xuất phát từ sự ham muốn, bám víu, chấp thủ và sẽ nhận quả là đi tái sinh vào cảnh giới *Ngạ quỷ, A-tu-la* do theo năng lực của Tham.

Thời đại nào mà nội tâm của loài người tràn đầy tham lam, ham muốn, thời đại đó sẽ sinh cảnh “gạo châu củi quế” là nhân tố làm cho con người nghèo khổ, thiếu đói, chết chóc nhiều hơn lên.

2. Dosa – Sân: Là tâm có nhân xuất phát từ sự sân hận, thù oán và sẽ nhận quả là đi tái sinh vào cảnh giới ***Địa ngục*** – một khổ cảnh, thiêu đốt chúng sinh không ngừng nghỉ, giống như tâm Sân đang thiêu đốt vậy.

Thời đại nào mà nội tâm của loài người tràn đầy hận thù, hiểm khích, nóng nảy, thời đại đó tai họa hiểm nguy từ vũ khí, cung tên, đạn dược sẽ là mối đe dọa làm cho chúng sinh chém giết lẫn nhau, chết chóc, sinh ly tử biệt cũng nảy sinh.

3. **Moha – Si:** Là tâm có nhân xuất phát từ sự si mê, muội lược và sẽ nhận quả là đi tái sinh trong cảnh giới *Súc sinh* do theo năng lực của Si.

Thời đại nào mà nội tâm của loài người tràn đầy si mê lầm lạc, thời đại đó sẽ phát sinh tai hại nguy nan từ bệnh tật lan nhiễm, thế gian tràn đầy các dịch bệnh làm cho con người chết đi rất nhiều.

VI. BẤT THIỆN TÂM LÀ PHÁP CẦN DỨT BỎ

Bất thiện tâm là những tâm xấu ác, tội lỗi, cho quả khổ, bởi thế cần được dứt bỏ.

1. **Lobhamūlacitta – Tham căn tâm:** Là tâm tham muốn, dục vọng,... nếu không thận trọng, không lưu tâm thì lòng tham muốn sẽ tăng lên khó lường được. Tham căn tâm được dứt bỏ, đoạn trừ bằng *Santosa – Tri túc (biết đủ)*:

- Tri túc với những thứ có được
- Tri túc theo sức mình
- Tri túc theo sự phù hợp

2. **Dosamūlacitta – Sân căn tâm:** Là tâm sân hận, ghen ghét, lo âu, sợ hãi,... là nhân tạo các ác nghiệp, tội lỗi. Sân căn tâm cần được dứt bỏ, đoạn trừ bằng *Tâm Từ – Mettā*. Người học Phật, hành Pháp thường quán xét rằng ta ghét khổ muốn lạc như thế nào thì người khác, chúng sinh khác cũng muốn lạc ghét khổ như thế ấy.

Phương cách đoạn trừ Sân căn tâm như sau:

- *Mettānimittassa uggaho*: Học tập các phương pháp tu tập nhằm tăng trưởng tâm Từ
- *Mettābhāvanānuyogo*: Kết hợp thực hành pháp Rải Tâm Từ
- *Kammasakatāpaccavekkhaṇo*: Thường xuyên quán xét rằng mỗi người đều có nghiệp của mình
- *Paṭisaṅkhānabahulīkatā*: Làm mình trở thành người có nhiều trí tuệ
- *Kalyāṇamittatā*: Thân cận bạn hữu là người tốt
- *Sappāyakathā*: Nghe nhiều lời nói thoải mái tâm can

3. **Mohamūlacitta – Si căn tâm:** Là tâm si mê, u tối, không thấy rõ sự thật của thực tính pháp. Muốn đoạn trừ Si căn tâm thì cần có ánh sáng Trí tuệ (Paññā), bao gồm:

- *Sutāmayapaññā*: Văn Tuệ
- *Cintāmayapaññā*: Tư Tuệ
- *Bhāvanāmayapaññā*: Tu Tuệ

Phương cách đoạn trừ Si căn tâm hợp với Hoài nghi (Vicikicchāsampayutta) như sau:

- *Bāhusuttā*: Là người nghe nhiều, học rộng
- *Paripucchakatā*: Luôn tham vấn, hỏi han
- *Vinayepakataññutā*: Hiểu biết, thuần thực và trì giới nghiêm túc
- *Adhimokkhabahulatā*: Có nhiều quyết định chắc chắn
- *Kalyāṇamittatā*: Thân cận bạn hữu là người tốt
- *Sappāyakathā*: Nghe nhiều lời nói thoải mái tâm can

Phương cách đoạn trừ Si căn tâm hợp với Phóng tâm (Uddhaccasampayutta) như sau:

- *Bāhusuttā*: Là người nghe nhiều, học rộng
- *Paripucchakatā*: Luôn tham vấn, hỏi han
- *Vinayepakataññutā*: Hiểu biết, thuần thực và trì giới nghiêm túc
- *Buddhaseritā*: thường xuyên được nghe Phật Pháp
- *Kalyāṇamittatā*: Thân cận bạn hữu là người tốt
- *Sappāyakathā*: Nghe nhiều lời nói thoải mái tâm can



AHETUKACITTA VÔ NHÂN TÂM

Ahetukacitta – Vô nhân tâm là những tâm không kết hợp với *hetu – nhân*, tức là không có nhân phước (puñña) hay nhân tội (pāpa). Nhân phước gọi là *kusalahetu*, nhân tội gọi là *akusalahetu*.

- (1), Nhân tội có 3 nhân là:
- Lobhahetu – Nhân tham
 - Dosahetu – Nhân sân
 - Mohahetu – Nhân si
- (2), Nhân phước có 3 nhân là:
- Alobhahetu – Nhân vô tham
 - Adosahetu – Nhân vô sân
 - Amohahetu – Nhân vô si

Vậy *Vô nhân tâm* là những tâm không có 6 loại nhân này kết hợp.

Vô nhân tâm có tất cả 18 tâm, chia thành 3 nhóm:

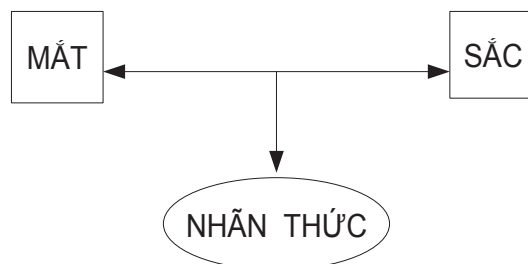
- *Akusalavipākacitta – Bất thiện quả tâm* có 7 tâm
- *Ahetukakusalavipākacitta – Vô nhân thiện quả tâm* có 8 tâm
- *Ahetukakiriyācittā – Vô nhân duy tác tâm* có 3 tâm

Gāthasaṅgaha:

SATTĀKUSALAPĀKĀNI PUÑÑAPĀKĀNI AṬṬHADHĀ
KRIYĀCITTĀNI TĪṆĪTI AṬṬHARASĀ AHETUKĀ

Vô nhân tâm có 18 tâm là: 7 Bất thiện quả tâm, 8 Vô nhân thiện quả tâm và 3 Vô nhân duy tác tâm.

LỘ TRÌNH TÂM QUA NHÃN MÔN





Giải thích:

0. Bhavaṅgacitta – Hộ kiếp tâm: (viết tắt: bha) Là tâm có nhiệm vụ giữ gìn kiếp của mỗi chúng sinh. Đối tượng của Hộ kiếp tâm là:

- Kamma – Nghiệp
- Kammanimitta – Nghiệp tướng
- Gatanimitta – Thú tướng

1. Atītabhavaṅgacitta – Hộ kiếp tâm quá khứ: (viết tắt: atī) Đối tượng mới Sắc trần ở hiện tại đã xuất hiện, Hộ kiếp tâm thứ nhất trải qua 1 sát-na tâm sinh diệt, song vẫn giữ đối tượng cũ của kiếp trước.

2. Bhavaṅgacalanacitta – Hộ kiếp tâm rung động: (viết tắt: na) Đối tượng mới Sắc trần ở hiện tại làm cho Hộ kiếp tâm thứ nhì rung động, song vẫn giữ đối tượng cũ của kiếp trước.

3. Bhavaṅgupacchedacitta – Hộ kiếp tâm cắt đứt: (viết tắt: da) Đối tượng mới Sắc trần ở hiện tại làm cho Hộ kiếp tâm thứ ba bị cắt đứt dòng liên tục, đồng thời cắt đứt đối tượng cũ của kiếp trước, làm duyên cho Ngũ môn hướng tâm phát sinh.

Cả 3 loại Hộ kiếp tâm này còn ở ngoài Nhân môn lộ trình tâm và ngoài 6 môn.

4. Pañcadvārāvajjanacitta – Ngũ môn hướng tâm: (viết tắt: pañ) Ngũ môn hướng tâm có khả năng làm phận sự tiếp nhận 5 đối tượng mới ở kiếp hiện tại: Sắc trần, Thinh trần, Hương trần, Vị trần và Xúc trần. Trong Nhân môn lộ trình tâm này, Ngũ môn hướng tâm tiếp nhận đối tượng mới Sắc trần đầu tiên của lộ trình tâm rồi diệt, làm duyên cho Nhãn thức tâm phát sinh.

5. Cakkhuvīññāṇacitta – Nhãn thức tâm: (viết tắt: cak) Nhãn thức tâm làm phận sự thấy Sắc trần, thuộc về Sắc pháp chân đế rồi diệt, làm duyên cho Tiếp thọ tâm phát sinh tiếp theo.

6. *Sampaṭicchanacitta* – **Tiếp thọ tâm**: (viết tắt: sam) *Tiếp thọ tâm* làm phận sự tiếp nhận đối tượng Sắc trần từ Nhãn thức tâm rồi diệt, làm duyên cho *Suy đặc tâm* phát sinh.

7. *Sanṭīraṇacitta* – **Suy đặc tâm**: (viết tắt: san) *Suy đặc tâm* làm phận sự suy xét đối tượng tốt hoặc xấu rồi diệt, làm duyên cho *Xác định tâm* phát sinh.

8. *Voṭṭhabbana* – **Xác định tâm**: (viết tắt: voṭ) *Xác định tâm* cũng là *Ý môn hướng tâm* (*Manodvāravajjanacitta*) làm phận sự quyết định đối tượng của Thiện tâm, hoặc Bất thiện tâm, hoặc Duy tác tâm tùy theo căn duyên rồi diệt, làm duyên cho *Tốc hành tâm* phát sinh.

9 – 15. *Javanacitta* – **Tốc hành tâm**: (viết tắt: ja) *Tốc hành tâm* là Thiện tâm hoặc Bất thiện tâm hoặc Duy tác tâm, phát sinh liên tục 7 sát-na cùng loại tâm, làm phận sự tạo nên Thiện nghiệp, hoặc Bất thiện nghiệp, hoặc Duy tác, tùy theo trình độ hiểu biết của chúng sinh. Riêng với bậc Thánh A-ra-hán thì Duy tác tâm phát sinh, chỉ có tạo tác mà thôi, không thành nghiệp gì cả.

16 – 17. *Tadālabhāna* – **Tiếp đối tượng tâm**: (viết tắt: ta) *Tiếp đối tượng tâm* là quả tâm, phát sinh liên tục 2 lần, làm phận sự tiếp nhận đối tượng từ Tốc hành tâm, còn dư lại 2 sát-na tâm, mãn tuổi thọ của đối tượng mới là Sắc trần hiện tại, chấm dứt *Nhãn môn lộ trình tâm* bằng Hộ kiếp tâm phát sinh có đối tượng cũ kiếp trước và những *Ý môn lộ trình tâm* sẽ phát sinh tiếp theo.

I. AKUSALAVIPĀKACITTA – BẤT THIỆN QUẢ TÂM

Akusalavipākacitta – **Bất thiện quả tâm** là những tâm quả của các Bất thiện nghiệp. Những nghiệp xấu, ác, tội lỗi mà đã làm rồi trong quá khứ, sẽ không biến mất đi đâu và đến khi cơ duyên đầy đủ sẽ cho quả là các Bất thiện quả tâm này. Có tất cả 7 *Vô nhân bất thiện quả tâm* như *Đức trưởng lão Anuruddha* đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

“Upekkhāsahagataṃ cakkhaviññāṇaṃ, tathā sotaviññāṇaṃ, ghānaviññāṇaṃ, jīvāviññāṇaṃ, dukkhāsahagataṃ kāyaviññāṇaṃ, upekkhāsahagataṃ sampaṭicchana-cittam, upekkhāsahagataṃ sanṭīraṇacittañceti. Imāni sattapi akusalavipākāhetuka-cittāni nāma”.

“Nhãn thức đồng sinh với thọ xả, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức cũng vậy; thân thức đồng sinh với thọ khổ; tiếp thọ tâm đồng sinh với thọ xả và suy đặc tâm đồng sinh với thọ xả. Cả bảy tâm này gọi là vô nhân bất thiện quả tâm”.

1, *Cakkhaviññāṇācitta* – **Nhãn thức tâm** có phận sự **thấy** *Rūpārammaṇa* – **Sắc trần** (hình ảnh, màu sắc) không tốt đẹp, là quả chín muồi (vipāka - dị thực) của các Bất thiện nghiệp đã tạo.

2, *Sotaviññāṇācitta* – **Nhĩ thức tâm** có phận sự **nghe** *Saddārammaṇa* – **Thính trần** (âm thanh, tiếng) không tốt đẹp, là quả chín muồi của các Bất thiện nghiệp đã tạo.

3, *Ghānaviññāṇācitta* – **Tỷ thức tâm** có phận sự **ngửi** *Gandhārammaṇa* – **Hương trần** (mùi) không tốt đẹp, là quả chín muồi của các Bất thiện nghiệp đã tạo.

4, *Jivhāviññāṇācitta* – **Thiệt thức tâm** có phận sự **nếm** *Rasārammaṇa* – **Vị trần** (vị) không tốt đẹp, là quả chín muồi (vipāka - dị thực) của các Bất thiện nghiệp đã tạo.

5, *Kāyaviññāṇācitta* – **Thân thức tâm** có phận sự **chạm** *Phoṭṭhabbārammaṇa* – **Xúc trần** (cứng-mềm, nóng-lạnh, căng-chùng) không tốt đẹp, là quả chín muồi của các Bất thiện nghiệp đã tạo.

6, *Sampaṭicchana-citta* – **Tiếp thọ tâm** có phận sự **tiếp nhận** Ngũ trần (Sắc, Thính, Hương, Vị, Xúc) không tốt đẹp mà các thức tâm đã đón nhận rồi thông qua việc thấy, nghe, v.v...

7, *Sanṭīraṇa-citta* – **Suy đạc tâm** có phận sự **suy xét** Ngũ trần không tốt đẹp mà Tiếp thọ tâm đã tiếp nhận rồi, nhằm phục vụ cho việc quyết định của tâm sinh khởi tiếp theo là *Votṭhabbanacitta* – **Xác định tâm**.

Trong số 7 Vô nhân bất thiện quả tâm ở trên thì 5 tâm đầu tiên còn có tên gọi là *Pañcaviññāṇa-citta* – **Ngũ thức tâm**, là những tâm nhận biết đối tượng qua Ngũ môn, đó là: Nhãn môn, Nhĩ môn, Tỷ môn, Thiệt môn và Thân môn. Ở đây, 4 thức tâm đầu tiên đồng sinh với thọ Xả (*Upekkhāvedanā*), nghĩa là các thức tâm này sinh ra luôn hòa trộn với cảm thọ Xả mà thôi. Riêng *Thân thức tâm* thì đồng sinh với thọ Khổ (*Dukkha-vedanā*), sở dĩ được gọi như vậy vì đây là pháp tự nhiên khó kham nhẫn, khó chịu đựng. Ở đây, được gọi là Khổ thân (cảm giác khổ trên thân thể), chính là sự đau, nhức, rát, ngứa, đói, khát, ... mà chúng sinh cảm nhận được trên cơ thể của mình.

Cả 7 Vô nhân bất thiện quả tâm này đều là quả chín muồi (vipāka) của một tâm nào đó trong 12 Bất thiện tâm, do vậy nên được gọi là *Akusala vipākacitta* – **Bất thiện quả tâm**.

Các tâm được gọi là *Vipāka* – **Quả dị thực** vì là quả chín muồi của Thiện hoặc Bất thiện mà các chúng sinh đã tạo tác, tích lũy rồi. Từ *Vipāka* này là tên thường gọi danh cho các Danh pháp (*Nāmadhamma*) là quả của nghiệp (*kamma*) mà thôi. Khi có *Vipāka* sinh khởi, các chúng sinh luôn có cảm nhận rằng “ta đang thọ khổ, ta đang thọ

lạc”. Khổ, lạc chính là quả chín mùi mà chúng sinh đang thụ hưởng; do vậy các Sắc pháp (Rūpadhamma) cho dù là loại được sinh khởi từ nghiệp cũng không gọi là *Vipāka*. Ngay cả khi chỉ có Sắc pháp sinh khởi do nghiệp mà thôi thì các chúng sinh cũng không thể có cảm nhận rằng “ta đang thọ khổ, ta đang thọ lạc” bởi lẽ Sắc pháp là pháp tính tối mù, xa rời sự cảm nhận.

Quả của các *Bất thiện nghiệp* là các *Bất thiện quả tâm* này có thể biết được qua đối tượng (ārammaṇa), nghĩa là các đối tượng như Sắc trần chẳng hạn của các *Bất thiện quả tâm* này theo thực tính pháp (về mặt bản chất) phải là *Aniṭṭhārammaṇa* – *Cảnh không tốt*, không phải là *Iṭṭhārammaṇa* – *Cảnh tốt*.

Ở đây, từ Pāli *ārammaṇa* dịch là: *cảnh, đối tượng*, nghĩa là pháp tính mà các tâm và tâm sở giữ lại, bám vào, tức là nhận biết. Có 6 loại đối tượng như thế, đó là: Sắc trần, Thinh trần, Hương trần, Vị trần, Xúc trần và Pháp trần.

Khi được gọi là Quả dị thực (Vipāka) thì không một ai có thể che đậy, thay đổi theo nhận thức sai lạc của bản thân được. Thật vậy, với loài vật súc sinh cho dù là có vóc dáng, màu sắc đẹp đẽ, được tắm rửa thơm tho, v.v... vẫn xếp vào loại *Cảnh không tốt* (*Aniṭṭhārammaṇa*) theo thực tính pháp, bởi vì được sinh khởi từ *Bất thiện nghiệp*. Do vậy, *Nhãn thức tâm* khởi sinh khi thấy hình sắc của loài súc sinh ấy được tính là *Bất thiện quả tâm*. Ngay cả *Tiếp thọ tâm* tiếp nhận đối tượng tiếp sau *Nhãn thức tâm* ấy cho đến *Suy đặc tâm* xem xét đối tượng mà *Tiếp thọ tâm* đã tiếp nhận cũng đều là các *Bất thiện quả tâm*. Sự vừa lòng, thích ý khởi sinh cùng với *Tham căn tâm* sau khi đã thấy hình ảnh ấy rồi cũng không thể che đậy hay biến đổi *Bất thiện quả* này thành *Thiện quả* được, bởi vì không thể thay đổi *Cảnh không tốt* về mặt bản chất thành *Cảnh tốt* (cũng về mặt bản chất) được, do là đang ở thời đoạn mà người ấy đang phải nhận lãnh quả của *Bất thiện nghiệp* mà mình đã tạo rồi.

II. AHETUKAKUSALAVIPĀKACITTA – VÔ NHÂN THIỆN QUẢ TÂM

Ahetukakusalavipākacitta – *Vô nhân thiện quả tâm* là những tâm quả của các *Thiện nghiệp*, là tâm được sinh từ năng lực của các *Tác ý thiện* (*Kusalacetanā*) ở trong các *Đại thiện tâm* (*Mahākusalacitta*) mà đã sinh ra trong quá khứ rồi. Tuy nhiên, do sự thiếu sót của các *Tác ý* này tại một thời điểm nào đó trong 3 thời (trước khi làm, trong khi làm hoặc sau khi làm) khiến cho các *Tác ý* thiện sẽ bị suy giảm năng lực và cho quả là các tâm *Vô nhân* này. Có tất cả 8 *Vô nhân thiện quả tâm* như *Đức trưởng lão Anuruddha* đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

“*Upekkhāsahagataṃ cakkhaviññāṇaṃ, tathā sotaviññāṇaṃ, ghānaviññāṇaṃ, jīvāviññāṇaṃ, sukhāsahagataṃ kāyaviññāṇaṃ, upekkhāsahagataṃ sampaticchana-*

cittam, somanassasahagatam santīraṇacittam, upekkhāsahagatam santīraṇacittañceti. Imāni atthapi kusalavipākāhetukacittāni nāma”.

“Nhãn thức đồng sinh với thọ xả, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức cũng vậy; thân thức đồng sinh với thọ lạc, tiếp thọ tâm đồng sinh với thọ xả, suy đặc tâm đồng sinh với thọ hỷ và suy đặc tâm đồng sinh với thọ xả. Cả tám tâm này gọi là vô nhân thiện quả tâm”.

Việc diễn giải cho 8 *Vô nhân thiện quả tâm* này phần lớn cũng giống như các *Bất thiện quả tâm* đã nêu trên, khác nhau chỉ là *quả của thiện (kusalavipāka)* và *quả của bất thiện (akusalavipāka)* mà thôi. Và khi đã là quả của thiện thì tất nhiên đối tượng hay cảnh sẽ là *Cảnh tốt (Iṭṭhārammaṇa)* về mặt bản chất.

Trong phần này chỉ có điểm khác nhau với phần trên là *Thân thức tâm* và *Suy đặc tâm* mà thôi. Ở đây, câu: “*Thân thức tâm đồng sinh với thọ lạc*”, nên hiểu rằng cảm thọ gọi là *Sukha – Lạc* vì mang nghĩa là đã vứt bỏ các đau đớn trên thân thể; hoặc có nghĩa là các chúng sinh chịu đựng một cách dễ dàng, tức là muốn nói đến *Lạc thọ trên thân (Sukhavedanā)*. Một khi có những *Xúc trần (Phoṭṭhabbārammaṇa)* đáng ưa như: không nóng quá, không lạnh quá, không cứng quá, không mềm quá, không căng quá, không chùng quá đến xúc chạm cơ thể, *Thân thức tâm* sẽ khởi sinh, là tâm thức sẽ đồng sinh với cảm thọ *Lạc*, do vậy mà Đức Thế Tôn đã dạy: “*Sukhasahagatam kāyaviññāṇam*”.

Riêng về *Santīraṇacitta – Suy đặc tâm* trong phần *Thiện quả* này được chia thành 2 tâm là: *Suy đặc tâm đồng sinh với thọ hỷ* và *Suy đặc tâm đồng sinh với thọ xả*. Sở dĩ có 2 tâm như thế vì khi đối tượng tiếp xúc là *Cảnh tốt (Iṭṭhārammaṇa)* rồi *Suy đặc tâm* suy xét *Cảnh tốt* ấy thì cảm thọ sẽ là thọ *Hỷ (Somanassa)*; còn nếu khi đối tượng tiếp xúc là *Cảnh tốt trung bình (Iṭṭhamajjhārammaṇa)* rồi *Suy đặc tâm* suy xét *Cảnh tốt trung bình* ấy thì lúc này cảm thọ sẽ là *Xả thọ (Upekkhāvedanā)*.

III. AHETUKAKIRIYĀCITTA – VÔ NHÂN DUY TÁC TÂM

Ahetukakiriyācitta – Vô nhân duy tác tâm là những tâm sinh khởi nhằm làm phận sự nhận đối tượng mới qua 6 môn, hoặc nhận nhiệm vụ quyết định đối tượng qua 5 môn và là tâm làm phận sự mỉm cười của các bậc Thánh A-ra-hán. Những tâm này chỉ làm phận sự mà thôi, không sinh khởi bởi các nhân phước hay nhân tội cho nên chúng không phải là tâm phước hay tâm tội; đồng thời chúng cũng không phải là các tâm quả của các nhân phước hay nhân tội ấy. Vô nhân duy tác có 3 tâm như Đức trưởng lão Anuruddha đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

“Upekkhāsahagatam pañcadvārāvajjanam, tathā manodvārāvajjanam, somanassasahagatam hasituppadacittañceti. Imāni tīnipi ahetukakiriyācittāni nāma.

“Iccevaṃ sabbathāpi aṭṭharasa ahetukacittāni samattāni”.

“Ngũ môn hướng tâm đồng sinh với thọ xả, ý môn hướng tâm cũng vậy và tiểu sanh tâm đồng sinh với thọ hỷ. Cả ba tâm này gọi là vô nhân duy tác tâm. Như vậy, tổng cộng có tất cả 18 vô nhân tâm”.

1, Pañcadvārāvajjanacitta – Ngũ môn hướng tâm làm phận sự *āvajjana*, nghĩa là nghĩ đến, hướng tâm đến. Đó chính là đề cập đối tượng đến tiếp xúc với 5 môn như Nhãn môn chẳng hạn. Nghĩa là làm nhiệm vụ nghĩ đến đối tượng đang tiếp xúc ấy, giống như làm phận sự nhận biết rằng hiện tại đây đối tượng này đang đến với môn này rồi. Như vậy sẽ là trợ duyên cho *Ngũ thức* (ví dụ: Nhãn thức) sinh khởi hoặc làm trợ duyên cho dòng tâm thức thoát khỏi phận sự *Hộ kiếp* (*Bhavaṅga*) rồi hướng đến, tức là diễn tiến theo *lộ trình tâm* (*vīthiccita*) (ví dụ: Cakkhuvīññāṇavīthiccita – Nhãn thức lộ trình tâm).

2, Manodvārāvajjanacitta – Ý môn hướng tâm làm phận sự nghĩ đến, nghĩa là đề cập đối tượng đã thấy, đã nghe, v.v... đến tiếp xúc với 5 môn trước đó rồi mới vào *Ý môn* (*Manodvāra*), hoặc là một đối tượng nào đó trực tiếp vào đến Ý môn. Khi đó sẽ là trợ duyên cho dòng tâm thức thoát khỏi phận sự *Hộ kiếp* (*Bhavaṅga*) rồi hướng đến, tức là diễn tiến theo *Tốc hành lộ trình tâm* (*Javanavīthiccita*) (ví dụ: Akusalajavana – Bất thiện tốc hành). Sự thật là khi tâm này sinh khởi rồi diệt đi, tiếp theo là Tốc hành tâm phát sinh, tiếp tục nhận đối tượng đó, thành Thiện tâm hoặc Bất thiện tâm. Do đó, có thể nói rằng, sự tạo thành Thiện hay Bất thiện chính là do *Ý môn hướng tâm* này làm trợ duyên vậy.

Ngoài ra, tâm này còn làm phận sự *Voṭṭhabbana – Xác định*, nghĩa là ra quyết định đối với đối tượng mà *Suy đặc tâm* đã suy xét thông qua 5 môn trước đó rồi, để cho Tốc hành tâm sẽ là Thiện hay Bất thiện như đã nêu. Do *Ý môn hướng tâm* làm thêm phận sự Xác định (*Voṭṭhabbanakicca*) nên có thêm một tên gọi nữa là ***Xác định tâm*** (*Voṭṭhabbanacitta*).

3, Hasituppādacitta – Tiểu sanh tâm, tâm này có tên như vậy vì mang nghĩa là *khiến cho sự mỉm cười khởi sinh*, theo sự phân tích từ Pāli như sau:

Hasita + uppāda = hasituppāda

- *Hasita*: sự mỉm cười
- *Uppāda*: khiến cho khởi sinh

Ở đây, chính là sự mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán khi các ngài phát sinh niềm hoan hỷ với các đối tượng không thô tháo. Các đối tượng gọi là không thô tháo

này chính là 6 trần cảnh không biểu hiện rõ đối với chúng sinh nói chung mà xuất hiện trước chư Thánh A-ra-hán – những vị tiếp nhận các đối tượng ấy trong tâm một cách đặc biệt, thông qua việc suy xét đến uy lực của trí tuệ Đức Phật hoặc suy xét đến trường hợp bản thân mình đã thoát khỏi những cảnh ngộ như thế, v.v... chẳng hạn như:

a, *Diễn biến qua Sắc trần*: Bạc Thánh A-ra-hán khi gặp nơi chốn phù hợp với việc tăng trưởng đức tính tinh cần, nỗ lực rồi hoan hỷ: “*Ta có được trú xứ thích hợp để sống an lạc trong hiện tại*”. Hoặc khi các ngài thấy ngạ quỷ bằng *Thiên nhãn thông*, rồi hoan hỷ rằng “*Ôi! Loài giống khốn khổ như vậy, thân thể vì tế quá mức mà con người có thể nhìn thấy được, là điều bất khả tư nghị đối với loài người nhưng trí tuệ của Đức Phật thì thấu hiểu được và biết luôn cả tiền nghiệp mà họ đã tạo*”.

b, *Diễn biến qua Pháp trần*: Có lần Đức Thế Tôn biết được thông qua *Vị Lai Trí (Anāgatamsañña)* rằng trong 3 ngày nữa, tính từ hôm nay, người thương gia này sẽ chết và tục sinh vào địa ngục, rồi Ngài mỉm cười. Hoặc khi Ngài biết được, trong tương lai, tỳ-khưu *Devadatta* sẽ thành vị Độc giác Phật với danh xưng *Atthhissara* rồi khởi sinh sự mỉm cười.

Ngoài ra, còn có loại tâm khác tạo sự mỉm cười của các vị Thánh A-ra-hán, không phải là *Tiểu sanh tâm* này. Đó là các *Hữu nhân tâm (Sahetukacitta)*, làm cho các ngài mỉm cười biểu hiện ra nói chung là bình thường như những người khác.

NÓI VỀ NỤ CƯỜI

Trong Bộ *Āṅgikāra* chia nụ cười ra làm 6 loại:

(1), *Sita*: Cười trên mặt, không hở khoé răng, là nụ cười của Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

(2), *Hasita*: Cười đủ hở khoé răng, là nụ cười của các bậc Thánh A-ra-hán, Bất Lai, Nhất Lai, Thất Lai và phàm nhân. Ngoại trừ các bậc Thánh A-ra-hán, các vị khác và phàm nhân, nụ cười này đều có kết hợp với nhân phước hoặc nhân tội.

(3), *Vihāsita*: Cười có tiếng nhè nhẹ, phát sinh từ tâm của phàm nhân hoặc 3 bậc Thánh Hữu học.

(4), *Atihāita*: Cười có tiếng lớn, phát sinh từ tâm của phàm nhân, bậc Thánh Thất Lai hoặc Nhất Lai.

(5), *Apahasita*: Cười làm thân rung động, lắc lư, là cái cười của phàm nhân.

(6), *Upahasita*: Cười đến chảy nước mắt, là cái cười của phàm nhân mà thôi.

UPATTIHEṬU – NHÂN SINH KHỞI CỦA 18 VÔ NHÂN TÂM

(1), *Nhân sinh khởi của 2 Nhãn thức tâm:*

- Cakkhupasāda: Có thần kinh thị giác tốt
- Rūpārammaṇa: Có hình sắc xuất hiện trước mắt
- Āloka: Có ánh sáng
- Manasikāra: Có sự lưu tâm (Ngũ môn hướng tâm)

(2), *Nhân sinh khởi của 2 Nhĩ thức tâm:*

- Sotapasāda: Có thần kinh thính giác tốt
- Saddārammaṇa: Có âm thanh
- Vivarākāsa: Có khoảng trống
- Manasikāra: Có sự lưu tâm

(3), *Nhân sinh khởi của 2 Tỷ thức tâm:*

- Ghānapasāda: Có thần kinh khứu giác tốt
- Gandhārammaṇa: Có mùi xuất hiện
- Vāyodhātu: Có gió đưa đến
- Manasikāra: Có sự lưu tâm

(4), *Nhân sinh khởi của 2 Thiệt thức tâm:*

- Jivhāpasāda: Có thần kinh vị giác tốt
- Rasārammaṇa: Có vị xuất hiện
- Āpodhātu: Có nước miếng
- Manasikāra: Có sự lưu tâm

(5), *Nhân sinh khởi của 2 Thân thức tâm:*

- Kāyapasāda: Có thần kinh xúc giác tốt
- Phoṭṭhabbārammaṇa: Có nóng lạnh, cứng mềm, căng chùng
- Thaddhapaṭhavī: Có địa đại cứng cáp
- Manasikāra: Có sự lưu tâm

10 tâm nêu trên được gọi là *Dvipaṇcaviññānacitta* – Ngũ song thức tâm

(6), *Nhân sinh khởi của 3 Manodhātu – Ý giới:*

- Pañcadvāra: Có 5 môn tốt, tức là thần kinh mắt, tai, mũi, lưỡi và thân
- Pañcārammaṇa: Có đối tượng xuất hiện qua 5 môn

- Hadayavatthu: Có tâm căn là nơi để cho tâm, tâm sở phát sinh
- Manasikāra: Có sự lưu tâm

Manodhātu – Ý giới gồm có 3 tâm là:

- Pañcadvārāvajjanacitta – Ngũ môn hướng tâm
- 2 Sampatiṇṇānācitta – Tiếp thọ tâm

(7), *Nhân sinh khởi của 76 Manoviññāṇadhātu – Ý thức giới:*

- Ārammaṇa: Có đối tượng xuất hiện (sắc, thính, hương, vị, xúc và pháp)
- Hadayavatthu: Có tâm căn là nơi để cho tâm, tâm sở phát sinh (đối với chúng sinh có 5 uẩn, còn với chúng sinh chỉ có 4 uẩn thì không cần)
- Manasikāra: Có sự lưu tâm

Manoviññāṇadhātu – Ý thức giới gồm có 76 tâm. Như đã biết có tất cả 89 tâm, trừ 10 Ngũ song thức tâm và 3 Ý giới, còn lại 76 tâm gọi là Ý thức giới.

Manodvāra: Ý môn, bao gồm 19 Hộ kiếp tâm (Bhavaṅgacitta):

- 2 Suy đặc tâm thọ xả (Upekkhāsantīraṇacitta)
- 8 Đại quả tâm (Mahāvipākacitta)
- 9 Đại hành quả tâm (Mahaggatavipākacitta)

SO SÁNH 6 THỨC TÂM

Các bộ *Aṭṭhasālinī* và *Visuddhimagga* (Thanh Tịnh Đạo) so sánh 6 loại thức tâm như sau:

(1), *Nhãn thức tâm*: Mắt giống con rắn, rắn thích bò chui vào những chỗ khuất lấp như thế nào thì mắt cũng thích nhìn vào những chỗ che đậy như thế ấy.

(2), *Nhĩ thức tâm*: Tai giống cá sấu, cá sấu thích những chỗ có nước mát lạnh như thế nào thì tai cũng thích nghe những tiếng nói, âm thanh ngọt ngào, êm mát như thế ấy.

(3), *Tỷ thức tâm*: Mũi giống con chim, chim thích bay lượn trên không như thế nào thì mũi cũng thích ngửi mùi trôi nổi trong không khí như thế ấy.

(4), *Thiệt thức tâm*: Lưỡi giống con chó, chó thích nhều nước bọt như thế nào thì lưỡi mọi khi đều thích nếm vị như thế ấy.

(5), *Thân thích tâm*: Thân giống con giả can, giả can thích sự ẩm áp như thế nào thì thân cũng thích sự ẩm áp như thế ấy.

(6), *Ý thức tâm*: Ý giống con khỉ, khỉ thích máy động, không ở yên như thế nào thì tâm ý cũng thích vọng động, không chịu ở yên như thế ấy.

IV. PHẬN SỰ CỦA VÔ NHÂN TÂM

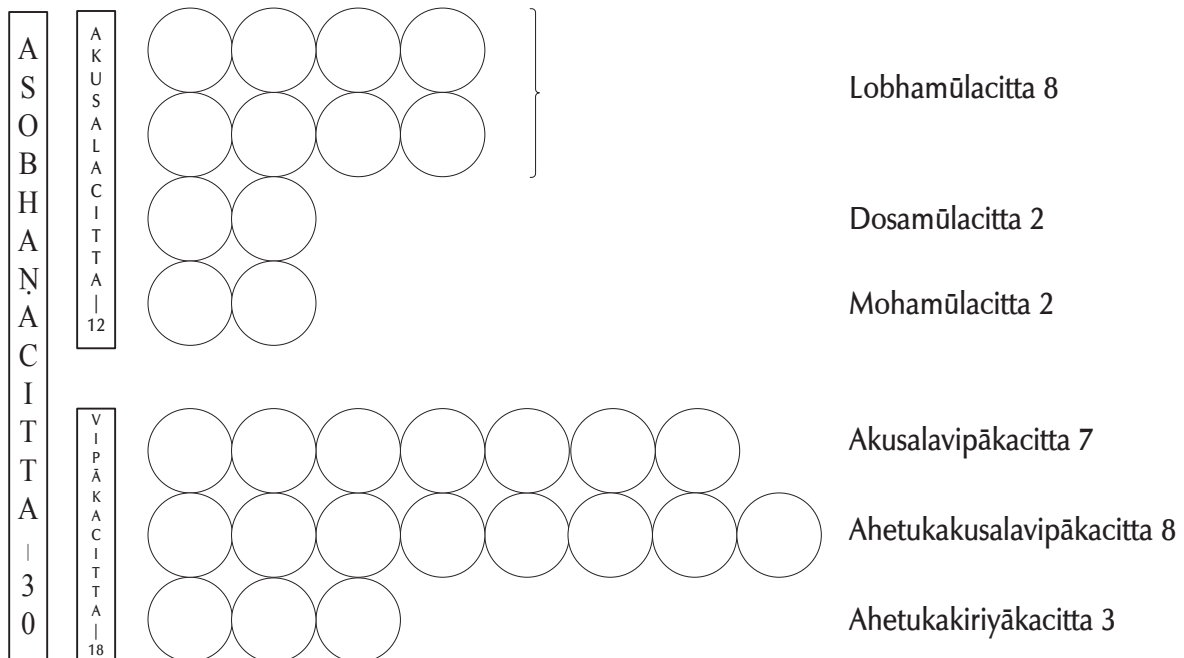
Các Vô nhân tâm làm những phận sự như sau:

* 2 Nhãn thức tâm	làm phạm sự	Dassanakicca – Thấy sắc
* 2 Nhĩ thức tâm	làm phạm sự	Savanakicca – Nghe tiếng
* 2 Tỷ thức tâm	làm phạm sự	Ghāyanakicca – Ngửi mùi
* 2 Thiệt thức tâm	làm phạm sự	Sāyanakicca – Nếm vị
* 2 Thân thức tâm	làm phạm sự	Phussanakicca – Chạm xúc
* 2 Tiếp thọ tâm	làm phạm sự	Sampañicchanakicca – Tiếp nhận ngũ trần
* 2 Suy đặc tâm thọ xả làm phạm sự	{	Paṭisandhikicca – Tục sinh
		Bhavaṅgakicca – Hộ kiếp
		Cutikicca – Tử (chết)
		Santīraṇakicca – Suy đặc
		Tadāmbanakicca – Tiếp đối tượng từ Tốc hành tâm
* 1 Suy đặc tâm thọ hỷ làm phạm sự	{	Santīraṇakicca – Suy đặc
		Tadāmbanakicca – Tiếp đối tượng từ Tốc hành tâm
* 1 Ngũ môn hướng tâm làm phạm sự		Āvajjanakicca – Hướng tâm đến đối tượng ngũ trần
* 1 Ý môn hướng tâm làm phạm sự	{	Āvajjanakicca – Hướng tâm đến đối tượng lục trần
		Voṭṭhabbanakicca – Xác định đối tượng ngũ trần qua 5 môn
* 1 Tiểu sanh tâm	làm phạm sự	Javanakicca – Tốc hành

ASOBHAṆACITTA – PHI TỊNH HẢO TÂM

12 Bất thiện tâm và 18 Vô nhân tâm, cộng lại 30 tâm gọi là *Asobhaṇacitta* – *Phi tịnh hảo tâm*. Ở đây *Phi tịnh hảo tâm* không mang nghĩa là tâm không tốt đẹp, không tịnh hảo như các tâm Bất thiện. Sở dĩ có tên như vậy bởi vì không kết hợp với các *Sobhaṇacetasika* – *Tịnh hảo tâm sở*.

Bất thiện tâm không thể sinh khởi ở tất cả mọi chúng sinh giống như các Vô nhân tâm, mà chỉ ở một số chúng sinh nào đó thôi.



SOBHAṆACITTA TỊNH HẢO TÂM

Gāthāsaṅgaha:

PĀPĀHETUKAMUTTĀNI SOBHAṆĀNĪTI VUCCARE
EKŪNASATṬHĪ CITTĀNI ATHEKANAVUTĪPI VĀ.
Ngoài các bất thiện tâm và vô nhân tâm ra, 59 hay 91 tâm
còn lại được gọi là tịnh hảo tâm.

Sobhaṇacitta – Tịnh hảo tâm là những tâm tốt đẹp, kết hợp với các Tịnh hảo tâm sở. Tính rút gọn thì có 59 tâm, còn tính rộng ra thì có tất cả 91 Tịnh hảo tâm. Nếu phân theo địa giới (bhūmi) thì các Tịnh hảo tâm có mặt trong cả 4 địa giới là:

59/91 Sobhaṇacitta	{	24 Kāmāvacarasobhaṇacitta
		15 Rūpāvacaracitta
		12 Arūpāvacaracitta
		8/40 Lokuttaracitta

KĀMĀVACARASOBHAṆACITTA DỤC GIỚI TỊNH HẢO TÂM

Kāmāvacarasobhaṇacitta – Dục giới tịnh hảo tâm là những tâm phần nhiều lưu chuyển tới lui trong cõi Dục giới. Tuy Dục giới là cảnh giới phát sinh của Phiền não dục (Kilesakāma) và Vật dục (Vatthukāma), nhưng các Dục giới tịnh hảo tâm vẫn là các tâm tốt đẹp bởi vì kết hợp với các Tịnh hảo tâm sở. Các tâm sở tốt đẹp này sẽ tạo tác nên các tâm thiện hảo, làm phát sinh lợi ích, tránh khỏi tội lỗi. *Dục giới tịnh hảo tâm* được chia thành 3 loại như sau:

Gāthasaṅgaha:

VEDANĀÑÑASAṆKHĀRA– BHEDENA CATUVĪSATI
SAHETUKĀMĀVACARA– PUÑÑAPĀKAKRIYĀ MATĀ.

Khi phân chia theo thọ, trí và tác động có tất cả 24 hữu nhân
dục giới thiện, quả và duy tác tâm.

Kāmāvacarasobhaṇacitta 24 { Kāmāvacarakusalacitta 8
Kāmāvacaravipākacitta 8
Kāmāvacarakriyācitta 8

I. MAHĀKUSALACITTA – ĐẠI THIỆN TÂM

Đại thiện tâm là những tâm sinh khởi với tác ý tốt đẹp, cho nên đây là tâm không mắc tội lỗi và cho quả an lạc. Đặc biệt, các *Đại thiện tâm* còn cho quả nhiều hơn bản thân, tức là sinh quả cả phía Vô nhân lẫn Hữu nhân; đó chính là 8 *Vô nhân thiện quả tâm* và 8 *Đại quả tâm*. Có tất cả 8 *Đại thiện tâm* như *Đức trưởng lão Anuruddha* đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

***“Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ.***

“Một tâm đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

***Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ.***

Một tâm đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

***Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ.***

Một tâm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

***Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ”.***

Một tâm đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động”.

GIẢI NGHĨA KUSALA – THIỆN

Pāli định nghĩa:

* *Kucchite pāpadhamme salayatīti = kusalam.*

Pháp hoại diệt các tội lỗi mà bậc trí hiền chê trách gọi là thiện pháp.

Ở đây, thiện pháp chính là các Thiện tâm (Kusalacitta), là những tâm tốt đẹp, xa rời phiền não, không có tội lỗi và cho quả an lạc.

Kusala – Thiện có 5 nghĩa là:

(1), *Arogyattha – Vô bệnh*: Không có bệnh tật, không bị phiền não tam độc đâm xuyên tâm can và thể xác. Ở đây *rāga – ái dục, dosa – sân hận, moha – si mê* v.v... gọi là **roga – bệnh tật** bởi vì chúng nhiều hại cả thân lẫn tâm.

(2), *Sundarattha – Tốt lành*: Pháp tốt đẹp, đem lại lợi ích cho chúng sinh.

(3), *Chekattha – Khôn khéo*: Pháp khéo léo, thông minh, thanh lịch, người có tâm này là người tốt, khiêm cung, có tư cách trang nghiêm.

(4), *Anavajjattha – Không lỗi*: Pháp không có lỗi, khó mà chê trách được.

(5), *Sukhavipākattha – Lạc quả*: Pháp này cho quả an lạc, đúng như ước nguyện.

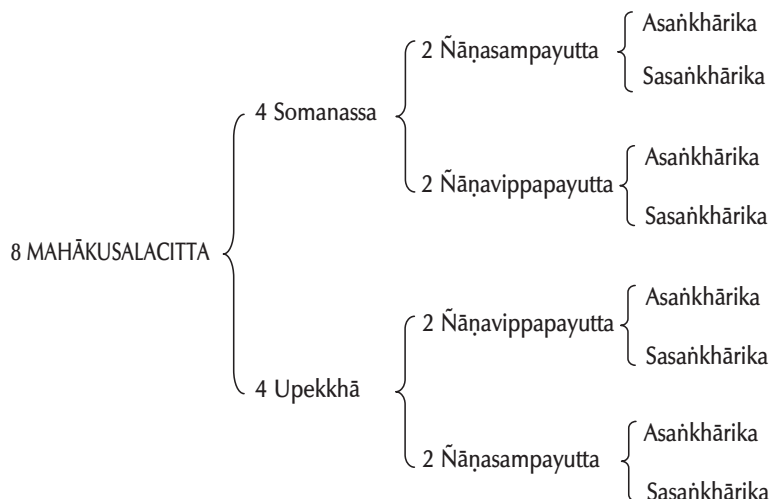
GIẢI NGHĨA PUÑÑA – PHƯỚC

Pāli định nghĩa:

* *Attano santānaṃ punāti sodhetī'ti = puññaṃ.*

Việc làm nào tẩy rửa nội tâm của mình trong sạch, việc làm ấy gọi là phước.

1, Phân chia Đại thiện tâm:



2, Đại thiện tâm hợp với trí:

Ñāṇasampayutta – *Hợp với trí* nghĩa là kết hợp với trí tuệ, tương ứng với trí tuệ, có trí tuệ tham gia vào. Trí tuệ ở đây chính là *Paññācetasika* – *Tuệ tâm sở* có mặt trong các Đại thiện tâm này; ấy là *Kammassakatāpaññā* và *Vipassanāpaññā*.

a, *Kammassakatāpaññā*: Trí tuệ biết rõ rằng mọi chúng sinh đều có nghiệp là tài sản riêng của mình. Mỗi một chúng sinh chính là kẻ phải chịu trách nhiệm trước hành động, việc làm, lời nói, ý nghĩ của mình cho dù hành động, ý nghĩ, v.v... đó thuộc về phía thiện hay phía ác. Cha mẹ, vợ chồng, con cái, tiền của, tài sản, v.v... tất cả đều thật sự không nằm trong quyền hạn của mỗi chúng ta, bởi vì chúng ta không thể theo chúng ta đi từ kiếp sống này sang kiếp sống khác. Ngay cả trong kiếp hiện tại này, chưa chắc chúng ta đã giữ được chúng cho vẹn toàn trước thiên tai, vận rủi, hiểm họa đang kéo tới. Do bởi chúng sẽ bị mất mát, hư hại, phân chia khi đối mặt với những hiểm nguy ấy.

Kammassakatāpaññā gồm có 10 loại:

(1), *Atthi dinnam*: Thấy rằng việc làm phước, cúng dường, bố thí sẽ có quả lợi ích, tốt đẹp.

(2), *Atthi yittham*: Thấy rằng việc cung kính, lễ bái sẽ có quả lợi ích, tốt đẹp.

(3), *Atthi hutam*: Thấy rằng việc chào hỏi, mời mọc sẽ có quả lợi ích, tốt đẹp.

(4), *Atthi sukatadukkatānam kammānam phalam vipāko*: Việc làm nghiệp thiện hoặc ác đều có quả trực tiếp hay gián tiếp.

(5), *Atthi ayam loko*: Thấy rằng có kiếp này, tức là có người đến tái sinh trong kiếp này.

(6), *Atthi paro loko*: Thấy rằng có kiếp tới, tức là có người đi tái sinh trong kiếp tới.

(7), *Atthi mātā*: Thấy rằng công đức của mẹ hiện hữu, làm nghiệp thiện hay ác với mẹ sẽ có quả tốt xấu trong ngày vị lai.

(8), *Atthi pitā*: Thấy rằng công đức của cha hiện hữu, làm nghiệp thiện hay ác với cha sẽ có quả tốt xấu trong ngày vị lai.

(9), *Atthi sattā opapātikā*: thấy rằng loài Hoá sanh (sinh ra lớn liền) hiện hữu, tức là có các loài chúng sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, a-tu-la, chư thiên, phạm thiên.

(10), *Atthi loke samaṇabrahmaṇā sammāpatipannā*: Thấy rằng có những bậc sa-môn, bà-la-môn thực hành chánh đạo, thấy rõ đời này đời sau và thuyết cho người khác biết theo nữa.

b, *Vipassanāpaññā*: Tuệ quán, là trí tuệ của pháp hành Thiền tuệ, còn gọi là Thiền minh sát. Trí tuệ này thấy rõ 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 22 căn, 4 đế, 12 nhân duyên là thực tướng pháp của danh-sắc. Nghĩa là Trí tuệ thấy rõ mọi sự vật trên thế gian này, dù là hữu tình hay vô tình đều chỉ là danh và sắc, chỉ 2 loại này mà thôi và danh-sắc này lúc sinh khởi rồi thì phải diệt vong đi. Danh-sắc được biểu hiện qua *Tam tướng (Tilakkhaṇa)* là *Vô thường, Khổ* và *Vô ngã*. Trí tuệ nào thấy rõ đúng thực tánh như chân như thật của danh-sắc là Vô thường, Khổ và Vô ngã, trí tuệ đó chính là *Vipassanāpaññā*.

BA LOẠI PAÑÑĀ – TRÍ TUỆ

(1), *Sutāmayapaññā – Văn Tuệ*: Trí tuệ nào phát sinh do sự học tập, nghe hiểu, thuộc lòng, trí tuệ đó gọi là *Sutāmayapaññā – Văn Tuệ*. Văn tuệ này giúp sửa chữa những hiểu biết sai lầm đã được học, được biết trước đây; đồng thời giúp thấu hiểu những gì chưa từng biết.

(2), *Cintāmayapaññā – Tư Tuệ*: Trí tuệ phát sinh từ sự suy nghĩ, suy xét về cuộc sống của chúng sinh, chẳng hạn như: bệnh tật – vô bệnh, ngu đần – thông minh, khổ não – an lạc, yếu tướng – thọ mạng, nghèo đói – giàu sang, v.v... hoặc là trí tuệ đã từng nghe, từng học rồi đem ra suy nghĩ, tư duy hay tiên lượng bằng cách so sánh theo các tiêu chuẩn nêu trên và thấy được bản chất Vô thường, Khổ, Vô ngã dựa trên cả 3 thời (quá khứ, hiện tại và vị lai); trí tuệ như thế gọi là *Cintāmayapaññā – Tư Tuệ*.

(3), *Bhāvanāmayapaññā – Tu Tuệ*: Trí tuệ phát sinh từ sự tu tập pháp hành Thiền tuệ, đó chính là *Vipassanābhāvanā – Tuệ quán*. Trí tuệ này thấu hiểu sự thật của danh sắc là vô thường, khổ, vô ngã, và được gọi là *Bhāvanāmayapaññā – Tu Tuệ*.

3, *Đại thiện tâm không hợp với trí*:

Ñāṇavippayutta – Không hợp với trí nghĩa là không kết hợp với trí tuệ, không tương ưng với trí tuệ, không có trí tuệ tham gia vào. Đại thiện tâm loại này là những tâm có tác ý (cetanā) hành thiện nhưng không kết hợp với trí tuệ. Chẳng hạn làm phước, cúng dường theo phong tục tập quán, xưa bày nay làm, dựa vào đức tin (saddhā) là chính.

4, *Phân loại Đại thiện tâm theo Nhân (Hetu)*:

a, *Tihetukakusala – Tam nhân thiện*: Trong việc hành thiện các loại ví dụ như bố thí, cúng dường, trì giới, tham thiền v.v... cho dù là làm bằng thân, bằng khẩu hay bằng ý, nếu thiện nghiệp mà người ấy đang làm có kết hợp với một trong

hai loại là *Kammasakatāñāṇa* hoặc *Vipassanāñāṇa* như đã nêu trên thì gọi là **Tam nhân thiện** (*Tihetukakusala*). Bởi lẽ đây là Thiện nghiệp mà được kết hợp với 3 nhân thiện là: *Vô tham* (*Alobhahetu*), *Vô sân* (*Adosaheṭu*) và *Vô si* (*Amohaheṭu*); chi pháp bao gồm 4 Đại thiện tâm hợp với trí.

b, *Dvīhetukakusala* – **Nhị nhân thiện**: Trong việc hành thiện các loại ví dụ như bố thí, cúng dường, trì giới, tham thiền v.v... cho dù là làm bằng thân, bằng khẩu hay bằng ý, nếu thiện nghiệp mà người ấy đang làm không kết hợp với một trong hai loại là *Kammasakatāñāṇa* hoặc *Vipassanāñāṇa* thì gọi là **Nhị nhân thiện** (*Dvīhetukakusala*). Bởi lẽ đây là Thiện nghiệp mà chỉ kết hợp với 2 nhân thiện là: *Vô tham* (*Alobhahetu*) và *Vô sân* (*Adosaheṭu*), không kết hợp với *Vô si* (*Amohaheṭu*); chi pháp bao gồm 4 Đại thiện tâm không hợp với trí.

5, Phân loại Đại thiện tâm theo Tác ý (*Cetanā*):

Khi làm việc phước thiện, cho dù kết hợp với trí hay không kết hợp với trí, các Đại thiện tâm vẫn có Tác ý (*Cetanā*) qua 3 thời như sau:

- a, *Pubbacetanā* – **Tiền tác ý**: Tác ý sinh khởi trước khi làm
- b, *Mūñcacetanā* – **Hiện tác ý**: Tác ý sinh khởi trong khi làm
- c, *Aparacetanā* – **Hậu tác ý**: Tác ý sinh khởi sau khi làm

Khi phân chia *Tam nhân thiện* và *Nhị nhân thiện* theo năng lực của Tác ý như đã nêu trên sẽ có 2 loại là:

* *Ukkatṭhakusala* – **Thiện phước bậc cao**: Trong việc hành thiện các loại ví dụ như bố thí, cúng dường, trì giới, tham thiền v.v... trước lúc làm, trong lúc làm và sau khi làm xong; nếu tâm của người đó không trộn lẫn với bất thiện, tức là tác ý trong sạch cả 3 thời thì thiện phước của người ấy cho dù là *Tam nhân thiện* hay *Nhị nhân thiện* vẫn được gọi là *Thiện phước bậc cao* (*Ukkatṭhakusala*).

* *Omakakusala* – **Thiện phước bậc thấp**: Trong việc hành thiện các loại ví dụ như bố thí, cúng dường, trì giới, tham thiền v.v... trước lúc làm, trong lúc làm và sau khi làm xong; nếu tâm của người đó trộn lẫn với bất thiện, tức là tác ý không trong sạch ở 3 thời thì thiện phước của người ấy cho dù là *Tam nhân thiện* hay *Nhị nhân thiện* vẫn được gọi là *Thiện phước bậc thấp* (*Omakakusala*).

Tóm lại, chúng ta có sự phân chia như sau:

- * Tam nhân thiện {
 - Ukkatṭhakusala – Thiện phước bậc cao
 - Omakakusala – Thiện phước bậc thấp

- * Nhị nhân thiện { Ukkaṭṭhakusala – Thiện phước bậc cao
Omakakusala – Thiện phước bậc thấp

KĀMĀVACARAKUSALAKAMMA – DỤC GIỚI THIỆN NGHIỆP

Dục giới thiện nghiệp nghĩa là sự làm việc tốt hay sự làm các hạnh lành mà liên quan với các đối tượng Dục giới như Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc. Các việc làm tốt đẹp này phát sinh bởi năng lực của Tác ý có ở trong các Đại thiện tâm, đây là yếu tố quan trọng để thành tựu các *Dục giới thiện nghiệp* này.

Dục giới thiện nghiệp được biểu hiện qua 2 dạng:

- Kammadvāra – Nghiệp môn
- Puññakriyāvatthu – Nhân tạo phước

KAMMADVĀRA – NGHIỆP MÔN

* Dục giới thiện nghiệp khi phân theo nghiệp môn có 3 môn là:

- Nghiệp sinh khởi qua Thân môn gọi là *Kāyakamma – Thân nghiệp*
- Nghiệp sinh khởi qua Khẩu môn gọi là *Vacīkamma – Khẩu nghiệp*
- Nghiệp sinh khởi qua Ý môn gọi là *Manokamma – Ý nghiệp*

* Nếu chia theo thể loại của nghiệp thì có 10 loại là:

- *Thân nghiệp có 3:*
 - i, Pāṇātipātavirati – Tránh sát sinh
 - ii, Adinnādānavirati – Tránh trộm cắp
 - iii, Kāmesumicchācāravirati – Tránh tà dâm
- *Khẩu nghiệp có 4:*
 - iv, Musāvādavirati – Tránh nói dối
 - v, Pisuṇavācāvirati – Tránh lời hai lưỡi
 - vi, Pharusavācāvirati – Tránh lời ác độc
 - vii, Samphappalāpavirati – Tránh lời vô ích
- *Ý nghiệp có 3:*
 - viii, Anabhijjhā – Thu thúc không cho tham khởi sinh
 - ix, Abyāpāda – Thu thúc không cho sân khởi sinh
 - x, Sammāditṭhi – Có chánh kiến

Mười Dục giới thiện nghiệp này được gọi là *Kusalakammamatha – Thập thiện nghiệp đạo*, có chi pháp như sau:

* *Thân nghiệp có 2 chi pháp là:*

- Sammākamantacetāsika – Chánh nghiệp tâm sở
- Sammāājīvacetasika – Chánh mạng tâm sở

* *Khẩu nghiệp có 2 chi pháp là:*

- Sammāvācācetasika – Chánh ngữ tâm sở, và
- Sammāājīvacetasika – Chánh mạng tâm sở

* *Ý nghiệp:*

- Anabhijjhā có chi pháp là Alobhacetāsika – Vô tham tâm sở
- Abyāpāda có chi pháp là Adosacetāsika – Vô sân tâm sở
- Sammāditṭhi có chi pháp là Paññācetasika – Tuệ tâm sở

PUÑÑAKIRIYĀVATTHU – NHÂN TẠO PHƯỚC

Nhân tạo phước nghĩa là điều thiện, việc tốt nên làm vì đây là nhân để tạo nên những quả tốt đẹp, tức là nhân làm sinh khởi những kết quả thiện hảo cùng với những lợi lạc mà người làm sẽ được nhận phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, cơ hội v.v...

Nhân tạo phước có tất cả 10 loại là:

(1), <i>Dāna</i>	<i>Bố thí</i>
(2), <i>Sīla</i>	<i>Trì giới</i>
(3), <i>Bhāvanā</i>	<i>Tu tiến</i>
(4), <i>Apacāyana</i>	<i>Cung kính</i>
(5), <i>Veyyāvacca</i>	<i>Phục vụ</i>
(6), <i>Pattidāna</i>	<i>Hồi hướng công đức</i>
(7), <i>Pattānumodanā</i>	<i>Tùy hỷ công đức</i>
(8), <i>Dhammasavana</i>	<i>Nghe pháp</i>
(9), <i>Dhammadesanā</i>	<i>Thuyết pháp</i>
(10), <i>Diṭṭhujukamma</i>	<i>Cải chánh quan kiến</i>

6, Nhân phát sinh của Đại thiện tâm:

Đại thiện tâm sinh khởi do nhờ *Yonisomanasikāra – Như lý tác ý*. Tức là có tác ý như chân như thật đúng với thực tánh pháp. Một khi tâm tiếp xúc với đối tượng là Sắc, Thinh, Hương, v.v... qua 6 môn, sẽ có sự quán sát đối tượng theo đúng thực

tánh của nó đang hiện hữu, gọi là có *Như lý tác ý*. Tuy nhiên để có *Như lý tác ý* phát sinh thì phải dựa vào các nhân duyên của quá khứ và hiện tại như sau:

- | | |
|----------------------|------------------------------------|
| - Pubbekatapuññatā | Thiện phước đã tạo trong đời trước |
| - Paṭirūpadesavāsa | Ở trú xứ thích hợp |
| - Sappurisūpanissaya | Thân cận bậc hiền trí |
| - Saddhammassavana | Nghe pháp của các vị ấy |
| - Attasammāpaṇidhi | Giữ mình theo nghiệp chánh |

7, *Quả của Đại thiện tâm:*

Đại thiện tâm sẽ cho 2 loại quả tính theo thời điểm là:

- Cho quả Thời tục sinh (Paṭisandhikāla)
- Cho quả Thời thường nhật (Pavattikāla)

a, *Cho quả Thời tục sinh (Paṭisandhikāla)*: Thiện nghiệp sinh khởi do năng lực của 10 Nhân tạo phước hoặc 10 Thiện nghiệp đạo sẽ cho quả tại thời điểm tục sinh kiếp mới, trong *Dục giới lạc cảnh (Kāmasugatibhūmi)* là:

- 8 Đại quả tâm (Mahāvipākacitta)
- 1 Thiện quả suy đặc tâm thọ xả (Upekkhāsantīraṇakusalavipākacitta)
- Nghiệp khởi sắc (Kammajarūpa – Sắc pháp khởi sinh do nghiệp)

Trong đó:

* 8 *Đại quả tâm* là tâm quả dị thực, tục sinh làm người, chư thiên cõi Dục giới trong *Dục giới lạc cảnh*, đó là:

- Cõi người (Manussabhūmi)
- 6 Cõi trời Dục giới (Devatābhūmi)

* *Thiện quả suy đặc tâm thọ xả* là tâm quả dị thực, tái sinh thành người bị khuyết tật bẩm sinh như: câm, ngọng, thiếu năng trí tuệ, người vô tính, v.v... hoặc thành chư thiên bị khổ sở, thiếu thốn ở cõi trời Tứ đại thiên vương (Cātummahārāja).

b, *Cho quả Thời thường nhật (Pavattikāla)*: Quả dị thực khởi sinh bởi Thiện nghiệp trong thời kỳ từ sau khi tục sinh đến chết có 2 loại là:

* 8 *Đại quả tâm* là quả có kết hợp với Nhân (Hetu) tùy theo năng lực của Tác ý trong các Đại thiện tâm. Các quả tâm này sinh khởi trong các Dục giới lạc cảnh mà thôi, làm nhiệm vụ Hộ kiếp (Bhavaṅgakicca), hoặc Tiếp đối tượng (Tadāmbanakkicca), hoặc là nhiệm vụ Tử (Cutikicca), rời khỏi kiếp này.

* 8 *Vô nhân thiện quả tâm* là quả không có Nhân, sinh khởi trong 11 cõi Dục giới và 15 cõi Sắc giới (trừ cõi trời Asaññasatta – Vô tưởng), phù hợp với đối tượng và căn môn. Có nhiệm vụ thấy, nghe, ngửi, v.v... các đối tượng tốt đẹp.

GIẢI NGHĨA VIPĀKA – QUẢ DỊ THỰC

Pāli định nghĩa:

* *Aññaṃaññavisīṭṭhānaṃ kusalākusalānaṃ pākā'ti = vipākā.*

Các pháp là sự chín muồi của thiện và bất thiện mà có sự tương quan sai biệt nhau gọi là vipāka – quả dị thực.

Có 2 loại quả là:

(1), *Mukhayaphala* – *Quả trực tiếp*: Đó là các *Vipākacitta* – *Dị thực quả tâm* cũng với các *Tâm sở* (*Cetasika*) kết hợp. Gọi là Quả trực tiếp vì đây thuộc về Danh pháp, nhận đối tượng được, cũng giống như các nhân tổ tạo ra quả này là các Bất thiện tâm hay Thiện tâm vậy.

(2), *Sāmaññaphala* – *Quả thông thường*: Đó là *Kammajarūpa* – *Nghiệp khởi sắc*. Chúng thuộc về Sắc pháp, có nhiệm vụ đón nhận sự sinh khởi của các *Dị thực quả tâm*, bao gồm *Hadayavatthurūpa* – *Tâm cơ* và *Pasādarūpa* – *Tịnh sắc căn*.

Ở đây, Vipāka – Quả dị thực chính là *Quả trực tiếp*, theo như bộ Chú giải *Aṭṭhasālinī* có ghi:

“*Vipākabhāvaṃ āpannānaṃ arūpadhammānametaṃ adhivacanaṃ*”.

Quả nghiệp này là tên gọi của danh pháp đã đạt đến trạng thái chín muồi.

II. MAHĀVIPĀKACITTA – ĐẠI QUẢ TÂM

Vipākacitta – *Quả tâm* là những tâm có tính chất như sau:

* *Quả tâm* là tâm không phải làm cho sinh khởi cái gì cả, nếu có Thiện hoặc Bất thiện làm nhân rồi thì quả là *Vipākacitta* sẽ chắc chắn sinh ra.

* *Quả tâm* là tâm yên tịnh, không có một trạng thái nào biểu hiện ra cả; là tâm không cần có một sự cố gắng nào, và có năng lực yếu không giống như các tâm Thiện, Bất thiện hay Duy tác.

* *Quả tâm* là tâm không hiển lộ rõ ràng, chỉ biểu hiện lúc nằm ngủ thật say, không mộng mị. Còn những lúc thức, ngay cả khi nằm mơ thì luôn có tâm lộ trình xuất hiện dưới dạng Thiện, Bất thiện hay Duy tác.

* Các tâm sở đồng sinh với các *Vipākacitta* cũng có năng lực yếu kém, kể cả Nghiệp khởi sắc (Kammarūpa) và Tâm khởi sắc (Cittarūpa) được sinh bởi các *Vipākacitta* này cũng không biểu lộ trạng thái gì như các loại tâm khác.

Mahāvīpākacitta – **Đại quả tâm** còn gọi là *Sahetukakāmāvacaravīpākacitta* – Hữu nhân dục giới quả tâm, gồm có 8 tâm. Đây là quả trực tiếp của các Đại thiện tâm với vị thứ của các Đại thiện tâm. Ví dụ: Đại thiện tâm thứ nhất cho quả là Đại quả tâm thứ nhất, tức là *Mahākusalacittam somanassasahagatam, ñāṇasampayuttam, asaṅkhārikam* có quả là *Mahāvīpākacittam somanassasahagatam, ñāṇasampayuttam, asaṅkhārikam*.

Đại quả tâm là pháp thuộc về *Vô ký pháp (Abyākatadhamma)*, là pháp mà Đức Phật không dạy rằng ấy là Thiện pháp hay Bất thiện pháp. Có tất cả 8 *Đại quả tâm* như Đức trưởng lão *Anuruddha* đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

*“Somanassasahagatam ñāṇasampayuttam asaṅkhārikamekam
sasaṅkhārikamekam.*

“Một tâm đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

*Somanassasahagatam ñāṇavippayuttam asaṅkhārikamekam
sasaṅkhārikamekam.*

Một tâm đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

*Upekkhāsahagatam ñāṇasampayuttam asaṅkhārikamekam
sasaṅkhārikamekam.*

Một tâm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

*Upekkhāsahagatam ñāṇavippayuttam asaṅkhārikamekam
sasaṅkhārikamekam”.*

Một tâm đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động”.

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA ĐẠI QUẢ TÂM VỚI ĐẠI THIỆN TÂM

Trong các *Đại thiện tâm* luôn có sự khác nhau của Nghiệp (Kamma), Môn (Dvāra), Nghiệp đạo (Kammāpatha) và Nhân tạo phước (Puñṇakiriyaṅvatthu); nhưng những sự khác nhau này không có trong các *Đại quả tâm*. Ngoài ra, các *Đại quả tâm* không làm cho các Sắc cử động (Viññattirūpa) sinh khởi. *Đại quả tâm* là quả đã chín muồi rồi

nên không tạo quả tiếp theo và *Đại quả tâm* không có đối tượng là các chúng sinh (sattavapaññatti) cho nên các tâm sở Bi (Karunā), Tùy hỷ (Muditā) và ngay cả các Tiết chế tâm sở (Viraticetasika) là Chánh ngữ (Sammāvācā), Chánh nghiệp (Sammākammanta) và Chánh mạng (Sammāājīva) cũng không đồng sinh với các *Đại quả tâm* được.

III. MAHĀKIRIYĀCITTA – ĐẠI DUY TÁC TÂM

Duy tác tâm là những tâm không phải Thiện, Bất thiện hay Quả dị thực mà chỉ là những tâm làm phạm sự nhận đối tượng qua 6 môn hoặc làm phạm sự hoàn thiện sự nghĩ, sự nói, sự làm của bậc Thánh A-ra-hán và không tạo duyên (paccaya) cho Thiện hay Bất thiện trong tương lai nữa. Có tất cả 8 *Đại duy tác tâm* như *Đức trưởng lão Anuruddha* đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

*“Somanassasahagataṃ nāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ.*

“Một tâm đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

*Somanassasahagataṃ nāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ.*

Một tâm đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

*Upekkhāsahagataṃ nāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ.*

Một tâm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động.

*Upekkhāsahagataṃ nāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikamekaṃ
sasaṅkhārikamekaṃ”.*

Một tâm đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, không cần tác động, một tâm cần có tác động”.

Duy tác tâm có 2 loại là:

- Vô nhân duy tác tâm (Ahetukakiriyācitta)
- Hữu nhân dục giới duy tác tâm (Sahetukakāmaṇvācarakiriyācitta)

1, Vô nhân duy tác tâm:

Các tâm này không phải Thiện tâm hay Bất thiện tâm, cũng không phải là Quả dị thực của thiện hay bất thiện. Chúng chỉ là những tâm làm phạm sự nhận đối

tượng qua 6 môn mà thôi, không làm phạm sự Túc hành tâm (ngoại trừ Tiểu sanh tâm). Vì các tâm này không tạo nhân nên chúng cũng không cho quả gì cả.

2, Hữu nhân dục giới duy tác tâm:

Các tâm này là tâm hoàn thiện sự nghĩ, nói và làm của bậc Thánh A-ra-hán, bậc đã đoạn tận các lậu hoặc. Chúng làm phạm sự Túc hành tâm, thọ nhận đối tượng với các cảm thọ là Hỷ (Somanassa) hoặc Xả (Upekkhā), nhưng đây chỉ là các cảm thọ thuần túy, không phải là nhân của Ái (Taṇhā) hay là nhân của Thủ (Upādāna), do vậy không thể tạo nên quả trong tương lai được.

Hữu nhân dục giới duy tác tâm hay *Đại duy tác tâm* là những tâm có Nhân (Hetu) kết hợp, sinh khởi phần nhiều để nhận các đối tượng Dục giới và sinh ra trong rất nhiều cảnh giới (bhūmi), tất cả có đến 26 cảnh giới (trừ 4 cảnh khổ và cõi trời Vô tướng).

Đại duy tác tâm có tính chất giống như *Đại thiện tâm* chỉ khác ở chỗ là *Đại thiện tâm* sinh khởi với chúng sinh các hạng nói chung, còn *Đại duy tác tâm* sinh khởi với bậc Thánh A-ra-hán mà thôi. Do vậy *Đại duy tác tâm* cũng có 8 tâm, sinh với thọ hỷ hoặc xả, hợp với trí hay không hợp với trí, không cần tác động hay cần có tác động.

Đại duy tác tâm là tâm tiến hành các công việc của thiện như *Đại thiện tâm*, nhưng công việc của thiện ấy sẽ cho quả an lạc trong tương lai. Còn bậc Thánh A-ra-hán không cần quả gì cả khi làm các công việc này nên gọi là chỉ nghĩ, chỉ nói và chỉ làm mà thôi.



MAHAGGATACITTA

ĐẠI HÀNH TÂM

Mahaggatacitta – Đại hành tâm là những tâm đạt đến trạng thái cao thượng, quý báu. Đại hành tâm chia làm 5 loại là:

- 15 *Rūpāvacaracitta – Sắc giới tâm*, là tâm của những bậc đã chứng thiền Sắc giới, đoạn trừ được các *chướng ngại (nivarana)* của nội tâm.

- 12 *Arūpāvacaracitta – Vô sắc giới tâm*, là tâm của những bậc đã chứng thiền Vô sắc giới, không còn những ngăn ngại của Sắc pháp.

$$27 \text{ Mahaggatacitta} \left\{ \begin{array}{l} 15 \text{ Rūpāvacaracitta} \\ 12 \text{ Arūpāvacaracitta} \end{array} \right.$$

RŪPĀVACARACITTA

SẮC GIỚI TÂM

Rūpāvacaracitta – Sắc giới tâm là tâm đã đạt đến đối tượng của Thiền sắc giới, tức là những tâm sinh khởi trong *Rūpabhūmi – Sắc giới*. Đây là nơi phát sinh phần nhiều của *Vatthurūpa – Vật sắc* và *Kilesarūpa – Phiền não sắc*.

- *Vatthurūpa – Vật sắc*: Bao gồm 15 *Sắc giới tâm* và 35 *Tâm sở*.

- *Kilesarūpa – Phiền não sắc*: Chính là *Tham tâm sở* có liên quan tới *Sắc ái (Rūpatanāhā)*, tức là sự ham muốn, hài lòng nơi Sắc, Thiền định, Thần thông và các cõi trời Sắc giới.

Pāli định nghĩa:

* *Rūpassa bhavo'ti = rūpaṃ.*

Cảnh giới nào là nơi phát sinh của vật sắc và phiền não sắc, do vậy cảnh giới ấy gọi là *sắc (sắc giới)*.

* *Rūpe avacarati'ti = rūpāvacanaṃ.*

Tâm nào lưu chuyển, sinh khởi trong cảnh giới là nơi sinh của vật sắc và phiền não sắc, tâm đó gọi là *sắc giới tâm*.

Gāthasaṅgaha:

PAÑCADHĀ JHĀNABHEDENA RŪPĀVACARAMĀNASAM
 PUÑÑAPĀKAKRIYĀBHEDĀ TAM PAÑCADASADHĀ BHAVA
 Sắc giới tâm phân chia theo thiền có 5 loại, phân chia theo thiện, quả
 và duy tác có 15 loại.

I. NGHĨA CỦA JHĀNA – THIỀN

Theo Bộ *Paramatthadīpanī*, *Jhāna* – *Thiền* có 2 nghĩa:

1. Trạng thái chú tâm:

* *Ārammanam upanijjhāyatī'ti = jhānam.* (Ārammaṇūpanijjhāna)

Trạng thái chú tâm vào đối tượng gọi là *jhāna*, dịch là *thiền*.

* *Lakkhanam upanijjhāyatī'ti = jhānam.* (Lakkhaṇūpanijjhāna)

Trạng thái chú tâm đến bản chất gọi là *jhāna*, dịch là *thiền*.

Ārammaṇūpanijjhāna là sự tiến hành chú tâm, chú mục vào các dấu hiệu của đối tượng để cho tâm an trú trên đối tượng. Chi pháp bao gồm: 9 Đại hành thiện tâm (*Mahaggatakusalacitta*) và 9 Đại hành duy tác tâm (*Mahaggatakiriyācitta*).

Lakkhaṇūpanijjhāna là sự tiến hành chú tâm, chú mục vào bản chất của đối tượng để cho Tuệ (Paññā) thấy rõ đối tượng theo Tam tướng: Vô thường (Aniccaṃ), Khổ (Dukkhaṃ), Vô ngã (Anattā). Chi pháp bao gồm: 4 Đại thiện tâm hợp trí (*Mahākusalanāṇasampayuttacitta*) và 8 Siêu thế tâm (*Lokuttaracitta*).

2. Trạng thái thiêu đốt:

* *Paccanīkadhamme jhāpetī'ti = jhānam.*

Trạng thái thiêu đốt các pháp đối nghịch gọi là *jhāna*, dịch là *thiền*.

Paṭipakkhadhamma – *Pháp đối nghịch* với thiền chính là các *nivaraṇa* – *triền cái*, là những pháp chướng ngại, ngăn cản các Thiền pháp, ngăn cản không cho các Thiền tâm phát sinh, có 5 loại là:

a, *Kāmachandanivaraṇa* – *Tham dục triền cái*: Chi pháp là *Tham tâm sở* (*Lobhacetasika*), là sự hài lòng, dính mắc nơi các đối tượng Dục trần (Sắc, Thính, v.v...).

b, *Byāpādanivaraṇa* – *Sân hận triền cái*: Chi pháp là *Sân tâm sở* (*Dosacetasika*) là sự sân hận, không vừa lòng, phiền muộn, lo sợ, v.v...

c, *Thīnamiddhanivaraṇa* – *Hôn thụy triền cái*: Có 2 chi pháp là *Hôn trầm tâm sở* (*Thīnacetasika*) là sự rã rượi, co rút, buồn chán của tâm thức và *Thụy miên tâm sở* (*Middhacetasika*) là sự trì trệ, uể oải, buồn ngủ của tâm thức.

d, *Uddhaccakukkucca* – *Trạo hối triền cái*: Có 2 chi pháp là *Phóng tâm tâm sở* (*Uddhaccacetasika*) là trạng thái phóng tâm, dao động, bất nhất, ... và *Hối hận tâm sở* (*Kukkuccacetasika*) là trạng thái hối hận, hối tiếc với việc thiện không làm và việc ác đã làm.

e, *Vicikicchānivaraṇa* – *Hoài nghi triền cái*: Chi pháp là *Hoài nghi tâm sở* (*Vicikicchācetasika*), là sự nghi ngờ, phân vân, làm phá hoại sự mạnh mẽ trong việc chú tâm vào đối tượng.

II. THIỀN ĐOẠN TRỪ TRIỀN CÁI

1, *Jhānaṅga* – *Thiền chi*

Trong các thiện nghiệp như bồ thí, trì giới chẳng hạn thì Thiện tác ý (*Kusala-cetanā*) khởi sinh lúc nào, chính lúc ấy *Đại thiện tâm* cũng sinh khởi lập tức. Nhưng với các *Sắc giới thiện tâm* (*Rūpāvacarakusalacitta*) thì không phải như vậy. *Sắc giới thiện tâm* sinh khởi lúc mà việc thực hành thiền định (*samathakammaṭṭhāna*) đạt đến *An chi định* (*Appanāsamādhī*). Tức là tâm phải đạt đến sự ổn cố, đình trụ trên đối tượng của pháp hành thiền (ví dụ *Paṭhavīkaṣiṇa* – *Biển xứ đất* là một đối tượng). Nghĩa là lúc đang thực hành thiền định, một nhóm các tâm sở đồng sinh với tâm có nhiệm vụ thiêu đốt hay đè nén các triền cái (là các bất thiện pháp làm ngăn ngại không cho thiền sinh khởi). Trong 5 pháp triền cái này, dù chỉ một loại đang tồn tại, *Jhānacitta* – *Thiền tâm* sẽ không sinh khởi được. Do vậy lúc mà nhóm 5 tâm sở làm nhiệm vụ thiêu đốt hay đè nén các triền cái được rồi thì *Thiền tâm* sẽ khởi sinh ngay.

Nhóm 5 tâm sở đồng sinh với tâm được nói đến ở trên chính là:

- *Vitakka* – *Tầm*
- *Vicāra* – *Tứ*
- *Pīti* – *Phi*
- *Vedanā* – *Thọ* (*Sukha* - *Lạc*, *Upekkhā* - *Xả*)
- *Ekaggatā* – *Nhất tâm*

Năm tâm sở này sẽ đoạn trừ các triền cái, làm cho *Thiền tâm* phát sinh và chúng biểu hiện ra dưới dạng là các *Thiền chi*.

2, *Thiền chi đoạn trừ triền cái*:

Việc đè nén hay chế ngự các triền cái do năng lực của Thiền gọi là *Trấn áp*

đoạn trừ (Vikkhambhanapahāna). Khi nào Thiền chưa bị thối thất thì các triền cái không thể trở dậy được, nhưng một khi triền cái hiển hiện hay trở dậy thì chính lúc đó thiền bị suy thoái.

Các thiền chỉ làm nhiệm vụ đoạn trừ các triền cái như sau:

- Vitakka – Tầm	đoạn trừ	Thīnamiddha – Hôn trầm thụy miên
- Vicāra – Tứ	đoạn trừ	Vicikicchā – Hoài nghi
- Pīti – Phi	đoạn trừ	Byāpāda – Sân hận
- Sukkha – Lạc	đoạn trừ	Uddhaccakukkucca – Trạo hối
- Ekaggatā – Nhất tâm	đoạn trừ	Kāmachanda – Tham dục

III. PHẬN SỰ CỦA CÁC THIỀN CHI

1, Vitakka – Tầm:

Tầm chính là việc nâng tâm đưa đến đối tượng trong lúc thực hành *thiền Chỉ tịnh sắc giới (Rūpajhāna)*. Trước hết hành giả cần có đề mục của thiền Chỉ tịnh, ví dụ *Biển xứ đất (Paṭhavikasiṇa)* chẳng hạn; hành giả để tâm chú mục vào đối tượng này rồi *niệm thâm (parikamma):* “paṭhavī”, “paṭhavī”,... (hoặc “đất”, “đất”,) luôn luôn chú tâm vào đề mục như thế. Hành giả cần cố gắng, đừng để tâm ra khỏi đề mục, suy nghĩ sang chuyện khác. Tại thời điểm mà tâm “rớt” khỏi đối tượng đang chú mục, chính hôn trầm thụy miên là trạng thái co rút, thoái thất, rã rượi sẽ làm tâm mất sự chú ý vào đề mục. Do vậy hành giả cần phải nâng tâm đưa đến đề mục lại lần nữa, chú tâm vào đối tượng, đừng để rời khỏi đối tượng, chính **Tầm** làm nhiệm vụ này và tâm sở Tầm sẽ đoạn trừ được *Hôn thụy triền cái* dưới dạng đè nén, chế ngự lại.

2, Vicāra – Tứ:

Tứ chính là sự nâng đỡ, duy trì tâm trên đối tượng đang chú mục. Khi Tầm làm nhiệm vụ nâng đưa tâm đến với đề mục thì Tứ sẽ nâng đỡ, duy trì, giữ gìn không cho tâm bị rớt khỏi đối tượng. Nếu như tâm có sự phân vân, nghi hoặc phát sinh tại thời điểm đang chú tâm đến đối tượng rằng việc chú mục vào đối tượng có khả năng làm cho thiền khởi sinh hay không, v.v.. thì lúc đó việc giữ cho tâm trú được trên đề mục sẽ bị mất đi. Do vậy hành giả cần thiết phải sử dụng Tứ để giữ cho tâm được an trú trên đề mục nhằm tránh khỏi sự nghi vấn, phân vân ấy. Và chính Tứ làm phận sự đè nén *Hoài nghi triền cái (Vicikicchānivarāṇa)* dưới dạng *Trấn áp đoạn trừ (Vikkhambhanapahāna)*.

3, Pīti – Phi:

Phi là sự phấn chấn, hoan hỷ trong lòng. Khi Tầm nâng tâm đến đối tượng, **Tứ**

duy trì tâm trên đối tượng được rồi, thì sự phấn chấn, no đầy sẽ phát sinh đến với hành giả, đó chính là phỉ lạc của nội tâm. Tại thời điểm tâm đang hoan hỷ, mát mẻ, tràn trề ấy; lòng sân hận, nóng nảy, bực bội sẽ không thể phát sinh lên được. Như vậy Phỉ này có khả năng kiềm chế, trấn áp không cho *Sân hận triển cái* (*Byāpāda-nivaraṇa*) nổi lên.

Phỉ có 5 loại là:

(1), *Khuddakā pīti* – *Tiểu phỉ*: Có sự no đầy, hỷ hoan, phấn chấn nho nhỏ làm cho nổi da gà, dựng đứng lông trên thân thể.

(2), *Khaṇikā pīti* – *Sát-na phỉ*: Có sự no đầy, hỷ hoan, phấn chấn tạm thời như tia chớp sáng, phát sinh nhiều lần theo từng chặp.

(3), *Okkantikā pīti* – *Hải triều phỉ*: Phỉ phát sinh xúc chạm thân thể, có cảm giác lâng lâng rồi biến mất như sóng biển xô bờ.

(4), *Ubbeṇṇā pīti* – *Khinh thăng phỉ*: Phỉ sinh khởi mạnh mẽ hơn lên, có thể làm cho toàn thân bay lên không trung (chuyện thiếu nữ nhà ở gần Girimahāvihāra).

Cả 4 loại Phỉ trên đều đồng sinh với các Đại thiện tâm.

(5), *Pharaṇā pīti* – *Sung mãn phỉ*: Phỉ phát sinh thấm mát, lan tỏa khắp châu thân. Đây là Phỉ sinh ra khi hành giả đắc Thiền sắc giới.

4, Sukha – Lạc:

Lạc là một thiện chi, chính là thọ Hỷ trong tâm (Lạc tâm) hay *Somanassa-vedanā*. Sau khi nâng tâm đến đề mục, duy trì trạng thái chú tâm trên đối tượng đến độ nảy sinh sự phấn chấn, phỉ lạc, nội tâm sẽ cảm thấy an lạc do sự an tịnh, xa rời dao động tức là trạo cử hồi quá. Tại thời điểm cảm thọ niềm an lạc ấy, lạc thọ này sẽ thiêu đốt, tức là chế ngự được *Trạo hối triển cái* (*Uddhaccakukkuccanivaraṇa*) dưới dạng *Trấn áp đoạn trừ* (*Vikkhambhanapahāna*).

Phỉ và Lạc có trạng thái gần giống nhau, nghĩa là Phỉ là sự phấn chấn, hoan hỷ khi gặp đối tượng đáng ưa thích còn Lạc chính là sự thọ nhận, cảm thụ đối tượng ấy.

Phỉ có mặt ở đâu thì Lạc cũng có mặt ở đấy, tuy nhiên nơi nào có mặt Lạc thì nơi ấy có thể không có Phỉ.

Phỉ thuộc về *Hành uẩn* (*Saṅkhārakkhandha*) còn Lạc lại là *Thọ uẩn* (*Vedanākkhandha*).

5, Ekaggatā – Nhất tâm:

Nhất tâm là trạng thái mà tâm chỉ có một đối tượng duy nhất, duy trì trong một

thời gian dài. Lúc đó tâm sẽ ổn cố, an định trên một đối tượng duy nhất là đề mục mà hành giả đang tiến hành Thiền định. Tâm sẽ đạt trạng thái Định (Samādhi), không còn dao động trên các đối tượng khác nhau mà dừng lại, yên tĩnh giống như ngọn lửa đứng yên không còn bị nghiêng ngã qua lại vì gió thổi nữa. Tâm an định này không dao động, phóng tâm tìm kiếm đối tượng theo sự mong cầu nữa, ấy là do năng lực của định hay *Nhất tâm* làm thiêu đốt hay chế ngự phiền não nội tâm là *Tham dục triền cái* (Kāmachandanivarāṇa).

IV. BA LOẠI ĐỊNH

Có tất cả 3 loại Định (Samādhi), đó là:

1, Khaṇikasamādhi – Sát-na định:

Sự an định, ổn cố, đình trụ của tâm trên đối tượng (đề mục) chỉ trong từng thời điểm ngắn gọi là *Sát-na định*. Loại định này thường gặp trong lúc tiến hành tu tiến thiền Minh sát (Vipassanābhāvanā).

2, Upacārasamādhi – Cận hành định:

Sự an định, ổn cố, đình trụ của tâm trên đề mục lúc gần đắc thiền Chỉ tịnh (Samathabhāvanā).

3, Appanāsamādhi – An chỉ định:

Sự an định, ổn cố, đình trụ của tâm trên đối tượng lúc nhập thiền Chỉ tịnh, khiến cho các phiền não bị đè nén không thể sinh khởi được.

Chi pháp của Định (Samādhi) là *Nhất tâm tâm sở* (Ekaggatācetasika).

V. CẤP HẠNG CỦA THIỀN

Theo Tạng Vi Diệu Pháp, thiền Sắc giới được phân thành 5 cấp hạng, gọi là *Jhānapañcakanaya*, như sau:

1, Paṭhamajjhāna – Đệ nhất thiền:

Hạng thiền này có 5 thiền chi là: *Tầm* (Vitakka), *Tứ* (Vicāra), *Phỉ* (Pīti), *Lạc* (Sukha) và *Nhất tâm* (Ekaggatā).

Đệ nhất thiền là thiền phát sinh trước nhất, lần đầu tiên vượt qua khỏi Dục giới. Thiền này phải dựa vào cả 5 thiền chi làm phương tiện thiêu đốt cả 5 Triền cái. Tâm được an định do các Triền cái bị chế ngự lần đầu tiên này gọi là *Đệ nhất thiền thiện tâm* (Paṭhamajjhānakusalacitta). Cả 5 thiền chi đều đồng sinh một lần, tại cùng một

thời điểm và cùng làm nhiệm vụ thiêu đốt hay đè nén các Triền cái, không phải là các thiền chi sinh khởi theo tuần tự mỗi lần một chi và làm nhiệm vụ rời rạc nhau.

2, *Dutiyajjhāna* – *Đệ nhị thiền*:

Hạng thiền này có 4 thiền chi là: *Tứ* (*Vicāra*), *Phi* (*Pīti*), *Lạc* (*Sukha*) và *Nhất tâm* (*Ekaggatā*).

Đệ nhị thiền sinh khởi sau khi *Đệ nhất thiền* đã sinh khởi rồi.

Trong quá trình hành thiền, hành giả muốn *Đệ nhị thiền* khởi sinh thì cần làm cho *Đệ nhất thiền* sinh khởi liên tục, thường xuyên nhằm đào luyện nội tâm có định vững chắc, mạnh mẽ hơn lên, giúp cho hành giả thuần thực, rành rõi trong việc nhập thiền, xuất thiền. Sự rành rõi liên quan đến thiền gọi là *Vasī – Thuần thực*, có 5 loại Thuần thực trong thiền là:

a, *Āvajjanavasī*: Sự thuần thực trong việc quán xét các thiền chi trước khi vào thiền nhằm giúp nhập định được nhanh chóng

b, *Samāpajjanavasī*: Sự thuần thực trong việc nhập định

c, *Adhiṭṭhānavasī*: Sự thuần thực trong việc an trụ trong định

d, *Vuṭṭhānavasī*: Sự thuần thực trong việc xuất định

e, *Paccavekkhanavasī*: Sự thuần thực trong việc suy xét các chi thiền sau khi xuất định

Khi hành giả thuần thực trong *Đệ nhất thiền* với cả 5 loại thuần thực nêu trên rồi, hành giả mới có thể tu tập *Đệ nhị thiền* được.

Lúc đó hành giả chú mục vào *Paṭibhāganimitta – Quang tướng* mà đã từng đạt được trong *Đệ nhất thiền*, không cần phải chú mục vào đề mục Biến xứ nào đó như trước nữa. Do sự thuần thực trong *Đệ nhất thiền* rồi nên hành giả không cần phải dựa vào *Tâm* (*Vitakka*) để đưa tâm đến đối tượng; lại nữa do bởi tâm đã nhập *Đệ nhất thiền* dễ dàng thuần thực rồi nên không bị thối thất, co rút khỏi đối tượng; ngược lại còn gắn chặt tốt vào đề mục do vậy không cần nương nhờ *Tâm* để đè nén *Hôn thụy triền cái*, vì thế Hôn trầm và Thụy miên không có cơ hội trỗi dậy được, do đó *Đệ nhị thiền* chỉ có 4 thiền chi mà thôi, không có thiền chi *Tâm*.

3, *Tatiyajjhāna* – *Đệ tam thiền*:

Hạng thiền này có 3 thiền chi là: *Phi* (*Pīti*), *Lạc* (*Sukha*) và *Nhất tâm* (*Ekaggatā*).

Đệ tam thiền sẽ được hành giả tiến hành tu tập, nếu như đã đắc *Đệ nhị thiền* rồi. Khi đó, hành giả cần phải tinh tấn thường xuyên làm cho *Đệ nhị thiền* khởi sinh

đến độ thuần thực, rành rõi. Người thực hành để đạt đến thiền thứ ba này cần thấy lỗi, hạn chế của *Tứ* (*Vicāra*) rằng nó có trạng thái thô thiển, không bền chắc, dễ suy thoái nên cố gắng từ bỏ *Tứ* nhằm đạt đến *Đệ tam thiền* có trạng thái vi tế hơn, ít thiền chi hơn. Do vậy hành giả chú mục vào *Quang tướng* tu tiến đến độ đắc Tam thiền, chỉ còn lại 3 thiền chi là *Phỉ*, *Lạc* và *Nhất tâm*, loại bỏ được *Tâm*, *Tứ*.

4, *Catutthajjhāna* – Đệ tứ thiền:

Hạng thiền này có 2 thiền chi là: *Lạc* (*Sukha*) và *Nhất tâm* (*Ekaggatā*).

Hành giả nhập xuất Đệ tam thiền đến mức thuần thực, không còn ngăn ngại nữa sẽ cảm thấy chán chường đối với Đệ tam thiền này, đồng thời suy xét thấy rằng *Phỉ* là sự phần chấn, tràn đầy, no đủ của thân tâm phát sinh trong Đệ tam thiền có trạng thái lôi cuốn vào sự dao động, đong đưa của tâm, nên cho rằng trạng thái này còn thô thiển. Bởi vậy hành giả có nguyện vọng sẽ đạt thiền vi tế hơn thế, không nên dính mắc vào *Phỉ* đang còn thô lậu này và hành giả tiếp tục tu tập Đệ tứ thiền bằng cách chú mục vào *Quang tướng* nhằm đoạn trừ *Phỉ* đi, nên lúc Đệ tứ thiền phát sinh thì chỉ còn 2 thiền chi là *Lạc* và *Nhất tâm* mà thôi.

5, *Pañcamajjhāna* – Đệ ngũ thiền:

Hạng thiền này có 2 thiền chi là: *Xả* (*Upekkhā*) và *Nhất tâm* (*Ekaggatā*).

Đây là bậc thiền cuối cùng của thiền Chỉ tịnh Sắc giới. Hành giả đắc Đệ tứ thiền rồi, nếu muốn tu tiếp Đệ ngũ thiền thì phải quán xét đến hạn chế của *Lạc*, thấy rằng *Lạc* đang còn là trạng thái thô thiển hơn *Xả*. Rồi thì hành giả chú mục vào *Quang tướng*, tiến hành thiền định qua các bước đến khi đắc *Pañcamajjhāna* – Đệ ngũ thiền. Ở Đệ ngũ thiền này, *Lạc thọ* (*Sukhavedanā*) được thay bởi *Xả thọ* (*Upekkhāvedanā*) và có thêm thiền chi *Nhất tâm* (*Ekaggatā*).

Ở đây, nên biết rằng *Lạc thọ* (*Sukhavedanā*) trong Đệ tứ thiền chính là sự hỷ lạc nội tâm, tức *Hỷ thọ* (*Somanassavedanā*).

VI. ĐỀ MỤC (ĐỐI TƯỢNG) PHÁT SINH THIỀN

Đối tượng được đem ra làm đề mục để hành giả tu tập thiền Chỉ tịnh cả 5 cấp độ thiền nêu trên đều là các *Chế định pháp* (*Paññattidhamma*). Tức là phải giả định, quy ước một vật gì đó làm đề mục để hành giả chú tâm vào. Khi hành giả sử dụng các đề mục này làm đối tượng tu tiến thì sẽ đạt được các tầng thiền nhất định nào đó từ Đệ nhất đến Đệ ngũ thiền tùy theo loại đề mục được đem ra. Cụ thể như sau:

1, Đệ nhất thiền:

Hành giả tiên tu với 25 đề mục dưới đây có thể chứng đắc Đệ nhất thiên:

a, 10 *Kasiṇa* – *Biến xứ*:

Paṭhavīkaṣiṇa – *Biến xứ đất*
Tejokaṣiṇa – *Biến xứ lửa*
Nīlakaṣiṇa – *Biến xứ màu xanh*
Lohitakaṣiṇa – *Biến xứ màu đỏ*
Ākāśakaṣiṇa – *Biến xứ chân không*

Āpokasiṇa – *Biến xứ nước*
Vāyokaṣiṇa – *Biến xứ gió*
Pītākakaṣiṇa – *Biến xứ màu vàng*
Odātakaṣiṇa – *Biến xứ màu trắng*
Ālokakaṣiṇa – *Biến xứ ánh sáng*

b, 10 *Asubha* – *Bất tịnh*:

Thây phình trương
Thây máu mủ
Thây thú ăn
Thây rã rời
Thây sâu đục

Thây bầm xanh
Thây nứt nẻ
Thây phân lìa
Thây máu chảy
Xương xẩu lung tung

c, *Ānāpānasati* – *Niệm hơi thở*

d, *Kāyagatāsati* – *Niệm thân hành*

e, 3 *Brahmavihāra* – *Phạm trú*:

Mettā – *Tì*

Karuṇā – *Bi*

Muditā – *Tùy hỷ*

2, Đệ nhị thiên, Đệ tam thiên, Đệ tứ thiên:

Hành giả tiên tu với 14 đề mục dưới đây có thể chứng đắc Đệ nhị thiên, Đệ tam thiên, Đệ tứ thiên:

a, 10 *Kasiṇa* – *Biến xứ*

b, *Ānāpānasati* – *Niệm hơi thở*

c, 3 *Brahmavihāra* – *Phạm trú*

3, Đệ ngũ thiên:

Hành giả tiên tu với 12 đề mục dưới đây có thể chứng đắc Đệ ngũ thiên:

a, 10 *Kasiṇa* – *Biến xứ*

b, *Ānāpānasati* – *Niệm hơi thở*

c, *Upekkhābrahmavihāra* – *Xả phạm trú*

VII. PHÂN BIỆT BỐN THIỀN VỚI NĂM THIỀN

Sự phân chia thiền Chỉ tịnh thành 5 cấp độ tùy theo việc đoạn trừ Triền cái gọi là *Jhānapañcakanaya* – *Năm thiền*. Đây là sự phân chia theo Tạng Vi Diệu Pháp

(Abhidhammapiṭaka), đối với hạng hành giả có trí tuệ chậm lụt khó có thể suy xét thấy lỗi của Tâm và Tứ trong cùng một thời điểm nên thiền được phân chia thành 5 loại. Hành giả loại này có tên gọi là *Mandapuggala – Trí tuệ yếu*.

Nhưng theo Tạng Kinh (Suttantapiṭaka) thì chỉ có *Jhānacatutthakanaya – Bốn thiền*; ở đây chỉ cho hạng hành giả có tên là *Tikkhapuggala – Trí tuệ mạnh*, là người có trí tuệ bén nhạy, có khả năng loại bỏ *Tâm* và *Tứ* trong cùng một thời điểm, khi đang tiến hành tu tập Đệ nhị thiền và rồi chứng đắc. Thiền chi chỉ còn 3 chi là *Phỉ*, *Lạc* và *Nhất tâm*.

Do vậy, hành giả có thể *Nhập định (Jhānasamāpatti)* từ đầu đến tận cùng gọi là *Bát định*, bao gồm 4 định Hữu sắc và 4 định Vô sắc.

VIII. CÁC CỖ TRỜI SẮC GIỚI

Hành giả sau khi chứng đắc các bậc thiền Chỉ tịnh, tu tập đến mức thuần thực, tạo thành các Bất động nghiệp, đến khi thân hoại mạng chung sẽ tục sinh vào các cõi trời tương ứng với bậc thiền mà mình đã đạt được.

1, Paṭhamajjhānabhūmi – Cõi Sơ thiền:

Cõi này có 3 tầng trời với tên gọi là:

- *Parisajjā – Phạm Chúng thiên*
- *Purohitā – Phạm Phụ thiên*
- *Mahābrahmā – Đại Phạm thiên*

2, Dutiyajjhānabhūmi – Cõi Nhị thiền:

Cõi này có 3 tầng trời với tên gọi là:

- *Parittābhā – Thiếu Quang thiên*
- *Appamāṇābhā – Vô Lượng Quang thiên*
- *Ābhassarā – Quang Âm thiên*

3, Tatiyajjhānabhūmi – Cõi Tam thiền:

Cõi này có 3 tầng trời với tên gọi là:

- *Parittasubhā – Thiếu Tịnh thiên*
- *Appamāṇasubhā – Vô Lượng Tịnh thiên*
- *Subhakinhā – Biến Tịnh thiên*

4, Catutthajjhānabhūmi – Cõi Tứ thiền:

Cõi này có 7 tầng trời với tên gọi là:

- *Vehappalā* – *Quảng Quả thiên*
- *Asaññasattā* – *Vô Tưởng thiên*
- *Sudhāvāsā* – *Ngũ Tịnh Cư thiên*, có 5 cảnh giới là:
 - *Avihā* – *Vô Phiền thiên*
 - *Atappā* – *Vô Nhiệt thiên*
 - *Sudassā* – *Thiện Hiện thiên*
 - *Sudassī* – *Thiện Kiến thiên*
 - *Akanitṭhā* – *Sắc Cứu Cánh thiên*

Cõi trời *Ngũ Tịnh Cư thiên* gồm 5 cảnh giới này là nơi định cư của các bậc Thánh Bất Lai (Anāgāmi) đã đắc luôn cả Ngũ thiền Sắc giới. Các ngài lưu trú tại 5 cõi trời này tuân tự theo năng lực tu tập các Căn (*Indriya*) của mình từ thấp lên cao là: Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn.

RŪPĀVACARAKUSALACITTA

SẮC GIỚI THIỆN TÂM

***Rūpāvacarakusalacitta* – Sắc giới thiện tâm** là những tâm phát sinh do quá trình tu tập thiền *Chỉ tịnh* (*Samathabhāvanā*). Hành giả cần phải sử dụng đề mục là các pháp *Chế định* (*Paññattidhamma*) như đã nêu ở trên để tiến hành tu tập.

***1, Paṭhamajjhānakusalacittavithi* – Lộ trình đệ nhất thiền thiện tâm:**

Bước đầu hành giả chú tâm vào đề mục, niệm thầm (*parikamma*), tại thời điểm này Tốc hành tâm là các Đại thiện tâm. Hành giả trải qua các trạng thái ở cấp độ *Sơ định* (*parikammasamādhī*) rồi đến *Cận định* (*Upacārasamādhī*). Khi hành giả tiếp tục phát triển tu tập, tăng cường định hơn nữa, vững chắc hơn, vi tế hơn, đến cấp độ *An chỉ định* (*Appanāsamādhī*); lúc này tâm của hành giả sẽ chuyển từ Đại thiện tâm thành *Rūpāvacarakusalacitta* – *Sắc giới thiện tâm*. **Đệ nhất thiền thiện tâm** lần đầu tiên khởi sinh nơi hành giả cùng với 5 thiền chi. Đây là chủng loại Thiện tâm cho quả *Tục sinh* (*Paṭisandhi*) ở các cõi trời Phạm thiên.

bha	= bhavaṅgacitta – hộ kiếp tâm	} mvs°4 = mahāvīpāka ñāṇasampayutta 4
na	= bhavaṅgacalanacitta – hộ kiếp rung động	
da	= bhavaṅguppacchedacitta – hộ kiếp cắt đứt	

ma = manodvārāvajjanacitta – ý môn hướng tâm

par = parikamma – chuẩn bị

upa = upacāra – cận hành

anu = anuloma – thuận thứ

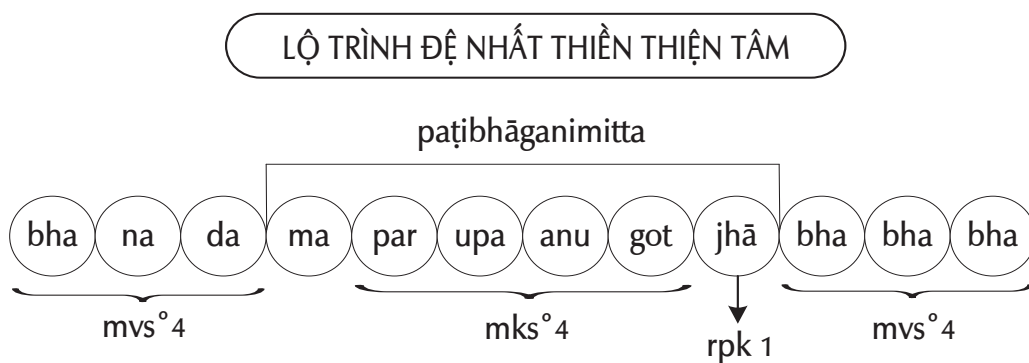
got = gotrabhū – chuyển tánh

mks° 4 = mahākusala

ñāṇasampayutta 4

jhā = jhānacitta – thiền tâm → rpk 1 = 1 rūpāvacarapaṭhamajjhānakusala

Đây là lộ trình tâm phát sinh thiền lần đầu tiên của hành giả tu tập thiền định và được chứng đắc.



2, Liệt kê Sắc giới thiền tâm:

Có tất cả 5 Sắc giới thiền tâm như Đức trưởng lão Anuruddha đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

(1). *Vitakkavicārāpītisukhekaggaṭāsahitaṃ paṭhamajjhānakusala cittaṃ.*

Đệ nhất thiền thiền tâm sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.

(2). *Vicārāpītisukhekaggaṭāsahitaṃ duttiyajjhānakusala cittaṃ.*

Đệ nhị thiền thiền tâm sinh với bốn thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.

(3). *Pītisukhekaggaṭāsahitaṃ tatiyajjhānakusala cittaṃ.*

Đệ tam thiền thiền tâm sinh với ba thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.

(4). *Sukhekaggaṭāsahitaṃ catutthajjhānakusala cittaṃ.*

Đệ tứ thiền thiền tâm sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.

(5). *Upekkhekaggaṭāsahitaṃ pañcamajjhānakusala cittaṃ.*

Đệ ngũ thiền thiền tâm sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

3, Những điều kiện bảo trì ấn tướng (nimitta):

Khi hành giả thấy ấn tướng (nimitta) xuất hiện dưới dạng Quang tướng (*Paṭibhāganimitta*) thì hành giả cần phải giữ gìn, bảo trì đừng để cho biến mất, vì đây là

bước trung chuyển để đắc thiền. Do vậy trong bộ *Visuddhimagga*, Đức trưởng lão *Buddhaghosa* đã dạy hành giả cần dựa vào 7 yếu tố thuận lợi nhằm bảo trì *Quang tướng* như sau:

a, *Āvāsa – Trú xứ*: Là nơi ăn chốn ở, chỗ ở nào làm cho ẩn tướng chưa từng sinh khởi được sinh khởi, nếu ẩn tướng đã sinh khởi rồi sẽ được phát triển hơn lên thì nên trú ngụ chỗ ấy.

b, *Gocara – Làng mạc*: Tại trú xứ ấy, khu làng ấy, việc cơm nước dễ tìm kiếm, không phải đi xa quá hay gần quá.

c, *Bhassa – Lời nói*: Nói năng với những ngôn từ đúng theo Chánh pháp, ví dụ nói chuyện muốn ít, biết đủ v.v...; nghĩa là cần nói vừa phải, không nên nói nhiều và không nói những chuyện ra ngoài giáo pháp.

d, *Puggala – Con người*: Nên thân cận với những người có giới đức, tâm an tịnh và nên tránh xa người nói chuyện vô ích, người có tâm vọng động.

e, *Bhojana – Vật thực*: Thức ăn phải hợp khẩu vị với mình, người nào thích mùi vị gì thì phải nên ăn uống thức ăn có mùi vị mà mình thích.

f, *Utu – Thời tiết*: Khí hậu cũng phải hợp với bản thân hành giả nhằm tạo thuận lợi trong việc hành thiền.

g, *Iriyāpatha – Oai nghi*: Các tư thế đi, đứng, nằm, ngồi phải phù hợp với chính mình. Cần điều chỉnh các Căn (*Indriya*) là Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ điều hòa lẫn nhau và mạnh thêm lên.

4, Không cần tác động và Cần có tác động:

Sắc giới thiện tâm là những tâm *Không cần tác động* (*Asaṅkhārika*) hoặc *Cần có tác động* (*Sasaṅkhārika*) cũng được. Thật vậy:

* Theo bộ Sớ giải *Vibhāvinīṭikā* thì Thiền cần phải có *parikamma*, tức là bước đầu phải *niệm thâm* nằm lòng đề mục liên tục; người muốn hành thiền phải có giới hạnh đầy đủ, cắt bỏ những tế toái, lo âu; cần thận trọng chu đáo với các yếu tố thuận lợi; sức khoẻ phải tốt. Do những nhân trên nên các Thiền tâm được gọi là *Cần có tác động* (*Sasaṅkhārika*).

* Theo các bộ Sớ giải khác Thiền cần có sự quyết tâm trước đã, phải có sự an định cao, cần có nguyện vọng (chanda) tu tập cao, cần có đức tin (saddhā) nơi các thiền, phải có quyết tâm cao độ mới đắc thiền. Bởi thế nên Thiền tâm được gọi là *Không cần tác động* (*Asaṅkhārika*).

RŪPĀVACARAVIPĀKACITTA

SẮC GIỚI QUẢ TÂM

Rūpāvacaravipākacitta – Sắc giới quả tâm là những thiền quả tâm của các Sắc giới thiện tâm. Các **Sắc giới quả tâm** làm phận sự *Tục sinh (Paṭisandhi)*, *Hộ kiếp (Bhavaṅga)* và *Tử (Cutī)* của các vị phạm thiên ở 15 cõi trời Sắc giới trừ cõi trời Vô tướng (Asaññasatta).

Có tất cả 5 **Sắc giới quả tâm** như *Đức trưởng lão Anuruddha* đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

(1), ***Vitakkavicārapīṭṭisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānavipākacittaṃ.***

Đệ nhất thiền quả tâm sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.

(2), ***Vicārapīṭṭisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānavipākacittaṃ.***

Đệ nhị thiền quả tâm sinh với bốn thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.

(3), ***Pīṭṭisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānavipākacittaṃ.***

Đệ tam thiền quả tâm sinh với ba thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.

(4), ***Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānavipākacittaṃ.***

Đệ tứ thiền quả tâm sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.

(5), ***Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānavipākacittaṃ.***

Đệ ngũ thiền quả tâm sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

Sắc giới thiện tâm là nhân làm sinh khởi Sắc giới quả tâm, cho quả tâm sẽ tương ứng trùng với thiện tâm, và đây cũng là quả tục sinh trong các cảnh trời Sắc giới như sau:

THIỆN TÂM	QUẢ TÂM	TỤC SINH TẠI
Đệ nhất thiền thiện tâm	Đệ nhất thiền quả tâm	Cõi trời Sơ thiền
Đệ nhị thiền thiện tâm	Đệ nhị thiền quả tâm	Cõi trời Nhị thiền
Đệ tam thiền thiện tâm	Đệ tam thiền quả tâm	Cõi trời Nhị thiền
Đệ tứ thiền thiện tâm	Đệ tứ thiền quả tâm	Cõi trời Tam thiền
Đệ ngũ thiền thiện tâm	Đệ ngũ thiền quả tâm	Cõi trời Tứ thiền

Nhận xét: Đệ nhị thiền thiện tâm và Đệ tam thiền thiện tâm cùng cho quả tục

sinh trong cõi trời Nhị thiên như nhau bởi vì trạng thái thiên chi của *Tâm* và *Tứ* rất gần nhau và hỗ trợ tương ưng qua lại lẫn nhau. Do thế, khi hành giả bỏ được *Tâm* nhưng chưa bỏ được *Tứ* hoặc đã bỏ được cả hai thì cũng cho quả tục sinh trong cùng một cảnh giới thiên là cõi trời Nhị thiên sắc giới, nhưng quả được nhận sẽ hơn thua nhau là điều đương nhiên.

RŪPĀVACARAKIRIYĀCITTA

SẮC GIỚI DUY TÁC TÂM

Rūpāvacarakiriyācitta – *Sắc giới duy tác tâm* là tâm của các bậc Thánh A-ra-hán đã đắc các bậc thiên Sắc giới. Các tâm này cũng có tính chất tương tự như Sắc giới thiên tâm chỉ khác là phát sinh trong nội tâm của các vị đã đoạn tận lậu hoặc, cắt đứt phiền não. Do vậy *Sắc giới duy tác tâm* cũng có 5 tâm giống Sắc giới thiên tâm, như Đức trưởng lão Anuruddha đã viết trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*:

- (1). *Vitakkavicārāpītisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānakiriyācittaṃ.*

Đệ nhất thiên duy tác tâm sinh với năm thiên chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.

- (2). *Vicārāpītisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānakiriyācittaṃ.*

Đệ nhị thiên duy tác tâm sinh với bốn thiên chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.

- (3). *Pītisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānakiriyācittaṃ.*

Đệ tam thiên duy tác thiên tâm sinh với ba thiên chi là phi, lạc và nhất tâm.

- (4). *Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānakiriyācittaṃ.*

Đệ tứ thiên duy tác tâm sinh với hai thiên chi là lạc và nhất tâm.

- (5). *Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānakiriyācittaṃ.*

Đệ ngũ thiên duy tác tâm sinh với hai thiên chi là xả và nhất tâm

Ghi nhận: Trong việc tu tập thiên định nói chung, khi đạt được thiên thì chi thiên sẽ đoạn trừ dưới dạng đè nén các triền cái tại thời điểm thiên tâm phát sinh. Khi tâm rút khỏi thiên hay thiên tâm bị suy yếu thì các triền cái được cơ hội trỗi dậy. Điều này cho thấy các thiên chi có phận sự chế ngự các triền cái mà thôi. Nhưng đối với bậc Thánh A-ra-hán đã đoạn tận lậu hoặc (khīṇāsava), dứt trừ hết phiền não, không còn các triền cái nữa thì việc các thiên chi phát sinh không phải để diệt trừ hay đè nén các triền cái mà chỉ là một dấu hiệu cho thấy các Ngài đã bỏ được thiên chi thô và đang làm cho phát sinh thiên chi vi tế hơn. Bởi vậy việc hành thiên Chỉ tịnh của các bậc Thánh A-ra-hán thông qua trạng thái của các pháp tương ưng

(sampayuttadhamma), khuynh hướng theo các quy luật của Pháp (Dhammaniyāma) chỉ nhằm để biết rằng các ngài đang ở tầng thiền nào thôi, không phải để đoan trừ phiền não, nếu không thì không thể biết được bậc Thánh A-ra-hán đang ở trạng thái của tâm thiền nào.

15 SẮC GIỚI TÂM SINH KHỞI Ở NHỮNG CẢNH GIỚI NÀO?

(1), 5 Sắc giới thiện tâm sinh khởi trong 22 cảnh giới (bhūmi) là:

- 7 Dục giới lạc cảnh (Kāmasugatibhūmi)
- 15 cõi trời Sắc giới (Rūpabhūmi), trừ cõi trời Vô tướng (Asaññasatta)

(2), 5 Sắc giới quả tâm sinh khởi trong 15 cảnh giới là:

- 15 cõi trời Sắc giới (Rūpabhūmi), trừ cõi trời Vô tướng (Asaññasatta)

(3), 5 Sắc giới duy tác tâm sinh khởi trong 22 cảnh giới là:

- 7 Dục giới lạc cảnh (Kāmasugatibhūmi)
- 15 cõi trời Sắc giới (Rūpabhūmi), trừ cõi trời Vô tướng (Asaññasatta)

* Trong các cõi trời Vô sắc giới (Arūpabhūmi) thì các Sắc giới tâm không thể sinh khởi được vì không có các đề mục thiền cho các tâm này phát sinh.

* Trong Cõi trời Vô tướng (Asaññasattabhūmi), vì không có *Tướng (Saññā)*, nghĩa là không có tâm và tâm sở, cho nên các Thiền tâm cũng không thể phát sinh được. Ngoài ra, trong các Khổ cảnh (Apāyabhūmi), là cảnh giới của các chúng sinh không phải là *người Tam nhân (Tīhetukapuggala)* mà họ chỉ là những *Vô nhân chúng sinh (Ahetukasatta)*, tất cả đều tục sinh với *Bất thiện suy đạt tâm thọ xả (Akusalupekkhā-santīraṇacittam)*. Do vậy, họ không thể đắc thiền được, và cũng vì thế các thiền tâm cũng không phát sinh ở các Khổ cảnh này.



ARŪPĀVACARACITTA

VÔ SẮC GIỚI TÂM

Arūpāvacaracitta – *Vô sắc giới tâm* là tâm sinh khởi do việc tu tập thiền định của những người đã đắc Ngũ thiền sắc giới (Rūpāvacarapañcamajjhāna) rồi, khi họ tiếp tục tu tiến thiền Chỉ tịnh thì sẽ đắc thiền Vô sắc giới. Do vậy *Vô sắc giới thiền tâm* là những tâm lưu chuyển phần nhiều trong các cảnh giới mà đây là nơi phát sinh của *Vật vô sắc* (Vatthārūpa) và *Phiền não vô sắc* (Kilesārūpa). Trong đó:

* *Vật vô sắc*: Bao gồm 12 Vô sắc giới tâm và 30 Tâm sở kết hợp.

* *Phiền não vô sắc*: Bao gồm *Arūpataṇhā* hay sự hài lòng, ưa thích nơi các Thiền vô sắc (Arūpajjhāna) và Cảnh giới vô sắc (Arūpabhava).

Pāli định nghĩa:

* *Arūpassa bhavo'ti = arūpaṃ.*

Cảnh giới nào là nơi sinh của vật vô sắc và phiền não vô sắc, do vậy cảnh giới đó gọi là *vô sắc giới* (arūpabhūmi).

* *Arūpe avacarati'ti = arūpāvacaram.*

Tâm nào phát sinh, lưu chuyển trong cảnh giới là nơi sinh của vật vô sắc và phiền não vô sắc, do vậy tâm đó gọi là *vô sắc giới tâm*.

Gāthasaṅgaha:

ĀLAMBANAPPABHEDENA

CATUTHĀRUPPAMĀNASAM

PUÑÑAPĀKAKRIYĀBHEDĀ

PUNA DVĀDASADHĀṬHITAM

Vô sắc giới tâm phân chia theo đối tượng có 4 loại, còn phân chia theo thiện, quả, duy tác thì có tất cả 12 loại.

Giải thích:

Khi phân chia theo đối tượng, *Vô sắc giới tâm* có 4 loại là:

(1), *Ākāśānañcāyatana* – Không vô biên xứ

(2), *Viññāṇañcāyatana* – Thức vô biên xứ

(3), *Ākiñcaññāyatana* – Vô sở hữu xứ

(4), *Nevasaññānāsaññāyatana* – Phi tướng phi phi tướng xứ

Vô sắc giới tâm cả 4 loại này, khi phân chia theo sinh chủng tức là theo thiện, quả, duy tác thì được:

- Arūpāvacarakusalacitta – Vô sắc giới thiện tâm có 4 tâm
- Arūpāvacaravipākacitta – Vô sắc giới quả tâm có 4 tâm
- Arūpāvacarakriyācitta – Vô sắc giới duy tác tâm có 4 tâm

Tổng cộng Arūpāvacaracitta – Vô sắc giới tâm có 12 tâm.

Cả 12 Vô sắc giới tâm này được tính vào *Đệ ngũ thiền (Pañcamajjhāna)* bởi vì đều có 2 thiền chi là Xả (Upekkhā) và Nhất tâm (Ekaggatā) như nhau và giống như 2 thiền chi của *Đệ ngũ thiền*. Tuy nhiên sự khác nhau giữa các tầng thiền trong Vô sắc giới thiền là khác ở chỗ đối tượng (đề mục) chứ không phải khác nhau về thiền chi như trong các thiền Sắc giới. Cụ thể là:

(1), Không vô biên xứ là *Đệ nhất thiền vô sắc (Paṭhamārūpajjhāna)* lấy hư không vô tận làm đối tượng, thuộc về Chế định pháp.

(2), Thức vô biên xứ là *Đệ nhị thiền vô sắc (Dutiyārūpajjhāna)* lấy Đệ nhất vô sắc thiền tâm (Paṭhamārūpajjhānacitta) làm đối tượng, thuộc về Chân nghĩa pháp.

(3), Vô sở hữu xứ là *Đệ tam thiền vô sắc (Tatiyārūpajjhāna)* lấy vô sở hữu làm đối tượng, thuộc về Chế định pháp.

(4), Phi tướng phi phi tướng xứ là *Đệ tứ thiền vô sắc (Catutthārūpajjhāna)* lấy Đệ tam vô sắc thiền tâm (Tatiyārūpajjhānacitta) làm đối tượng, thuộc về Chân nghĩa pháp.

ĐỐI TƯỢNG CỦA CÁC THIỀN VÔ SẮC

Thiền Vô sắc có 4 loại đối tượng là:

(1), ***Kasiṇugghāṭimākāsapaññatti***: Hành giả chứng đạt và thuần thục trong Đệ ngũ thiền sắc giới rồi, muốn tu tiến hơn nữa thì phải quán xét hạn chế, nguy hại và sự bất cập của thiền Sắc giới và tiếp tục hành thiền. Để vượt qua Sắc tướng (Rūpasāññā), hành giả phải nhập vào Đệ ngũ thiền sắc giới với một trong 9 loại Biến xứ (Kasiṇa) làm đề mục (trừ đề mục Hư không), tiếp đó hành giả xả thiền rồi nắm lấy *Quang tướng (Paṭibhāganimitta)* mở rộng Quang tướng với tác ý “hư không vô tận” bằng cách niệm thầm: “Ākāso ananto – Hư không vô tận” cho đến khi Vô sắc giới

thiền tâm phát sinh. Thiền vô sắc giới này có tên là *Ākāśānañcāyatanajjhāna* – **Không vô biên xứ thiền** có đối tượng là *Kasīṇugghāṭimākāsapaññatti* – *Hư không chế định phát sinh từ biến xứ*.

(2), *Ākāśānañcāyatanajjhānacitta*: Sau khi làm chủ được *Không vô biên xứ thiền* rồi, hành giả thấy thiền này có Sắc thiền (Quang tướng biến xứ) là kẻ thù gần gũi, dễ dàng làm rơi trở lại thiền Sắc giới, không được an tịnh bằng thiền bậc cao hơn nên hành giả lấy *Không vô biên xứ thiền tâm* (*Ākāśānañcāyatanajjhānacitta*) ấy làm đối tượng tu tiến, rồi thấy rằng cái tâm đó hay thức đó cũng vô tận rồi niệm thầm “*Viññāṇam anantaṃ* – Thức vô tận” đến khi chứng đắc tầng thiền Vô sắc thứ nhì gọi là *Viññāṇañcāyatanajjhāna* – **Thức vô biên xứ thiền** có đề mục tu tập là *Ākāśānañcāyatanajjhānacitta* – *Không vô biên xứ thiền tâm*.

(3), *Natthibhāvapaññatti*: Chế định trạng thái không có gì cả làm đối tượng tu tập. Nghĩa là hành giả đã thuần thục trong Đề nhị thiền vô sắc giới, thấy được hạn chế của *Thức vô biên xứ thiền* là vẫn còn thô thiển và rất gần với **Không vô biên xứ thiền**, nếu không nhập thiền *Thức vô biên xứ* thường xuyên thì thiền sẽ bị suy hoại và dễ trở về lại với *Không vô biên xứ thiền* như cũ nên phát sinh sự mong mỏi làm sao cho *Không vô biên xứ* bị diệt tận khỏi nội tâm một cách tuyệt đối không còn gì nữa và hành giả cố gắng làm cho “trạng thái không có gì cả” hiện hữu lên thay bằng cách niệm thầm: “*Natthi kiñci* – Chẳng có gì cả” đến khi thiền tâm khởi sinh, đấy chính là *Ākiñcaññāyatanajjhāna* – **Vô sở hữu xứ thiền** có đề mục là *Natthibhāvapaññatti* – *Chế định trạng thái không*.

(4), *Ākiñcaññāyatanajjhānacitta*: Là đối tượng của Đề tứ thiền vô sắc giới có tên gọi là *Nevasaññānāsaññāyatanajjhāna* – **Phi tướng phi phi tướng xứ thiền**. Hành giả sau khi đắc *Vô sở hữu xứ thiền* rồi, thấy rằng thiền này vẫn còn hạn chế, còn thô thiển vì gần với *Thức vô biên xứ thiền* nên tác ý đến tầng thiền cao hơn, an tịnh hơn. Vị ấy nắm lấy *Vô sở hữu xứ thiền tâm* (*Ākiñcaññāyatanajjhānacitta*) làm đối tượng, quan sát sự tinh tế, tịch tịnh của tâm này bằng cách tạo suy nghĩ rằng *Saññā* – Tướng (ở đây cũng chính là tâm) tuy không có gì cả nhưng nói rằng không có cũng không đúng bởi vì đang có sự cảm nhận; nói rằng không phải không có cũng không đúng bởi vì Tướng này vi tế, tịch tịnh, nhu nhiệm đến độ không biết rằng có cái gì nữa. Từ đó hành giả tu tiến trên đề mục này bằng niệm thầm “*Santametam paṇītametam* – Tịch tịnh nhĩ, vi tế nhĩ” cho đến lúc thiền tâm phát sinh, đó chính là *Phi tướng phi phi tướng xứ thiền*, có đề mục là *Ākiñcaññāyatanajjhānacitta* – *Vô sở hữu xứ thiền tâm*.

ARŪPĀVACARAKUSALACITTA

VÔ SẮC GIỚI THIỀN TÂM

Arūpāvacarakusalacitta – Vô sắc giới thiền tâm là tâm tu tiền thiền Chỉ tịnh Vô sắc giới đạt được các tầng thiền Vô sắc của các cảnh giới *phạm thiên Vô sắc* (*Arūpabrahma*). Có tất cả 4 tâm là:

(1), *Upekkhekaggatāsahitaṃ ākāsaññācāyanakusalacittaṃ.*

Không vô biên xứ thiền thiền tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

(2), *Upekkhekaggatāsahitaṃ viññāṇaññācāyanakusalacittaṃ.*

Thức vô biên xứ thiền thiền tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

(3), *Upekkhekaggatāsahitaṃ ākiñcaññācāyanakusalacittaṃ.*

Vô sở hữu xứ thiền thiền tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

(4), *Upekkhekaggatāsahitaṃ nevaśaṇṇācāyanakusalacittaṃ.*

Phi tướng phi tướng xứ thiền thiền tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

ARŪPĀVACARAVIPĀKACITTA

VÔ SẮC GIỚI QUẢ TÂM

Arūpāvacaravipākacitta – Vô sắc giới quả tâm là tâm quả của *Vô sắc giới thiền tâm*, làm các nhiệm vụ:

- Paṭisandhi – Tục sinh
- Bhavaṅga – Hộ kiếp
- Cuti – Tử

Những vị đắc thiền Vô sắc trong cõi Dục giới sẽ tái sinh vào các cõi trời phạm thiên Vô sắc giới bằng các tâm quả này, có 4 tâm quả Vô sắc là:

(1), *Upekkhekaggatāsahitaṃ ākāsaññācāyanavipākacittaṃ.*

Không vô biên xứ thiền quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

(2), *Upekkhekaggatāsahitaṃ viññāṇaññācāyanavipākacittaṃ.*

Thức vô biên xứ thiền quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

(3), *Upekkhekaggatāsahitaṃ ākiñcaññāyatanavipākacittaṃ*.

Vô sở hữu xứ thiền quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

(4), *Upekkhekaggatāsahitaṃ nevasaññānāsaññāyatanavipākacittaṃ*.

Phi tướng phi phi tướng xứ thiền quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

ARŪPĀVACARAKIRIYĀCITTA

VÔ SẮC GIỚI DUY TÁC TÂM

Arūpāvacarakiriyācitta – *Vô sắc giới quả tâm* là tâm của bậc Thánh A-ra-hán đắc thiền định Vô sắc giới. Các tâm này cũng giống như các *Vô sắc giới thiện tâm* nhưng khác ở chỗ là phát sinh trong nội tâm của các vị A-ra-hán, người thường không thể có được. *Vô sắc giới duy tác tâm* cũng có 4 tâm là:

(1), *Upekkhekaggatāsahitaṃ ākāsaññāyatanakiriyācittaṃ*.

Không vô biên xứ thiền duy tác tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

(2), *Upekkhekaggatāsahitaṃ viññāṇaññāyatanakiriyācittaṃ*.

Thức vô biên xứ thiền duy tác tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

(3), *Upekkhekaggatāsahitaṃ ākiñcaññāyatanakiriyācittaṃ*.

Vô sở hữu xứ thiền duy tác tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

(4), *Upekkhekaggatāsahitaṃ nevasaññānāsaññāyatanakiriyācittaṃ*.

Phi tướng phi phi tướng xứ thiền duy tác tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

I. NGHĨA CỦA CÁC THIỀN VÔ SẮC

1, *Ākāsaññāyatana* – *Không vô biên xứ*

Từ *Ākāsaññāyatana* chiết tự thành: ākāsa + anañca + āyatana

- *ākāsa*: không gian, chỗ trống
- *anañca*: vô tận, vô biên (ananta)
- *āyatana*: xứ, chỗ đứng, lập cước

Không vô biên xứ nghĩa là không gian mà tước bỏ *Quang tướng* đi, không có chỗ tận cùng làm chỗ lập cước của tâm. Giống như một phước xá lớn, chứa đầy châu ngọc, việc tước bỏ *Quang tướng* đi chính là đem châu ngọc ra khỏi phước xá đó, chỉ còn lại khoảng không, tâm sẽ chú mục vào khoảng không đó.

Ở đây, từ *ākāsa* với nghĩa là không gian, hư không, chỗ trống; gồm có 3 loại:

- Paricchedākāsa – Chân không
- Kasinugghāṭimākāsa – Không gian đã tước bỏ biến xứ
- Ajjhokāsa – Không trung

* Trong 3 loại *ākāsa* nêu trên, khoảng không xác định giới hạn của các Sắc khối (Rūpakalāpa), ngăn chia các sắc pháp thành các nhóm sắc, không cho trộn lẫn vào nhau, không dính mắc nhau gọi là *Paricchedākāsa*.

* *Ākāsa* là không gian mà bị tước mất *Biến xứ ấn tướng (Kasiṇanimitta)*, ở đây chính là Quang tướng (Paṭibhāganimitta) gọi là *Kasinugghāṭimākāsa*, dịch là *Không gian bị tước bỏ biến xứ*. Từ “*bị tước bỏ*” nghĩa là bị trống đi do không quan tâm đến *Biến xứ ấn tướng*, mà chỉ để ý đến không gian hay chỗ trống ấy mà thôi dựa trên năng lực của việc niệm thầm: “Không gian vô tận, không gian vô tận” của hành giả đã chứng đắc Đệ ngũ thiền sắc giới với 9 đề mục Biến xứ (trừ đề mục Biến xứ chân không) và có nguyện vọng tiến tu thiền Vô sắc.

* *Ākāsa* là chỗ trống, là khoảng không, là nơi bay lượn của các loài chim, cho đến nơi các vì sao hay quả đất hiện hữu, thậm chí là cả vũ trụ trần thế đang có mặt gọi là *Ajjhokāsa*, dịch là *Không trung*.

Thiền tâm (Kusalacitta) tương ưng với *Không vô biên xứ thiền* này gọi là *Ākāśānañcāyatanakusalacitta – Không vô biên xứ thiền thiền tâm*. Vô sắc giới thiền tâm thứ nhất này sinh khởi do việc hành giả, bậc đã đắc Đệ ngũ thiền sắc giới với đề mục là các Biến xứ, các vị nhận thấy hạn chế của thiền Sắc giới, có nguyện vọng tu tiến thiền Vô sắc để thoát khỏi các thiền Hữu sắc nên đã nhập Đệ ngũ thiền sắc giới với đề mục là một trong 9 Biến xứ (trừ Biến xứ chân không) và sau khi xuất khỏi thiền ấy, không quan tâm đến Biến xứ mà bản thân đã mở rộng khắp cùng theo ý nguyện nữa, hành giả chỉ lưu tâm đến khoảng không mà Biến xứ đang mở rộng khắp cùng thôi; rồi hành giả niệm thầm: “Không gian vô tận, không gian vô tận”. Cách thực hành như vậy gọi là: “Tước bỏ biến xứ” và không gian đó được gọi là *Không gian bị tước bỏ biến xứ (Kasinugghāṭimākāsa)*. Khi đó các Triền cái (Nivaraṇa), tức là các pháp chướng ngại sẽ được chế ngự theo tuần tự; *An chỉ định (Appanāsamādhī)* khởi sinh với đối tượng *Kasinugghāṭimākāsa* này ở thời điểm nào, *Vô sắc giới thiền thiền tâm thứ nhất* với tên gọi là *Ākāśānañcāyatanakusalacittam – Không vô biên xứ thiền thiền tâm* cũng khởi sinh tại thời điểm ấy.

Thiền chi trong *Vô sắc giới thiền thiền tâm thứ nhất* này vẫn là 2 chi: Xả (Upekkhā) và Nhất tâm (Ekaggatā), giống như ở Đệ ngũ thiền sắc giới thiền tâm. Sở dĩ các

chi thiền vẫn giữ như vậy là do việc tu tiến không diễn biến bởi sự nỗ lực để vượt qua các chi thiền theo tuần tự như ở các Sắc giới thiền tâm mà diễn biến với việc thay đổi sự chú tâm và niệm thầm trên đối tượng là đề mục của Sắc giới thành đề mục của Vô sắc giới. Chính do nguyên nhân là cùng có 2 chi thiền nên được quy về *Đệ ngũ thiền thiện tâm* (*Pañcamajjhānakusalacitta*) vậy. Tóm lại, *Đệ ngũ thiền thiện tâm* có 2 phần là: một thuộc về Sắc giới và một thuộc về Vô sắc giới. Ngay cả các Vô sắc giới thiền tâm khác cũng đều là *Đệ ngũ thiền thiện tâm* bởi do có 2 Thiền chi như đã nêu trên...

2, *Viññāṇañcāyatana* – Thức vô biên xứ:

Từ *Viññāṇañcāyatana* chiết tự thành: viññāṇa + anañca + āyatana

- viññāṇa: thức, tâm
- anañca: vô tận, vô biên (ananta)
- āyatana: xứ, chỗ đứng, lập cước

Thức vô biên xứ nghĩa là tâm chú mục vào đối tượng là tâm thức trước đó nhận biết không gian là vô tận. Giống như phước xá trống rỗng đó, giờ đây chư Tăng tập trung hành Tăng sự, tâm chỉ lưu ý đến chư Tăng đang ngồi trong phước xá mà không để ý gì đến kích cỡ, giới hạn của phước xá nữa.

Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhì có được là do hành giả sau khi đã đắc *Không vô biên xứ thiền*, nhận thấy rằng thiền chứng mà mình đã đắc là rất gần với Sắc giới thiền và còn có nhiều hạn chế nên có nguyện vọng tiến tu Vô sắc giới thiền ở bậc cao hơn nên đã nhập vào *Vô sắc giới thiền thứ nhất* rồi xuất khỏi bậc thiền ấy và chú tâm đến *Vô sắc giới thiền tâm* này với sự niệm thầm; “Thức vô tận, thức vô tận”. *An chỉ định* (*Appanāsamādhī*) khởi sinh với đối tượng *Ākāśañcāyatanakusalacitta* này ở thời điểm nào, tại thời điểm ấy *Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhì* với tên gọi là *Viññāṇañcāyatanakusalacitta* – *Thức vô biên xứ thiền thiện tâm* cũng khởi sinh.

3, *Ākiñcaññāyatana* – Vô sở hữu xứ:

Từ *Ākiñcaññāyatana* chiết tự thành: na + kiñcana + āyatana

- na: không, vô
- kiñcana: còn lại, sở hữu, hiện có
- āyatana: xứ, chỗ đứng, lập cước

Vô sở hữu xứ nghĩa là tâm nhận đối tượng là trạng thái không có, diệt mất của Đệ nhất thiền vô sắc. Giống như phước xá lớn mà chư Tăng đang hành Tăng sự đó, giờ đây các vị đã xong phạm sự và trở về chỗ nghỉ rồi, không còn một vị nào nữa; khi

đó đối tượng là sự không có một vị Tăng nào cả và cũng không quan tâm đến giới hạn của phước xá làm gì.

Chính Vô sắc giới thiền tâm thứ nhất là *Không vô biên xứ thiền tâm* được gọi là “*Ākiñcana*” nghĩa là: “Không có gì cả, dù một tí cũng không có”. Cái gọi là một tí gì cũng không có ấy mang tên là: “*Ākiñcañña*”. Ở đây chính là sự không có của *Vô sắc giới thiền tâm thứ nhất*, thuộc về pháp Chế định nên có tên gọi là “*Natthi-bhāvapaññatti* – Chế định sự không có”. *Ākiñcañña* này là chỗ đứng, chỗ lập cước (*āyatana*), tức là đối tượng của thiền nên gộp lại thành *Ākiñcaññāyatana*.

Hành giả thấy được hạn chế của Vô sắc giới thiền tâm thứ nhì rằng có Vô sắc giới thiền tâm thứ nhất là kẻ thù gần gũi nên đã nỗ lực tiến tu nhằm đắc được *Vô sắc giới thiền tâm thứ ba* bằng cách nhập vào *Thức vô biên xứ thiền*; sau đó xuất khỏi bậc thiền này và chú tâm đến sự không có, không hiện hữu của *Vô sắc giới thiền tâm thứ nhất* với sự niệm thầm: “Không có, không có” hoặc: “Rỗng không, rỗng không”. *An chỉ định (Appanāsamādhī)* khởi sinh với đối tượng là sự không có của *Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhất* ở thời điểm nào, *Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ ba* với tên gọi là *Ākiñcaññāyatanakusalacitta* – *Vô sở hữu xứ thiền thiện tâm* cũng khởi sinh tại thời điểm ấy. Do sinh khởi theo thứ tự là thứ ba trong các thiền tâm Vô sắc giới nên có tên là *thiền tâm thứ ba*.

Nên biết rằng, Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhì và Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ ba đều có đối tượng liên quan đến Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhất, chỉ khác biệt nhau ở chỗ là Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhì lấy Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhất làm đối tượng, còn Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ ba lấy sự không có, không hiện hữu của Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhất làm đối tượng.

4, *Nevasaññānāsaññāyatana* – *Phi tướng phi phi tướng xứ*:

Từ *Nevasaññānāsaññāyatana* chiết tự thành:

na + eva + saññā + na + asaññā + āyatana

- *na*: không, vô
- *eva*: chính... ấy
- *saññā*: tưởng, có tưởng
- *asaññā*: phi tưởng, không có tưởng
- *āyatana*: xứ, chỗ đứng, lập cước

Phi tướng phi phi tướng xứ là trạng thái tâm nhận đối tượng rất vi tế đến độ bảo rằng không có tưởng cũng không đúng, không phải không có tưởng cũng không

đúng. Giống như một sa-di lấy dầu thoa bình bát cho khỏi rỉ sét, vị thầy bảo sa-di đem bát tới để đựng thức ăn; vị sa-di thưa rằng bình bát đang có dầu. Sư Thầy lại bảo đem dầu trong bát đến để rót vào cây đèn, vị sa-di thưa lại rằng dầu không có đủ để đổ vào đèn được, chỉ để chống rỉ sét mà thôi. Tâm này cũng như thế, có đối tượng rất vi tế, nhỏ nhiệm khó mà xác nhận là có tướng hay không có tướng.

Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ tư này có được là do hành giả nhận thấy *Vô sở hữu xứ thiền* mà mình đã chứng đắc còn nhiều hạn chế và có kẻ thù lân cận là Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhì nên đã nỗ lực tu tiến nhằm đạt đến bậc thiền Vô sắc giới cao hơn. Bởi vậy, hành giả nhập vào Vô sắc giới thiền thứ ba rồi xuất khỏi bậc thiền ấy, nhận Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ ba này làm đối tượng và niệm thầm thường xuyên: “Tâm này yên tịnh, tâm này yên tịnh”. *An chỉ định (Appanāsamādhī)* khởi sinh với đối tượng là Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ ba ở thời điểm nào, tại thời điểm ấy *Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ ba* với tên gọi là *Nevasaññānāsaññāyatana-kusalacitta* – *Phi tướng phi phi tướng xứ thiền thiện tâm* cũng khởi sinh. Vô sắc giới thiền thiện tâm này là tâm có Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ ba làm đối tượng nên được tính là *thiền tâm thứ tư*, do sinh khởi theo thứ tự là tâm thứ tư.

Kết luận:

Vô sắc giới thiền thiện tâm có 4 tâm với sự khác biệt nhau về đối tượng cần phải **vượt qua** và với sự khác biệt nhau về đối tượng cần phải **nắm bắt**. Cụ thể là:

(1), Vô sắc giới thiền thiện tâm đầu tiên gọi là *Không vô biên xứ thiền thiện tâm* là tâm cần phải vượt qua đối tượng là *Biển xứ ấn tướng (Kasiṇanimitta)* – là đối tượng của *Đệ ngũ thiền sắc giới*. Và nắm bắt không gian bị tước bỏ biển xứ có tên là *Kasiṇugghāṭimākāsa* làm đối tượng.

(2), Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhì gọi là *Thức vô biên xứ thiền thiện tâm* là tâm cần phải vượt qua đối tượng là *Kasiṇugghāṭimākāsa* ấy, và nắm bắt Vô sắc giới thiền thiện tâm đầu tiên làm đối tượng.

(3), Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ ba gọi là *Vô sở hữu xứ thiền thiện tâm* là tâm cần phải vượt qua đối tượng là Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhất, rồi nắm bắt sự không có của Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ nhất ấy, được gọi là *Natthibhāvapaññatti* làm đối tượng.

(4), Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ tư gọi là *Phi tướng phi phi tướng xứ thiền thiện tâm* là tâm cần phải vượt qua đối tượng là *Natthibhāvapaññatti* nêu trên, và nắm bắt Vô sắc giới thiền thiện tâm thứ ba làm đối tượng.

II. NƠI SINH KHỞI CỦA VÔ SẮC GIỚI TÂM

1, 4 Arūpāvacarakusalacitta – Vô sắc giới thiện tâm

4 Vô sắc giới thiện tâm sinh khởi trong 26 cõi, đó là:

- 7 Dục giới lạc cảnh (Kāmasugatibhūmi)
- 15 Sắc giới phạm thiên (Rūpabhūmi) (trừ Asaññasattabhūmi - Vô tưởng thiên)
- 4 Vô sắc giới phạm thiên (Arūpabhūmi) (trừ tầng thiền thấp hơn)

2, 4 Arūpāvacaravipākacitta – Vô sắc giới quả tâm

4 Vô sắc giới quả tâm sinh khởi trong 4 cõi, đó là:

- 4 Vô sắc giới phạm thiên (Arūpabhūmi) (chỉ trong cõi của mình)

3, 4 Arūpāvacarakiriyācitta – Vô sắc giới duy tác tâm

4 Vô sắc giới duy tác tâm sinh khởi trong 26 cõi, đó là:

- 7 Dục giới lạc cảnh (Kāmasugatibhūmi)
- 15 Sắc giới phạm thiên (Rūpabhūmi) (trừ Asaññasattabhūmi - Vô tưởng thiên)
- 4 Vô sắc giới phạm thiên (Arūpabhūmi) (trừ tầng thiền thấp hơn)



LOKUTTARACITTA SIÊU THỂ TÂM

Lokuttaracitta – Siêu thể tâm là tâm siêu thể gian, vượt khỏi thể gian, là tâm có đối tượng vượt ra ngoài trạng thái pháp hiện hữu trên thể gian, nói khác đi là tâm có thể nhận đối tượng đặc biệt, ấy là *Nibbāna – Niết-bàn*. Có tất cả 8 hay 40 tâm nhận *Niết-bàn* làm đối tượng một cách chắc chắn, nên được gọi là *Siêu thể tâm*.

Từ *Lokuttaracitta* chiết tự thành: *loka + uttara + citta*

- *loka*: thể gian, thể giới, bao gồm cả Tam giới là: *Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới*. Ngoài ra *loka* còn mang nghĩa khác là cái phải hoại diệt, biến mất là điều thông thường.

- *uttara*: trên, siêu, vượt khỏi, vượt ra, ...

Vậy *Siêu thể tâm* là tâm vượt khỏi Tam giới, không còn lưu chuyển trong Tam giới; cũng có nghĩa là tâm này có đối tượng vượt ra khỏi thể gian, tức là tâm này lấy *Niết-bàn* làm đối tượng. *Niết-bàn* là pháp siêu thể, vượt ngoài thể gian.

Siêu thể tâm có đối tượng thoát khỏi sự sinh diệt (*Niết-bàn*) không có nghĩa là tâm này không sinh diệt. Tâm siêu thể vẫn có sự sinh diệt theo đúng bản chất của nó, tuy nhiên nó nhận đối tượng là một pháp không sinh diệt, thoát khỏi sự sinh diệt. Đối tượng này chính là *Niết-bàn*, là pháp không bị sinh diệt, không bị hủy hoại, không bị biến đổi, là pháp không bị tác động, không bị quy định, không bị tạo tác, v.v... là *Asaṅkhatadhamma – Pháp Vô vi*.

Thông thường, vạn pháp trên thể gian này đều bị tác động, bị tạo tác, phải sinh diệt, v.v... Nhưng *Niết-bàn* thì không như thế, *Niết-bàn* là một pháp siêu thể, không bị tạo tác bởi 4 yếu tố là: *kamma – nghiệp, citta – tâm, utu – thời tiết và āhāra – vật thực*.

Gāthāsaṅgaha:

CATUMAGGAPPABHEDENA
PĀKANTASSA PHALATTĀTI

CATUDHĀ KUSALANTATHĀ
AṬṬHADHĀNUTTARAMA MATAMA.

Nói gọn lại, tâm siêu thế có 8 tâm, phân chia theo bốn đạo thì có 4 thiện tâm, cũng vậy các tâm dị thực là quả của các tâm trên.

Như vậy, 8 *Siêu thế tâm* này chia làm 2 sinh chủng là:

(1). *Kusalajāti – Thiện chủng*: Gọi là *Lokuttarakusalacitta – Siêu thế thiện tâm* hay *Maggacitta – Đạo tâm*, gồm có 4 tâm. Các tâm này được gọi tên theo tên của thiện khởi sinh tại sát-na tâm đó, vì là tâm đồng sinh với các *Ariyamagga – Thánh đạo*.

(2). *Vipākajāti – Quả chủng*: Gọi là *Lokuttaravipākacitta – Siêu thế quả tâm* hay *Phalacitta – Quả tâm*, gồm có 4 tâm. Các tâm này được gọi tên như vậy vì chúng là quả của các *Siêu thế thiện tâm*.

Siêu thế tâm chỉ có *Siêu thế thiện tâm* và *Siêu thế quả tâm* mà không có *Siêu thế duy tác tâm*. Nếu như có *Siêu thế duy tác tâm* thì có nghĩa rằng các tâm này chính là *Siêu thế thiện tâm* nhưng sinh khởi nơi nội tâm của bậc Thánh A-ra-hán; giống như Đại thiện tâm hoặc Đại hành thiện tâm sinh khởi nơi nội tâm của bậc Thánh A-ra-hán thì gọi là Đại duy tác tâm hay Đại hành duy tác tâm. Và các loại tâm này sẽ sinh khởi thường xuyên trong nội tâm của bậc Thánh A-ra-hán.

Tuy nhiên, với các *Đạo tâm* thì mỗi *Đạo tâm* chỉ khởi sinh một lần mà thôi, tức là Nhập Lưu *Đạo tâm* (Sotāpattimaggacitta), Nhất Lai *Đạo tâm* (Sakadāgāmi-maggacitta), Bất Lai *Đạo tâm* (Anāgāmi-maggacitta) chí đến A-ra-hán *Đạo tâm* (Arahantamaggacitta) sinh khởi mỗi *Đạo tâm* một lần mà thôi. Bởi vì các *Đạo tâm* mỗi lần sinh khởi đều có phận sự đoạn trừ tuyệt đối các *Phiền não ngủ ngầm* (*Anusayakilesa*) trong nội tâm, đến khi đắc *Đạo Quả* A-ra-hán thì không còn phiền não nào nữa để đoạn trừ, cho nên không cần phải có *Đạo tâm* sinh khởi để đoạn trừ phiền não nữa, do đó không cần phải có *Siêu thế duy tác tâm* là vậy.

Lokuttaradhamma – Pháp siêu thế gồm có 9 Pháp là:

- 4 *Maggacitta – Đạo tâm*
- 4 *Phalacitta – Quả tâm*
- *Nibbāna – Niết-bàn*

Trong đó, 8 *Siêu thế tâm* mặc dầu là Pháp Siêu thế nhưng vẫn thuộc về Pháp Hữu vi (Saṅkhatadhamma), vẫn bị các yếu tố là nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực tạo tác. Chỉ có Niết-bàn mới là Pháp Vô vi (Asaṅkhatadhamma), không bị các yếu tố trên tạo tác mà thôi.

MAGGACITTA

ĐẠO TÂM

Các Thiện pháp lưu hành trong Tam giới gọi là *Hiệp thế thiện* (*Lokiyakusala*) này luôn tạo nên *tử* (*cuti*) và *tục sinh* (*paṭisandhi*) trong vòng *luân hồi* (*vaṭṭa*) không ngừng nghỉ. Do vậy, *Hiệp thế thiện* lưu hành trong Tam giới được gọi là *Ācayagāminī* – *Tích tập pháp* hoặc *Vaṭṭagāminīkusala* – *Lưu chuyển thiện pháp*. Còn các *Siêu thế thiện* thì ngược lại, luôn đập tan, phá bỏ *tử* và *tục sinh* do các *Hiệp thế thiện* tạo tác ra bằng cách phá bỏ các pháp duyên sinh, cho nên có tên gọi là *Apacayagāminī* – *Phi tích tập pháp* hoặc *Vivaṭṭagāminīkusala* – *Phi lưu chuyển thiện pháp*.

Siêu thế thiện tâm hay **Maggacitta** – **Đạo tâm** có 4 tâm là:

- *Sotāpattimaggacitta* – *Nhập Lưu Đạo tâm*, là Đạo tâm thứ nhất
- *Sakadāgāminimaggacitta* – *Nhất Lai Đạo tâm*, là Đạo tâm thứ nhì
- *Anāgāminimaggacitta* – *Bất Lai Đạo tâm*, là Đạo tâm thứ ba
- *Arahantamaggacitta* – *A-ra-hán Đạo tâm*, là Đạo tâm thứ tư

I. LIỆT KÊ CÁC ĐẠO TÂM

1, Nhập Lưu Đạo tâm:

Từ *Sotāpattimaggacitta* chiết tự thành: *sota + āpatti + magga + citta*

- *sota*: dòng nước, lưu chảy, Thánh đạo như dòng nước
- *āpatti*: đạt đến, vào tới Thánh đạo lần đầu
- *magga*: đạo lộ, con đường, Thánh đạo tám ngành
- *citta*: tâm, tâm kết hợp với Bát chánh đạo

Kết hợp lại thì *Sotāpattimaggacitta* có nghĩa là tâm kết hợp với các *Thánh đạo chi* (*Bát chánh đạo*), có trạng thái giống như dòng nước chảy vào Thánh đạo hay đạt đạo Niết-bàn lần đầu tiên.

Một khi *Nhập Lưu Đạo tâm* phát sinh thì sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

a, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Người Nhập Lưu Đạo* hay *Nhập Lưu Đạo Thánh nhân* (*Sotāpattimaggapuggala*).

b, *Nhập Lưu Đạo tâm* sinh khởi với người nào thì người đó thoát khỏi *Bốn đọa xứ* (*Apāyabhūmi* – *Bốn cảnh khổ*).

c, *Nhập Lưu Đạo tâm* sinh khởi cùng với sự đoạn tận 5 Bất thiện tâm, làm cho các Bất thiện tâm này không sinh ra nữa trong tương lai đó là:

- 4 Tham căn tâm hợp với tà kiến (Lobhamūlacittaditṭhigatasampayutta)
- 1 Si căn tâm hợp với hoài nghi (Mohamūlacittavicikicchāsampayutta)

Nhập Lưu Đạo tâm dưới dạng đầy đủ có cả thảy 5 tâm là:

1. ***Vitakkavicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānasotāpattimaggacittaṃ.***
Đệ nhất thiền nhập lưu đạo tâm sinh với 5 thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.
2. ***Vicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānasotāpattimaggacittaṃ.***
Đệ nhị thiền nhập lưu đạo tâm sinh với 4 thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.
3. ***Pīṭisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānasotāpattimaggacittaṃ.***
Đệ tam thiền nhập lưu đạo tâm sinh với 3 thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.
4. ***Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānasotāpattimaggacittaṃ.***
Đệ tứ thiền nhập lưu đạo tâm sinh với 2 thiền chi là lạc và nhất tâm.
5. ***Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānasotāpattimaggacittaṃ.***
Đệ ngũ thiền nhập lưu đạo tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

2, **Nhất Lai Đạo tâm:**

Từ *Sakadāgāṃimaggacitta* chiết tự thành: *sakiṃ + āgāmi + magga + citta*

- *sakiṃ*: một lần
- *āgāmi*: trở lại
- *magga*: đạo lộ, con đường, Thánh đạo tám ngành
- *citta*: tâm, tâm kết hợp với Bát chánh đạo

Sakadāgāṃimaggacitta là tâm trở lại tục sinh (paṭisandhi) trong thế giới loài người chỉ một lần nữa mà thôi nên gọi là *Sakadāgāmi*. Như trong bộ *Visuddhimagga Mahāṭīkā* ghi lại:

* ***Sakiṃ ekavāraṃ paṭisandhivasena imaṃ manussalokaṃ āgacchatī'ti = sakadāgāmi.***

Bậc thánh phần nhiều trở lại tục sinh trên thế giới loài người một lần nữa thôi gọi là thánh nhất lai (sakadāgāmi).

* ***Tassa maggo = sakadāgāṃimaggo.***

Con đường thực hành của bậc thánh nhất lai ấy gọi là nhất lai đạo.

* ***Tena sampayuttaṃ cittaṃ = sakadāgāṃimaggacittaṃ.***

Tâm kết hợp với các chi pháp của nhất lai đạo ấy gọi là nhất lai đạo tâm.

Một khi *Nhất Lai Đạo tâm* phát sinh thì tâm này sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

a, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Người Nhất Lai Đạo* hay *Nhất Lai Đạo Thánh nhân* (*Sakadāgāmiṃmagga*).

b, *Nhất Lai Đạo tâm* khởi sinh cùng với việc đoạn tận các phiền não còn lại mà *Nhập Lưu Đạo tâm* đã đoạn tận, sự đoạn tận này mang tính chất làm *giảm nhẹ các phiền não còn lại* xuống, được gọi là *Tanukarapahāna*.

Nhất Lai Đạo tâm dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1. *Vitakkavicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānasakadāgāmiṃmagga*.
Đệ nhất thiền nhất lai đạo tâm sinh với 5 thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.
2. *Vicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānasakadāgāmiṃmagga*.
Đệ nhị thiền nhất lai đạo tâm sinh với 4 thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.
3. *Pīṭisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānasakadāgāmiṃmagga*.
Đệ tam thiền nhất lai đạo tâm sinh với 3 thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.
4. *Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānasakadāgāmiṃmagga*.
Đệ tứ thiền nhất lai đạo tâm sinh với 2 thiền chi là lạc và nhất tâm.
5. *Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānasakadāgāmiṃmagga*.
Đệ ngũ thiền nhất lai đạo tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

3, *Bất Lai Đạo tâm*:

Từ *Anāgāmiṃmagga* chiết tự thành: *na + āgāmi + magga + citta*

- *na*: không
- *āgāmi*: trở lại
- *magga*: đạo lộ, con đường, Thánh đạo tám ngành
- *citta*: tâm, tâm kết hợp với Bát chánh đạo.

Anāgāmiṃmagga là tâm đạt đến đạo lộ mà không còn quay trở lại tái sinh trong cõi Dục giới nữa. Như Pāli định nghĩa:

* *Paṭisandhivasena imaṃ kāmedhātum na āgacchaṭṭi = anāgāmī*.

Bậc thánh không tái sinh trong dục giới nữa gọi là thánh bất lai (anāgāmī).

* *Tassa maggo = anāgāmiṃmaggo*.

Con đường thực hành của bậc thánh bất lai ấy gọi là bất lai đạo.

* *Tena sampayuttaṃ cittaṃ = anāgāmiṃmagga*.

Tâm kết hợp với các chi pháp của bất lai đạo ấy gọi là bất lai đạo tâm.

Một khi *Bất Lai Đạo tâm* phát sinh thì tâm này sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

a, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Người Bất Lai Đạo* hay *Bất Lai Đạo Thánh nhân* (*Anāgāmmaggapuggala*).

b, *Bất Lai Đạo tâm* khởi sinh sẽ thoát khỏi cảnh tái sinh trong Dục giới và sẽ chắc chắn tái sinh trong Phạm thiên giới.

c, *Bất Lai Đạo tâm* phát sinh nhằm đoạn trừ tuyệt đối *Dục ái* (*Kāmarāga*) và *Sân hận* (*Byāpāda*).

Bất Lai Đạo tâm dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1. *Vitakkavicārāpītisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānānāgāmmaggacittaṃ*.
Đệ nhất thiền bất lai đạo tâm sinh với 5 thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.
2. *Vicārāpītisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānānāgāmmaggacittaṃ*.
Đệ nhị thiền bất lai đạo tâm sinh với 4 thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.
3. *Pītisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānānāgāmmaggacittaṃ*.
Đệ tam thiền bất lai đạo tâm sinh với 3 thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.
4. *Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānānāgāmmaggacittaṃ*.
Đệ tứ thiền bất lai đạo tâm sinh với 2 thiền chi là lạc và nhất tâm.
5. *Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānānāgāmmaggacittaṃ*.
Đệ ngũ thiền bất lai đạo tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

4, *A-ra-hán Đạo tâm*:

Từ *Arahattamaggacitta* chiết tự thành: *arahatta + magga + citta*

- *arahatta*: bậc đáng cúng dường cao thượng, đáng kính lễ
- *magga*: đạo lộ, con đường, Thánh đạo tám ngành
- *citta*: tâm, tâm kết hợp với Bất chánh đạo.

Arahattamaggacitta là tâm của bậc Thánh đáng tôn kính, đáng cúng dường, bậc đã thoát khỏi tử sinh luân hồi. Pāli định nghĩa như sau:

* *Aggadakkhineyyabhāvena pūjāvisesaṃ arahatī'ti = arahā*.

Bậc xứng đáng để cho chư thiên và nhân loại kính lễ bởi vì là bậc đáng cúng dường tối thắng gọi là a-ra-hán.

* *Tassa bhāvo arahattaṃ, catutthaphalassasetam adhivacanam*.

Bậc đáng cúng dường, kính lễ tối thắng ấy gọi là bậc thánh a-ra-hán, tức bậc đã đắc quả thánh thứ tư.

* *Tassa āgamanabhūto maggo arahattamaggo.*

Đạo lộ dẫn đến quả thánh ấy gọi là a-ra-hán đạo.

* *Tena sampayuttam cittaṃ = arahattamaggacittaṃ.*

Tâm kết hợp với các chi pháp của a-ra-hán đạo ấy gọi là a-ra-hán thánh đạo tâm.

Một khi *A-ra-hán Đạo tâm* phát sinh thì tâm này sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

a, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Người A-ra-hán Đạo* hay *A-ra-hán Đạo Thánh nhân* (*Arahattamaggapuggala*).

b, *A-ra-hán Đạo tâm* là tâm đang vượt khỏi Tam giới.

c, *A-ra-hán Đạo tâm* là tâm đang đoạn tận tuyệt đối các phiền não. Nếu nói theo tâm thì đó chính là sự đoạn tận các Bất thiện tâm còn lại mà các Đạo tâm trước đó chưa đoạn tận được.

- 4 Tham căn tâm không hợp với tà kiến (*Lobhamūlacittaditṭhigatavippayutta*)

- 1 Si căn tâm hợp với phóng tâm (*Mohamūlacittauddhaccasampayutta*)

A-ra-hán Đạo tâm dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1. *Vitakkavicārāpītisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānārahattamaggacittaṃ.*

Đệ nhất thiền a-ra-hán đạo tâm sinh với 5 thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.

2. *Vicārāpītisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānārahattamaggacittaṃ.*

Đệ nhị thiền a-ra-hán đạo tâm sinh với 4 thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.

3. *Pītisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānārahattamaggacittaṃ.*

Đệ tam thiền a-ra-hán đạo tâm sinh với 3 thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.

4. *Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānārahattamaggacittaṃ.*

Đệ tứ thiền a-ra-hán đạo tâm sinh với 2 thiền chi là lạc và nhất tâm.

5. *Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānārahattamaggacittaṃ.*

Đệ ngũ thiền a-ra-hán đạo tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

II. Ý NGHĨA CỦA CÁC ĐẠO TÂM

Maggacitta – *Đạo tâm* hay còn gọi là *Siêu thế thiện tâm*, mang nhiều ý nghĩa như sau:

1, *Siêu thế thiện tâm là Thiện pháp giúp vượt thoát khỏi Tam giới:*

- Nhập Lưu Đạo tâm cùng với Nhất Lai Đạo tâm làm cho vượt khỏi 4 *Cảnh khổ* (*Apāyabhūmi*) trong Dục giới (*Kāmaabhūmi*).

- Bất Lai Đạo tâm giúp vượt thoát khỏi 11 cõi Dục giới.
- A-ra-hán Đạo tâm giúp vượt thoát khỏi cả Tam giới.

2, Siêu thế thiện tâm là Thiện pháp giúp cho phàm phu trở thành bậc Thánh nhân:

- Nhập Lưu Đạo tâm làm cho phàm phu trở thành Nhập Lưu Đạo Thánh nhân (Sotāpattimagga-puggala).
- Nhất Lai Đạo tâm làm cho phàm phu trở thành Nhất Lai Đạo Thánh nhân (Sakadāgāmi-magga-puggala).
- Bất Lai Đạo tâm làm cho phàm phu trở thành Bất Lai Đạo Thánh nhân (Anāgāmi-magga-puggala).
- A-ra-hán Đạo tâm làm cho phàm phu trở thành A-ra-hán Đạo Thánh nhân (Arahantamagga-puggala).

3, Siêu thế thiện tâm là tâm nhận đối tượng siêu thế là Niết-bàn:

Niết-bàn là Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya) của 4 Đạo tâm. Hay nói khác đi, 4 Siêu thế thiện tâm này sinh khởi do năng lực của Niết-bàn làm đối tượng, vì Niết-bàn là pháp Siêu thế nên cả 4 Đạo tâm này được gọi là Siêu thế thiện tâm.

4, Siêu thế thiện tâm là tâm có năng lực vượt trội các Hiệp thế thiện tâm:

Hiệp thế thiện tâm (Lokiyakusalacitta) là những tâm thiện nhưng không có khả năng đoạn trừ các pháp bất thiện mà chỉ có các Siêu thế thiện tâm mới diệt tận các pháp bất thiện và đoạn trừ tuyệt đối các phiền não như đã nêu trên.

III. TÍNH CHẤT CỦA VIỆC ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO

Kilesa – Phiền não là pháp phiền muộn, não hại, nóng nực, khi phân chia theo trạng thái biểu hiện sẽ có 3 loại phiền não là:

1, Vitikkamakilesa – Phiền não hạng thô:

Đây là loại phiền não nặng nề, thô tháp, biểu hiện ra bên ngoài thông qua Thân môn và Khẩu môn. Đây là những ác hạnh, tạo nên các ác nghiệp (ducaritakamma). Phiền não loại này có thể đoạn trừ được bằng *sīla – giới*, là sự đoạn trừ tạm thời tại thời điểm đang giữ giới hạnh nghiêm túc. Sự đoạn trừ phiền não tạm thời này gọi là *Tadaṅgapahāna – Nhất thời đoạn trừ*.

2, Pariyutṭhānakilesa – Phiền não hạng trung:

Hạng phiền não này phát sinh tại Ý môn, không biểu lộ ra ngoài qua thân và

khẩu. Phiền não loại này được đoạn trừ bằng *samādhi* – định trong khoảng thời gian mà năng lực của thiền chưa bị suy thoái nên gọi là *Vikkhambhanapahāna* – Trấn áp đoạn trừ.

3, *Anusayakilesa* – Phiền não vi tế:

Loại phiền não này nhỏ nhiệm, vi tế, ngủ ngầm trong nội tâm của chúng sinh mà không một ai có thể thấy biết được ngoại trừ Đức Chánh Đẳng Giác. Phiền não vi tế loại này chỉ được đoạn trừ bằng *paññā* – tuệ trong các Đạo tâm mà thôi, và chính các Đạo tâm này mới có khả năng đoạn tận, diệt trừ tuyệt đối các phiền não ngủ ngầm, không còn mầm mống để phát sinh lại nữa, nên cách đoạn tận này gọi là *Samucchadapahāna* – Tuyệt diệt đoạn trừ.

Nói tóm lại:

– Phiền não hạng thô được đoạn trừ bằng *Đại thiện tâm* liên quan đến giới, gọi là *Nhất thời đoạn trừ*.

– Phiền não hạng trung được đoạn trừ bằng *Đại hành thiện tâm* liên quan đến định, gọi là *Trấn áp đoạn trừ*.

– Phiền não vi tế được đoạn trừ bằng *Đạo tâm* liên quan đến tuệ gọi là *Tuyệt diệt đoạn trừ*.

IV. ĐẠO TÂM ĐOẠN TẬN CÁC BẤT THIỆN PHÁP

Bất thiện pháp có rất nhiều dạng, tùy theo sự phân chia của Tạng Kinh hay Tạng Vi Diệu Pháp. Ở đây, chúng ta sẽ nói đến sự đoạn tận các Bất thiện pháp theo từng Đạo tâm và chỉ xét đến các Bất thiện pháp là các *Samyojana* – Kiết sử mà thôi.

Kiết sử hay còn gọi là *Thăng thúc* là 10 sợi dây trói buộc chúng sinh vào vòng sinh tử luân hồi. Theo Tạng Kinh thì 10 sợi dây hay kiết sử đó là:

- (1), *Ditṭhisamyojana* – Tà kiến kiết sử
- (2), *Vicikicchāsamyojana* – Hoài nghi kiết sử
- (3), *Sīlabbataparāmāsasamyojana* – Giới cầm thủ kiết sử
- (4), *Kāmarāgasamyojana* – Dục ái kiết sử
- (5), *Paṭighasamyojana* – Sân kiết sử
- (6), *Rūparāgasamyojana* – Sắc ái kiết sử
- (7), *Arūparāgasamyojana* – Vô sắc ái kiết sử
- (8), *Mānasamyojana* – Mạn kiết sử
- (9), *Uddhaccasamyojana* – Phóng tâm kiết sử
- (10), *Avijjāsamyojana* – Vô minh kiết sử

Theo Tạng Vi Diệu Pháp thì 10 sợi dây trói buộc là:

- (1), *Diṭṭhisamyojana* – Tà kiến kiết sử
- (2), *Vicikicchāsamyojana* – Hoài nghi kiết sử
- (3), *Issāsamyojana* – Ganh tị kiết sử
- (4), *Macchariyasamyojana* – Bỏn xẻn kiết sử
- (5), *Sīlabbataparāmāsasamyojana* – Giới cấm thủ kiết sử
- (6), *Kāmarāgasamyojana* – Dục ái kiết sử
- (7), *Paṭighasamyojana* – Sân kiết sử
- (8), *Bhavarāgasamyojana* – Hữu ái kiết sử
- (9), *Mānasamyojana* – Mạn kiết sử
- (10), *Avijjāsamyojana* – Vô minh kiết sử

Trong đó:

– **Nhập Lưu Đạo tâm** đoạn trừ tuyệt đối các kiết sử 1, 2 và 3 theo Tạng Kinh, còn theo Tạng Vi Diệu Pháp là các kiết sử 1, 2, 3, 4, và 5.

– **Nhất Lai Đạo tâm** đoạn trừ tuyệt đối các kiết sử như của **Nhập Lưu Đạo tâm** đã đoạn tận và làm suy giảm đi các Bất thiện pháp còn lại.

– **Bất Lai Đạo tâm** đoạn trừ tuyệt đối các kiết sử thứ 4 và 5 theo Tạng Kinh hay thứ 6 và 7 theo Tạng Vi Diệu Pháp.

– **A-ra-hán Đạo tâm** đoạn trừ tuyệt đối các kiết sử còn lại mà các Đạo tâm trên chưa đoạn tận được.

V. SỰ ĐOẠN TẬN BẤT THIỆN NGHIỆP ĐẠO THEO TUẦN TỰ CỦA ĐẠO TÂM

Sát sinh	}	Nhập Lưu Đạo tâm đoạn trừ tuyệt đối
Trộm cắp		
Tà dâm		
Nói dối		
Tà kiến		

Bất thiện nghiệp đạo còn lại ----- Nhất Lai Đạo tâm làm giảm nhẹ đi

Nói đâm thọc	}	Bất Lai Đạo tâm đoạn trừ tuyệt đối
Nói độc ác		
Sân hận		
Nói vô ích	}	A-ra-hán Đạo tâm đoạn trừ tuyệt đối
Tham lam		

PHALACITTA

QUẢ TÂM

Phalacitta – **Quả tâm** hay còn gọi là *Lokuttaravipākacitta* – *Siêu thể quả tâm* là tâm quả của các Siêu thể thiện tâm hay các Đạo tâm. Khi Đạo tâm khởi sinh cùng với sự đoạn tận phiền não xong thì *Quả tâm* cũng phát sinh lập tức tiếp theo mà không có một loại tâm nào chen vào ngăn ở giữa 2 loại tâm này, nên gọi là *akāliko*. Nghĩa là nhân diệt thì quả sinh ngay trước mắt không cần phải đợi thời gian của sự sinh trưởng. *Quả tâm* này sẽ sinh khởi ngay tức khắc, sau khi mà Đạo tâm vừa diệt đi nhằm tạo quả dựa vào việc đoạn tận phiền não của Đạo tâm một cách riêng biệt theo từng loại của Đạo tâm. Do vậy *Siêu thể quả tâm* cũng có 4 tâm giống như của Đạo tâm vậy. Đó là:

- Sotāpattiphalacitta – Nhập Lưu quả tâm, là Quả tâm thứ nhất
- Sakadāgāmiṭṭhacitta – Nhất Lai quả tâm, là Quả tâm thứ nhì
- Anāgāmiṭṭhacitta – Bất Lai quả tâm, là Quả tâm thứ ba
- Arahattaphalacitta – A-ra-hán quả tâm, là Quả tâm thứ tư

I. LIỆT KÊ CÁC QUẢ TÂM

1, Nhập Lưu Quả tâm:

Từ *Sotāpattiphalacitta* chiết tự thành: *sota + āpatti + phala + citta*

- *sota*: dòng nước, lưu chảy
- *āpatti*: đạt đến
- *phala*: quả, trái, kết quả
- *citta*: tâm

Đây là Siêu thể tâm thứ nhì sinh khởi để thọ nhận sự an lạc tịch tịnh mà Nhập Lưu Đạo tâm đã đoạn tận các phiền não ngủ ngầm. Nghĩa là sau khi Nhập Lưu Đạo tâm đoạn trừ tuyệt đối các phiền não tùy miên tương ứng xong rồi diệt đi, ngay tức khắc *Nhập Lưu Quả tâm* khởi sinh và thọ hưởng an lạc tịch tịnh do Nhập Lưu Đạo tâm đã đoạn tận các phiền não. Ngoài ra, *Nhập Lưu Quả tâm* sẽ sinh khởi một khi bậc Thánh Nhập Lưu nhập *Quả định* (*Phalasamāpatti*).

Khi *Nhập Lưu Quả tâm* phát sinh thì sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

a, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Người Nhập Lưu Quả* hay *Nhập Lưu Quả Thánh nhân* (*Sotāpatti-phalapuggala*). Có khi còn gọi là *Sotāpanna* – *Thánh Nhập Lưu*, là bậc *Thánh Hữu học* – *Sekkhapuggala*, cần phải tiếp tục học tập, thực hành cho đến khi giác ngộ giải thoát hoàn toàn trở thành bậc *Thánh Vô học* – *Asekkhapuggala* (tức là Thánh A-ra-hán).

b, *Nhập Lưu Quả tâm* làm cho chúng sinh đó thoát khỏi *Bốn đọa xứ* (*Apāyabhūmi* – *Bốn cảnh khổ*). Nghĩa là bậc Thánh Nhập Lưu sẽ không còn tái sinh vào bốn cảnh khổ nữa, bởi vì các Ngài đã tận diệt các Bất thiện pháp mà đưa đến sự tái sinh vào các cảnh giới này.

c, *Nhập Lưu Quả tâm* phát sinh để thọ hưởng an lạc tịch tịnh do sự đoạn tận Tà kiến (Ditṭhi) và Hoài nghi (Vicikicchā).

Nhập Lưu Quả tâm dưới dạng đầy đủ có cả bảy 5 tâm là:

1. *Vitakkavicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānasotāpatti-phalacittaṃ*.
Đệ nhất thiền nhập lưu quả tâm sinh với 5 thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.
2. *Vicārapīṭisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānasotāpatti-phalacittaṃ*.
Đệ nhị thiền nhập lưu quả tâm sinh với 4 thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.
3. *Pīṭisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānasotāpatti-phalacittaṃ*.
Đệ tam thiền nhập lưu quả tâm sinh với 3 thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.
4. *Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānasotāpatti-phalacittaṃ*.
Đệ tứ thiền nhập lưu quả tâm sinh với 2 thiền chi là lạc và nhất tâm.
5. *Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānasotāpatti-phalacittaṃ*.
Đệ ngũ thiền nhập lưu quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

2, Nhất Lai Quả tâm:

Từ *Sakadāgāmiphala-citta* chiết tự thành: *sakiṃ + āgāmi + phala + citta*

- *sakiṃ*: một lần
- *āgāmi*: trở lại
- *phala*: quả, trái, kết quả
- *citta*: tâm

Sakadāgāmiphala-citta là tâm quả của Nhất Lai Đạo tâm, tâm này sinh khởi ngay sau khi Nhất Lai Đạo tâm vừa diệt hoặc là tâm sinh khởi khi các bậc Thánh Nhất Lai nhập Quả định (Phalasamāpatti).

Một khi *Nhất Lai Quả tâm* phát sinh thì sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

a, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Người Nhất Lai Quả* hay *Nhất Lai Quả Thánh nhân* (*Sakadāgāmi-phalapuggala*). Có khi còn gọi là *Sakadāgāmi – Thánh Nhất Lai*. Đây là bậc Thánh Hữu học, còn phải tu tập thiền tuệ để chứng đắc đạo quả cao hơn.

b, *Nhất Lai Quả tâm* phát sinh nhằm thọ hưởng quả mà Nhất Lai Đạo tâm đã đoạn tận một số phiền não mang lại và để thọ hưởng an lạc giải thoát lúc nhập Quả định.

Nhất Lai Quả tâm dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1. *Vitakkavicārapiṭṭisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānasakadāgāmi-phalacittaṃ*.
Đệ nhất thiền nhất lai quả tâm sinh với 5 thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.
2. *Vicārapiṭṭisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānasakadāgāmi-phalacittaṃ*.
Đệ nhị thiền nhất lai quả tâm sinh với 4 thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.
3. *Piṭṭisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānasakadāgāmi-phalacittaṃ*.
Đệ tam thiền nhất lai quả tâm sinh với 3 thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.
4. *Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānasakadāgāmi-phalacittaṃ*.
Đệ tứ thiền nhất lai quả tâm sinh với 2 thiền chi là lạc và nhất tâm.
5. *Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānasakadāgāmi-phalacittaṃ*.
Đệ ngũ thiền nhất lai quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

3, *Bất Lai Quả tâm*:

Từ *Anāgāmi-phalacitta* chiết tự thành: *na + āgāmi + phala + citta*

- *na*: không
- *āgāmi*: trở lại
- *phala*: quả, trái, kết quả
- *citta*: tâm

Anāgāmi-phalacitta là tâm quả của Bất Lai Đạo tâm, tâm này sinh khởi ngay sau khi Bất Lai Đạo tâm vừa diệt hoặc là tâm sinh khởi khi các bậc Thánh Bất Lai nhập Quả định (*Phalasamāpatti*).

Một khi *Bất Lai Quả tâm* phát sinh thì sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

a, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Người Bất Lai Quả* hay *Bất Lai Quả Thánh nhân* (*Anāgāmi-phalapuggala*). Có khi còn gọi là *Anāgāmi – Thánh Bất Lai*. Đây là bậc Thánh Hữu học, còn phải tu tập thiền tuệ để chứng đắc đạo quả tốt cùng là A-ra-hán Đạo, A-ra-hán Quả.

b, *Bất Lai Quả tâm* đoạn trừ tuyệt đối Dục ái (Kāmarāga) và Sân hận (Byāpāda).

c, *Bất Lai Quả tâm* là tâm đã thoát khỏi Dục ái, nghĩa là bậc Thánh Bất Lai sẽ vĩnh viễn không tái sinh trong Dục giới và chắc chắn sẽ tái sinh trong Phạm thiên giới (Sắc giới hoặc Vô sắc giới).

Bất Lai Quả tâm dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1. *Vitakkavicārāpītisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānānāgāmiphalacittaṃ.*
Đệ nhất thiền bất lai quả tâm sinh với 5 thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.
2. *Vicārāpītisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānānāgāmiphalacittaṃ.*
Đệ nhị thiền bất lai quả tâm sinh với 4 thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.
3. *Pītisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānānāgāmiphalacittaṃ.*
Đệ tam thiền bất lai quả tâm sinh với 3 thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.
4. *Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānānāgāmiphalacittaṃ.*
Đệ tứ thiền bất lai quả tâm sinh với 2 thiền chi là lạc và nhất tâm.
5. *Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānānāgāmiphalacittaṃ.*
Đệ ngũ thiền bất lai quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

4, *A-ra-hán Quả tâm*:

Từ *Arahattaphalacitta* chiết tự thành: *arahatta + phala + citta*

- *arahatta*: bậc đáng cúng dường cao thượng, đáng kính lễ
- *phala*: quả, trái, kết quả
- *citta*: tâm

Arahattamaggacitta tâm Thánh quả tốt cùng phát sinh ngay sau khi A-ra-hán Đạo tâm vừa diệt, không có tâm nào sinh xen vào cả, hoặc là tâm này phát sinh khi bậc Thánh A-ra-hán nhập Quả định.

Một khi *A-ra-hán Quả tâm* phát sinh thì sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

a, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Người A-ra-hán Quả* hay *A-ra-hán Quả Thánh nhân* (*Arahattaphalapuggala*). Có khi còn gọi là *Arahatta – Thánh A-ra-hán*. Đây là bậc Thánh Vô học, không còn phải tu tập gì nữa cả bởi vì ngài đã thoát khỏi tử sinh luân hồi.

b, *A-ra-hán Quả tâm* là tâm đã vượt khỏi Tam giới, không còn một vương mắc nào cả. Nghĩa là bậc Thánh A-ra-hán sau khi Niết-bàn sẽ không còn phải tái sinh nữa. Đây là kiếp sống cuối cùng của các Ngài, từ đây không phải trầm luân trong Tam giới.

c, *A-ra-hán Quả tâm* là tâm đã đoạn tận tuyệt đối 12 Bất thiện tâm nên các tâm này không còn sinh khởi nơi các ngài nữa. Do vậy các bậc Thánh A-ra-hán sẽ không bao giờ tạo Bất thiện nghiệp đạo nữa.

A-ra-hán Quả tâm dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1. *Vitakkavicārapiṭṭisukhekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānārahattaphalacittaṃ.*
Đệ nhất thiền a-ra-hán quả tâm sinh với 5 thiền chi là tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm.
2. *Vicārapiṭṭisukhekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānārahattaphalacittaṃ.*
Đệ nhị thiền a-ra-hán quả tâm sinh với 4 thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm.
3. *Piṭṭisukhekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānārahattaphalacittaṃ.*
Đệ tam thiền a-ra-hán quả tâm sinh với 3 thiền chi là phi, lạc và nhất tâm.
4. *Sukhekaggatāsahitaṃ catutthajjhānārahattaphalacittaṃ.*
Đệ tứ thiền a-ra-hán quả tâm sinh với 2 thiền chi là lạc và nhất tâm.
5. *Upekkhekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānārahattaphalacittaṃ.*
Đệ ngũ thiền a-ra-hán quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

II. CÁC HẠNG THÁNH NHÂN

1, *Sotāpanna* – Nhập Lưu Thánh nhân:

Bậc Thánh Nhập Lưu có 3 hạng là:

a, *Ekabījīsotāpanna*: Bậc Thánh Nhập Lưu còn tái sinh một kiếp nữa rồi đắc quả Thánh A-ra-hán và Niết-bàn trong kiếp đó.

b, *Kolaṅkolasotāpanna*: Bậc Thánh Nhập Lưu còn tái sinh nhiều nhất từ 2 đến 6 kiếp mới đắc quả Thánh A-ra-hán rồi Niết-bàn.

c, *Sattakkhattuparamasotāpanna*: Bậc Thánh Nhập Lưu còn tái sinh nhiều nhất 7 kiếp mới đắc quả Thánh A-ra-hán rồi Niết-bàn.

Ngoài ra còn có một hạng Thánh Nhập Lưu đặc biệt khác nữa có tên gọi là *Vaṭṭabhiratasotāpanna*. Hạng Thánh Nhập Lưu này có sở tánh vừa lòng với sự luân hồi trong Tam giới, có nguyện vọng tuần tự tái sinh trong 6 cõi chư thiên Dục giới, cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh (Akaniṭṭhabhūmi) rồi mới Niết-bàn. Hạng Thánh Nhập Lưu này gồm 7 vị như sau: *Anāthapiṇḍikaseṭṭhī*, *Visākhā upāsikā*, *Cūlaratto devaputto*, *Mahāratto devaputto*, *Anekavaṇṇo devaputto*, *Sakko devarājā* và *Nāgadatto devaputto* (Các vị Thánh Nhập Lưu này có thể xếp vào hạng Sattakkhattuparamasotāpanna cũng được).

2, *Sakadāgāmi* – Nhất Lai Thánh nhân:

Bậc Thánh Nhất Lai có 3 hạng là:

a, *Idha patvā idha parinibbāyī...* : Thành tựu quả Thánh Nhất Lai tại cõi người và đắc quả A-ra-hán cũng trong cõi người.

b, *Tattha patvā tattha parinibbāyī...* : Thành tựu quả Thánh Nhất Lai tại cõi trời và đắc quả A-ra-hán tại cõi trời đó.

c, *Idha patvā tattha parinibbāyī...* : Thành tựu quả Thánh Nhất Lai tại cõi người, cuối đời tái sinh lên cõi trời và đắc quả A-ra-hán tại cõi trời đó.

d, *Tattha patvā idha parinibbāyī...* : Thành tựu quả Thánh Nhất Lai tại cõi trời, cuối đời tái sinh vào cõi người và đắc quả A-ra-hán tại cõi người đó.

e, *Idha patvā tattha nibbattitvā idha parinibbāyī...* : Thành tựu quả Thánh Nhất Lai tại cõi người, cuối đời tái sinh lên cõi trời, mạng chung tại cõi trời này rồi tái sinh vào cõi người và đắc quả A-ra-hán tại cõi người đó.

3, *Anāgāmi*panna – Bất Lai Thánh nhân:

Trong bộ *Visuddhimagga Mahāṭīkā* ghi rõ có 5 hạng Thánh Bất Lai là:

a, *Anantaraparinibbāyī*: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào Phạm Thiên giới, rồi đắc quả A-ra-hán và nhập Niết-bàn trong khoảng thời gian nửa đầu tuổi thọ của cõi ấy.

b, *Upahaccaparinibbāyī*: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào một cõi Phạm Thiên giới nào đó, rồi đắc quả A-ra-hán và nhập Niết-bàn trong khoảng thời gian nửa sau tuổi thọ của cảnh giới ấy.

c, *Asaṅkhāraparinibbāyī*: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào một cõi Phạm Thiên giới nào đó, rồi đắc quả A-ra-hán một cách thuận lợi, không phải nỗ lực nhiều.

d, *Sasaṅkhāraparinibbāyī*: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào một cõi Phạm Thiên giới nào đó, rồi đắc quả A-ra-hán một cách khó khăn, cần phải nỗ lực mạnh mẽ.

e, *Uddhasota akantṭhagāmi*: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào cõi Ngũ Tịnh Cư thiên (Sudhāvāsabhūmi) bậc thấp, tính từ Vô Phiền thiên; sau đó mạng chung và tái sinh lên cảnh giới cao hơn theo tuần tự là: Vô Nhiệt thiên, Thiện Kiến thiên, Thiện Hiện thiên, cho đến Sắc Cứu Cánh thiên rồi đắc quả A-ra-hán và Niết-bàn ở cảnh giới này.

4, *Arahanta* – A-ra-hán Thánh nhân:

A-ra-hán Quả Thánh nhân (Arahattaphalapuggala) hay Bậc Thánh A-ra-hán có

nhiều tên gọi khác nhau:

- *Arahanta*: Bậc đáng lễ bái cúng dường tối thượng. Như Pāli định nghĩa:

* *Aharitabbo pūjetabbo'ti = arahā*.

Bậc mà người ta nên cúng dường.

- *Khīnāsava*: Bậc đã đoạn tận lậu hoặc, trầm luân.

- *Asekkhapuggala*: Bậc Thánh Vô học, nghĩa là không phải học tập tiếp nữa vì đã thành tựu đầy đủ Giới học, Định học và Tuệ học. Như Pāli định nghĩa:

* *Pariniṭṭhasikkhattā puna na sikkhatī'ti = asekkho*.

Bậc không phải học tập nữa bởi vì đã chấm dứt việc học tập gọi là vô học.

Bậc Thánh A-ra-hán chia làm 2 hạng:

- Bậc Thánh A-ra-hán thành tựu bằng Paññāvimutti – Tuệ giải thoát

- Bậc thánh A-ra-hán thành tựu bằng Cetovimutti – Tâm giải thoát

(1), *Paññāvimutti – Tuệ giải thoát*: Vị Thánh A-ra-hán này đắc Đạo Quả bằng việc tu tiến thiền Minh sát đơn thuần mà thôi, không tu tập thiền Chỉ tịnh, không đắc thiền gì cả, và khi đắc Đạo Quả thì chỉ đoạn tận lậu hoặc, giác ngộ giải thoát nên được gọi là Thánh A-ra-hán *Sukkhapassaka*.

(2), *Cetovimutti – Tâm giải thoát*: Vị Thánh A-ra-hán này đắc Đạo Quả bằng việc tu tiến thiền Minh sát cùng với việc đắc thiền Chỉ tịnh. Việc đắc thiền Chỉ tịnh này có thể đắc qua 2 phương pháp sau:

- Hành giả tiến hành thiền Chỉ tịnh và đắc thiền này trước gọi là *Paṭipadā-siddhijhāna* – Thiền do năng lực tu tập, rồi sau đó dựa trên nền tảng của thiền Chỉ tịnh mà tu tập thiền Minh sát và Đạo Quả A-ra-hán.

- Hành giả không tu tập thiền Chỉ tịnh nhưng lúc tiến hành thiền Minh sát đến khi đắc Quả A-ra-hán, do năng lực của phước nghiệp nhiều đời trước, cũng đắc thiền Chỉ tịnh luôn. Thiền Chỉ tịnh đạt được này gọi là *Maggasiddhijhanā* – Thiền do năng lực của Đạo. Thiền đã thành tựu này cũng có thể đạt đến khả năng thần thông.

Vị thánh A-ra-hán Tâm giải thoát là bậc thành tựu thiền Chỉ tịnh nên được gọi là *Jhānalābhīpuggala*. Trong số các vị này, có vị đạt được Thần thông (*Abhiññā* – Thắng trí) và có vị không có thần thông. Ngay cả với vị đắc thần thông thì có một số vị đắc Lục thông và một số khác đắc Tam minh.

TEVIJĀ – TAM MINH

Tam minh là 3 loại trí tuệ mà các bậc Thánh đã chứng đắc, bao gồm:

(1), *Pubbenivāsānussatiñāṇa* – **Túc mạng minh**: Trí tuệ nhớ lại những kiếp quá khứ của mình.

(2), *Dibbacakkhuñāṇa* – **Thiên nhãn minh**: Có thiên nhãn biết được sự sinh tử của tất cả chúng sinh, trí tuệ này còn có tên gọi là *Cutūpapātāñāṇa* – **Sinh tử minh**.

(3), *Āsavakkhayañāṇa* – **Lậu tận minh**: Trí tuệ biết cách đoạn tận lậu hoặc, chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát tử sinh luân hồi.

Bậc thánh A-ra-hán *Sukkhavipassaka* hoặc *Jhānalābhīpuggala* đắc thần thông hay không đắc thần thông khi thành tựu quả vị A-ra-hán đều đắc Lậu tận minh cả thảy.

CHA ABHIÑÑĀ – LỤC THÔNG

Lục thông bao gồm 3 Minh vừa nói trên thêm 3 Thắng trí (Abhiññā) khác nữa:

(4), *Cetopariyañāṇa* – **Tha tâm thông**: Biết được tâm chúng sinh.

(5), *Dibhasotāñāṇa* – **Thiên nhĩ thông**: Nghe được mọi âm thanh dẫu xa hoặc gần của tất cả chúng sinh.

(6), *Iddhivithañāṇa* – **Thần túc thông**: Có khả năng thi triển thần thông.

PAṬISAMBHIDĀÑĀṇA – TUỆ PHÂN TÍCH

Bậc thánh A-ra-hán còn được phân thành 2 hạng khác nữa là:

- Thánh A-ra-hán đắc Tuệ phân tích (Paṭisambhidāñāṇa)
- Thánh A-ra-hán không đắc Tuệ phân tích

Tuệ phân tích hay còn gọi là **Vô ngại giải trí** là trí tuệ thuần thực, siêu việt, nhạy bén về các phương diện ngữ nghĩa của giáo pháp, của ngôn từ, v.v... Tuệ phân tích chia thành 4 loại như sau:

(1), *Atthapaṭisambhidāñāṇa* – **Nghĩa vô ngại giải**: Trí tuệ sắc bén về quả đã được sinh khởi từ nhân. “Attha” mang nghĩa là “quả”, bao gồm 5 pháp là:

- *Yamkiñci paccayasambhūtaṃ*: Tất cả pháp sinh ra đều do các duyên tạo tác

- *Nibbānaṃ*: Niết-bàn
- *Bhāsitattho*: Giải nghĩa để hiểu rõ 32 tâm quả
- *Kiriyācittaṃ*: Duy tác tâm có 20 tâm
- *Phalacittaṃ*: Quả tâm có 4 tâm

(2), ***Dhammapaṭisambhidāñāṇa – Pháp vô ngại giải***: Trí tuệ sắc bén về nhân làm phát sinh quả. “Dhamma” mang nghĩa là “nhân”, bao gồm 5 pháp là:

- *Yo koci phalanibbattako hetu*: Tất cả các nhân làm cho quả phát sinh
- *Ariyamaggo*: Thánh đạo tâm có 4 tâm
- *Bhāsitam*: Tam tạng kinh điển, giáo pháp
- *Kusalacittaṃ*: Hiệp thể thiện tâm có 17 tâm
- *Akusalacittaṃ*: Bất thiện tâm có 12 tâm

(3), ***Niruttipaṭisambhidāñāṇa – Ngữ vô ngại giải***: Trí tuệ sắc bén về ngôn ngữ chế định dựa trên nền tảng của *Nghĩa vô ngại giải* và *Pháp vô ngại giải*. Nghĩa là trong việc giải thích, thuyết giảng về hai loại trên để người nghe được hiểu rõ, hiểu sâu, hiểu đúng đắn thì cần thiết phải biết cách sử dụng ngôn ngữ, lời nói sao cho phù hợp, thuận thời như thế gọi là *Ngữ vô ngại giải*. Ngoài ra các Chú giải sư cho rằng *Ngữ vô ngại giải* ở đây chính là cách sử dụng tài tình, điều luyện tiếng Pāli trong việc trình bày, thuyết giảng giáo pháp của Đức Phật.

(4), ***Paṭibhāṇapaṭisambhidāñāṇa – Biện tài vô ngại giải***: Trí tuệ sắc bén về cả 3 Vô ngại giải ở trên. Nghĩa là có trí tuệ sắc bén, nhanh nhạy, nhu nhuyễn, uyển chuyển, tài ba, kịp thời, ứng tác trong việc trả lời, giải đáp, biện luận cả 3 loại vô ngại giải là: giải về nhân, giải về quả và về ngôn ngữ. Trí tuệ như thế gọi là *Biện tài vô ngại*.

BA LOẠI THÁNH A-RA-HÁN

Bậc thánh A-ra-hán được phân thành 3 loại khác nhau:

(1), ***Arahanta Sammāsambuddha***: Bậc Thánh A-ra-hán tự mình chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác (*Anuttarasammāsambuddhañāṇa*), có khả năng chỉ dạy cho chúng sinh hữu duyên được thoát khổ, đắc Thánh Đạo và Thánh Quả bởi vì Ngài có đủ đầy trí tuệ, đủ đầy ba-la-mật để độ cho chúng sinh thông qua:

- *Āsayānusayañāṇa*: Tuệ biết rõ các phiền não ngủ ngầm và tính cách của mọi chúng sinh.

- *Indriyaparopariyattiñāṇa*: Tuệ biết rõ căn cơ của chúng sinh là cao hay thấp, lanh lẹ hay chậm lụt, v.v...

- *Sabbaññuttañāṇa*: Tuệ biết rõ Pháp Hữu vi (Saṅkhatadhamma) và Pháp Vô vi (Asaṅkhatadhamma), luôn cả Pháp Chế định (Paññattidhamma).

(2), *Arahanta Paccekabuddha*: Bậc Thánh A-ra-hán tự mình chứng ngộ nhưng không thể chế định ngôn từ về giáo pháp để độ chúng sinh thoát khổ được; do ngài không chứng đắc ba loại Tuệ như đã nêu ở trên của bậc Chánh Đẳng Giác. Bậc Thánh này còn được gọi là Phật Độc Giác.

(3), *Arahanta Sāvaka*: Bậc Thánh A-ra-hán nương theo lời dạy của Đức Phật Chánh Đẳng Giác tu tập và giác ngộ giải thoát, gọi là bậc Thánh Thanh văn đệ tử, tên Pāli có khi gọi là: *Sutabuddha*, *Anubuddha*. Thánh Thanh văn đệ tử có 3 hạng là:

- *Pakatisāvaka*: Thánh Thanh văn đệ tử thông thường, đã đoạn tận lậu hoặc, phiền não nói chung.

- *Mahāsāvaka*: Thánh Thanh văn đệ tử thân cận với Đức Thế Tôn, được Ngài phong danh hiệu *Etadagga* – Đệ nhất là 41 vị, và có thêm 39 vị không tấn phong, tổng cộng có 80 vị Đại đệ tử (Mahāsāvaka).

- *Aggasāvaka*: Thánh Thanh văn đệ tử tối thượng, chỉ có 2 vị, được Đức Thế Tôn tấn phong danh hiệu:

* *Đệ nhất Trí tuệ*, đó là ngài Sāriputta, vị ở phía phải của Đức Phật

* *Đệ nhất Thần thông*, đó là ngài Moggallāna, vị ở phía trái của Đức Phật



TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG THÁI

1. ปรมัตถโชติกะ ชั้นอุปัชฌายกรรมิกะตรี พระสัทธัมมโชติกะ ฐัมมาจริยะ
2. คู่มือการฟังพระอภิธรรม เล่ม ๑ มุลนิธิตถานที่ไม่ตั้งอยู่ในความประมาท
3. คู่มือการศึกษาพระอภิธรรมมัตถสังคหะ ปริจเฉทที่ ๑ โดย อาจารย์บุญมี เมธางกูร อาจารย์บุญกร เมธางกูร
4. คู่มือการศึกษาพระอภิธรรมมัตถสังคหะ ปริจเฉทที่ ๑ จิตปรมัตถ์ โดยนายวรรณสิทธิ ไวทยะเสวี
5. คัมภีร์อัฐฐสาธินี พระพุทธโฆสาจารย์ รจนา พระคันธสาลาภิงส์ แปล
6. คัมภีร์อภิธานวรรณนา พระมหาสมปอง มุทิโต แปลและเรียบเรียง
7. อภิธรรมมัตถสังคหะ และปรมัตถทีปนี พระคันธสาลาภิงส์ แปล
8. อภิธรรมมวาทาร พระคันธสาลาภิงส์ แปล
9. คัมภีร์วิสุทธิมรรค สมเด็จพระพุทธาจารย์ (อาจ อาสภมหาเถร) แปล

TIẾNG VIỆT

1. Thắng Pháp Tập Yếu Luận, tập I, tỳ-khưu Thích Minh Châu, Tu thư Viện Đại Học Vạn Hạnh 1973.
2. Vi Diệu Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống, tỳ-khưu Hộ Pháp, NXB Tôn Giáo.
3. Tìm Hiểu Pháp Hành Thiền Tuệ, tỳ-khưu Hộ Pháp, NXB Tôn Giáo 2002.
4. Thanh Tịnh Đạo, Thích Nữ Trí Hải chuyển dịch, Chùa Pháp Vân ấn hành.
5. Thanh Tịnh Đạo, tỳ-khưu Ngộ Đạo dịch, NXB Tổng Hợp Hồ Chí Minh 2012.
6. Tâm Vấn Đáp, tỳ-khưu Chánh Minh biên soạn, NXB Tôn Giáo 2003.
7. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, Venerable Nārada Mahāthera, Phạm Kim Khánh dịch.
8. Đức Phật và Phật Pháp, Venerable Nārada Mahāthera, Phạm Kim Khánh dịch.

VI DIỆU PHÁP TOÁT YẾU

TẬP I

CITTA – TÂM

(TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT)

Tường Nhân Sư

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

33 Chu Văn An - Huế

ĐT: 02343.823847 – 02343.849730

Email: nxbthuanhoa@yahoo.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ts. Nguyễn Duy Tờ

Biên tập:	Nguyễn Thị Ái Linh
Bìa và trình bày:	Mahākāruṇiko
Sửa bản in:	Sutadhammā
Đơn vị liên kết:	Sư Tường Nhân
Địa chỉ:	Số 03, Lê Quý Đôn, Phường Phú Hội, Tp. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số lượng in: 1000 bản, khổ: 21x29,7cm.

*In tại Công ty TNHH In Huế, 51A Minh Mạng, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế.*

Số đăng ký KHXB: 4225-2023/CXBIPH/2-103/ThuH.

Quyết định xuất bản số: 181/QĐ-NXBTH. Ngày 04/12/2023.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2023.

Mã ISBN: 978-604-353-462-7.

